

DRI

Hướng đến “Phát triển bền vững”

59 Cao Thắng, Thành phố Buôn Ma Thuật, Tỉnh Đắk Lắk

(0262) 3867 676

dri@dri.com.vn

dri.com.vn



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

2022



MỤC LỤC

- 01. THÔNG TIN CHUNG
- 02. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM
- 03. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
- 04. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
- 05. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- 06. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
- 07. QUẢN TRỊ CÔNG TY
- 08. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý vị,

Năm 2022 Kinh tế – xã hội của nước ta diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động khó lường làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu được các tổ chức quốc tế dự báo tăng hoặc giữ nguyên so với dự báo tại thời điểm quý III/2022 nhưng thấp hơn tăng trưởng của năm 2021.



Trong nước, với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế, hoàn thành mục tiêu kinh tế – xã hội năm 2022 và giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết Đại hội Đảng XIII, Chính phủ đã điều hành nền kinh tế với những thành tựu: Kinh tế vĩ mô tiếp tục duy trì ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo; chính sách tiền tệ, tài khóa được điều hành chủ động, linh hoạt và hiệu quả. Kinh tế năm 2022 nước ta khởi sắc trên hầu hết các lĩnh vực. GDP năm 2022 tăng cao ở mức 8,02% so với năm trước, là mức tăng cao nhất các năm trong giai đoạn 2011-2022. Hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa tăng trưởng khá và có mức thặng dư tích cực. Tính chung năm 2022, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 732,5 tỷ USD, tăng 9,5% so với 2021, trong đó xuất khẩu tăng 10,6%; nhập khẩu tăng 8,4%; ước tính xuất siêu 11,2 tỷ USD. Lạm phát được kiểm soát, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2022 tăng 3,15% so với 2021.

Trong bối cảnh đó Ngành cao su cũng đã đạt những thành tích đáng kể khi tổng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành ước đạt 10,3 tỷ USD, tăng 8,5% so với năm 2021. Trong đó, xuất khẩu cao su thiên nhiên ước đạt 2,14 triệu tấn, trị giá 3,31 tỷ USD, tăng 9,6% về lượng, nhưng chỉ tăng 1,1% về giá trị, bởi giá xuất khẩu bình quân là 1.547 USD/tấn, giảm 7,8% so với năm 2021. Bên cạnh những thành tựu như trên, ngành cao su cũng đối mặt với những thách thức và khó khăn khi phải thay đổi để đáp ứng được các chính sách mới về phát triển bền vững, hướng tới sản xuất xanh, thân thiện với môi trường, tuân thủ trách nhiệm xã hội.

DRI của chúng ta ngoài những thuận lợi và khó khăn chung của ngành, chúng ta còn đương đầu với những khó khăn đặc thù khi toàn bộ vườn cây cao su, nhà máy chế biến nằm tại nước bạn Lào, khác biệt về địa lý, ngôn ngữ, phong tục tập quán, khó khăn trong tuyển dụng lao động, chênh lệch tỷ giá giữa đồng LAK với đồng USD, VN đồng,... Mặc dù, các chỉ tiêu của năm 2022 không đạt được kế hoạch đề ra, nhưng chỉ tiêu về lợi nhuận vượt kế hoạch; chỉ tiêu xuất khẩu hàng hóa cũng đạt ở mức cao... Tuy nhiên dù trong mọi hoàn cảnh, chúng ta đều cố gắng nỗ lực để từng bước hướng tới mục tiêu dài hạn đã đề ra. Năm 2022 chúng ta đã được Hiệp hội cao su Việt Nam công nhận Nhân hiệu cao su Việt Nam cho 03 sản phẩm SVR3L, SVRCV60, SVR10. Là năm thứ 4 liên tục được vinh danh trong top 50 doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu cao su cao nhất. Tháng 3 năm 2023 DRI chính thức ký hợp đồng thuê tư vấn chuẩn bị tài liệu, hồ sơ và các điều kiện cần và đủ khác để đến năm 2024 xin đánh giá chứng nhận FSC FM/CoC cho vườn cây cao su tại Lào, nhà máy chế biến và mảng thương mại của DRI, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh, giảm chi phí nhờ sử dụng hiệu quả các nguồn lực, từng bước xâm nhập sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Năm 2023, là năm thứ hai của nhiệm kỳ 3 (2022-2027), dự báo vẫn còn những khó khăn thách thức, nhưng với những định hướng dài hạn của ĐHĐCĐ và của HĐQT; cùng với sự đoàn kết, nỗ lực của đội ngũ CBCNV DRI, HĐQT Công ty sẽ tiếp tục phấn đấu mang lại thành quả tốt nhất cho quý cổ đông và sự phát triển bền vững trong tương lai.

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, tôi gửi lời cảm ơn đến tất cả các cổ đông, CBCNV DRI, các đối tác đã đồng hành cùng DRI trong thời gian qua và hy vọng quý vị sẽ tiếp tục đồng hành cùng chúng tôi để đưa DRI tiếp tục phát triển.

Chúc quý vị luôn mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công!

CHỦ TỊCH HĐQT

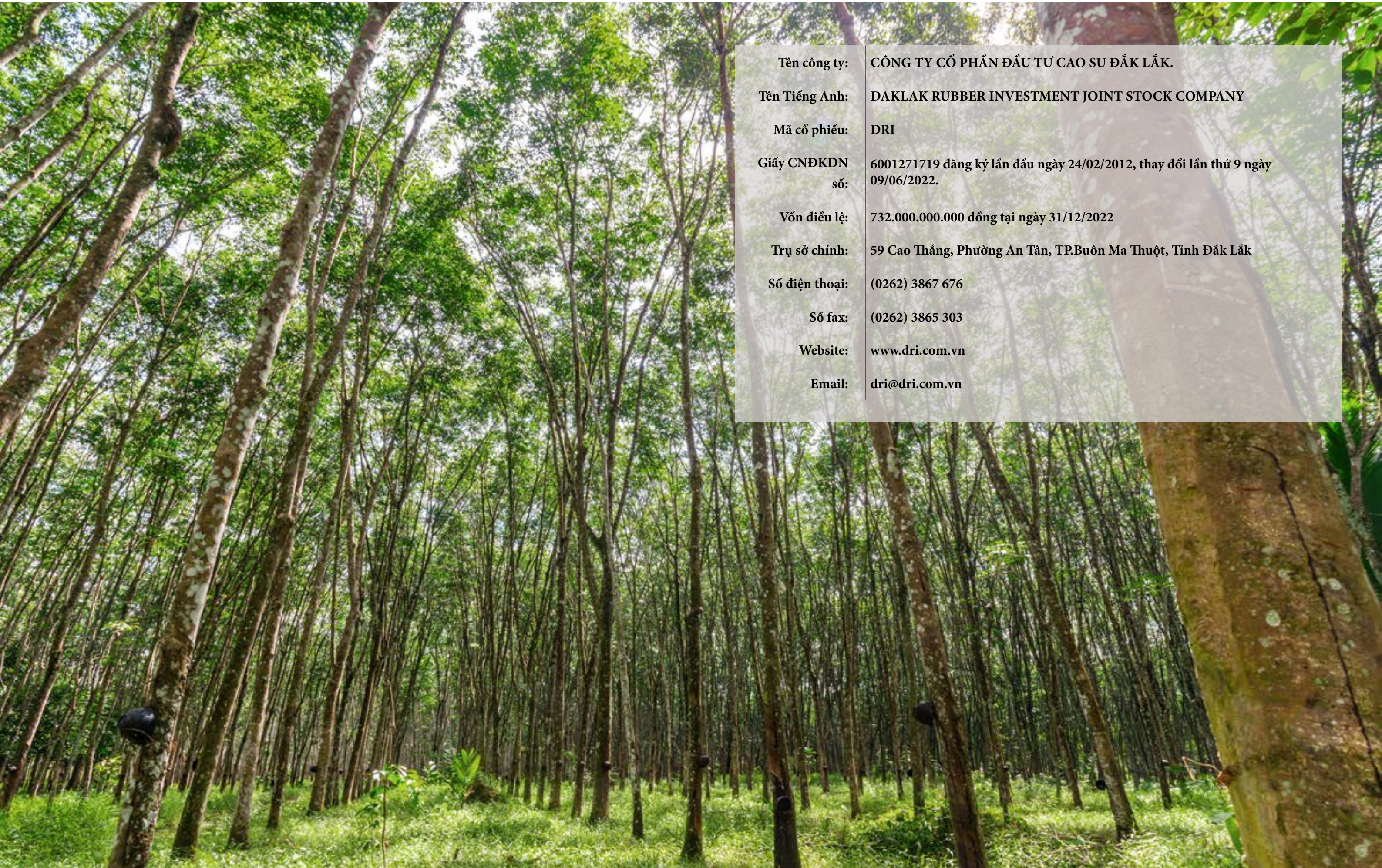
Nguyễn Viết Tượng



01

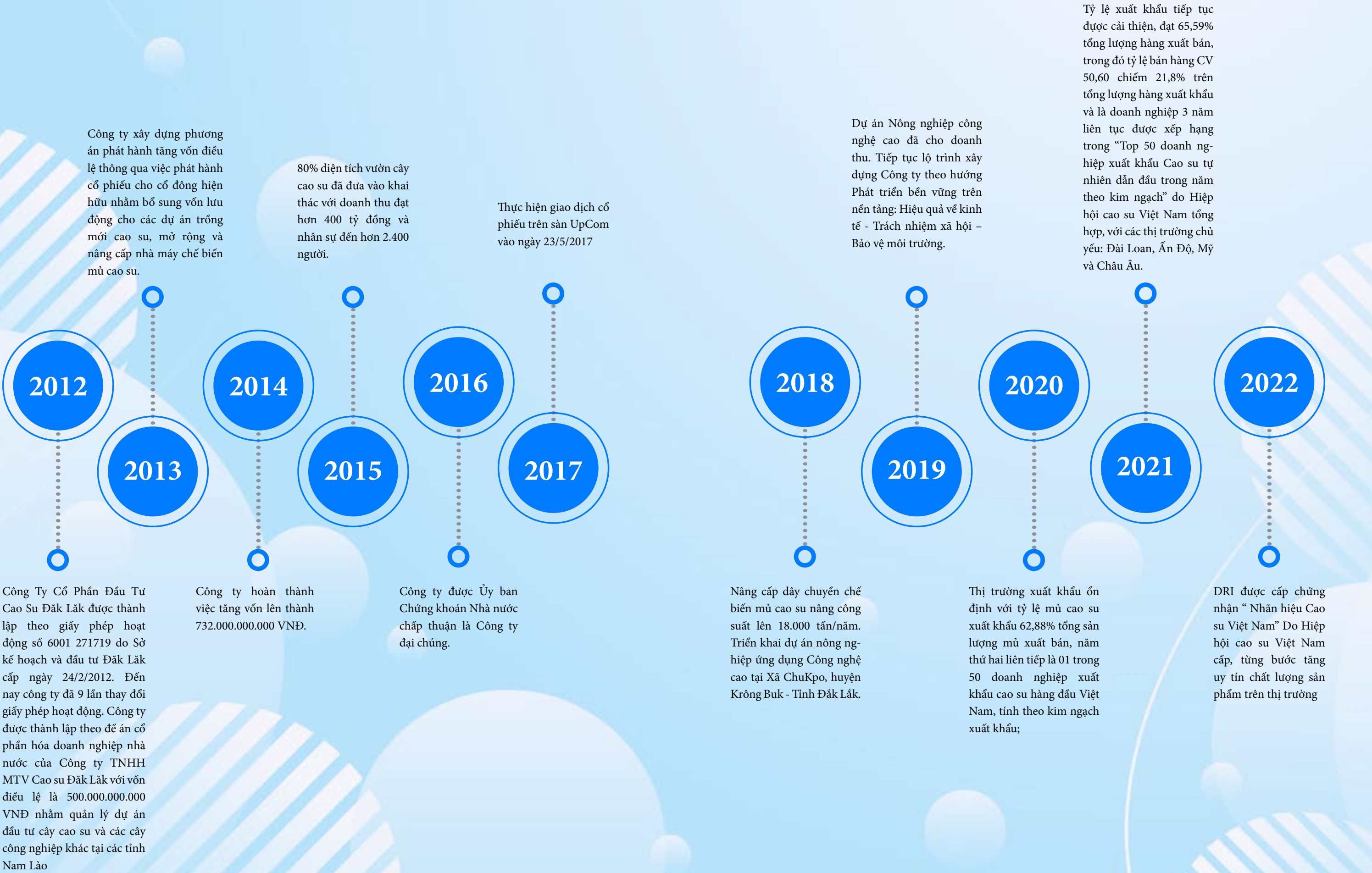
THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Thành tích đạt được trong năm 2022
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị tổ chức kinh doanh và bộ máy
- Định hướng phát triển
- Các yếu tố rủi ro



Tên công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK.
Tên Tiếng Anh:	DAKLAK RUBBER INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
Mã cổ phiếu:	DRI
Giấy CNĐKDN số:	6001271719 đăng ký lần đầu ngày 24/02/2012, thay đổi lần thứ 9 ngày 09/06/2022.
Vốn điều lệ:	732.000.000.000 đồng tại ngày 31/12/2022
Trụ sở chính:	59 Cao Thắng, Phường An Tân, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Số điện thoại:	(0262) 3867 676
Số fax:	(0262) 3865 303
Website:	www.dri.com.vn
Email:	dri@dri.com.vn

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2022

- Năm thứ 4 liên tiếp DRI được vinh danh là 1 trong 50 doanh nghiệp xuất khẩu cao su dẫn đầu năm 2022 tính trên kim ngạch xuất khẩu theo Số liệu của Tổng cục Hải Quan. (Xếp thứ 38/50);
- Năm 2022: DRI được cấp chứng nhận “ Nhân hiệu Cao su Việt Nam” Do Hiệp hội cao su Việt Nam cấp, từng bước tăng uy tín chất lượng sản phẩm trên thị trường.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- Trồng cây cao su.
- Chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ cao su thiên nhiên.
- Bán buôn mủ cao su và nông sản; Bán buôn cây giống cao su và cây công nghiệp khác.
- Trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế và tiêu thụ sản phẩm trái cây.
- Bán buôn máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến cao su, sản xuất nông nghiệp

Sản phẩm tiêu biểu: SVR 3L, SVR CV60, SVR CV50, SVR10, SVR 20, hạt điều, chuối quả bán nội địa và xuất khẩu.



SVR 3L



SVR 10



SVRCV50

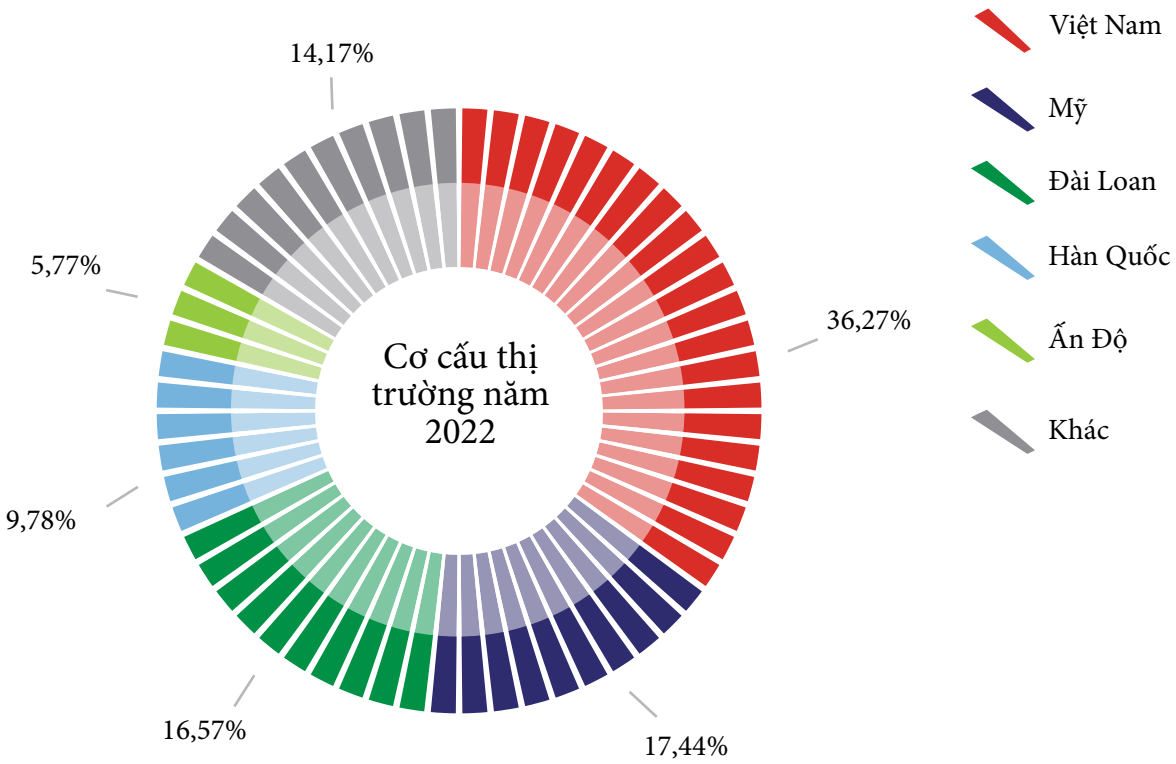


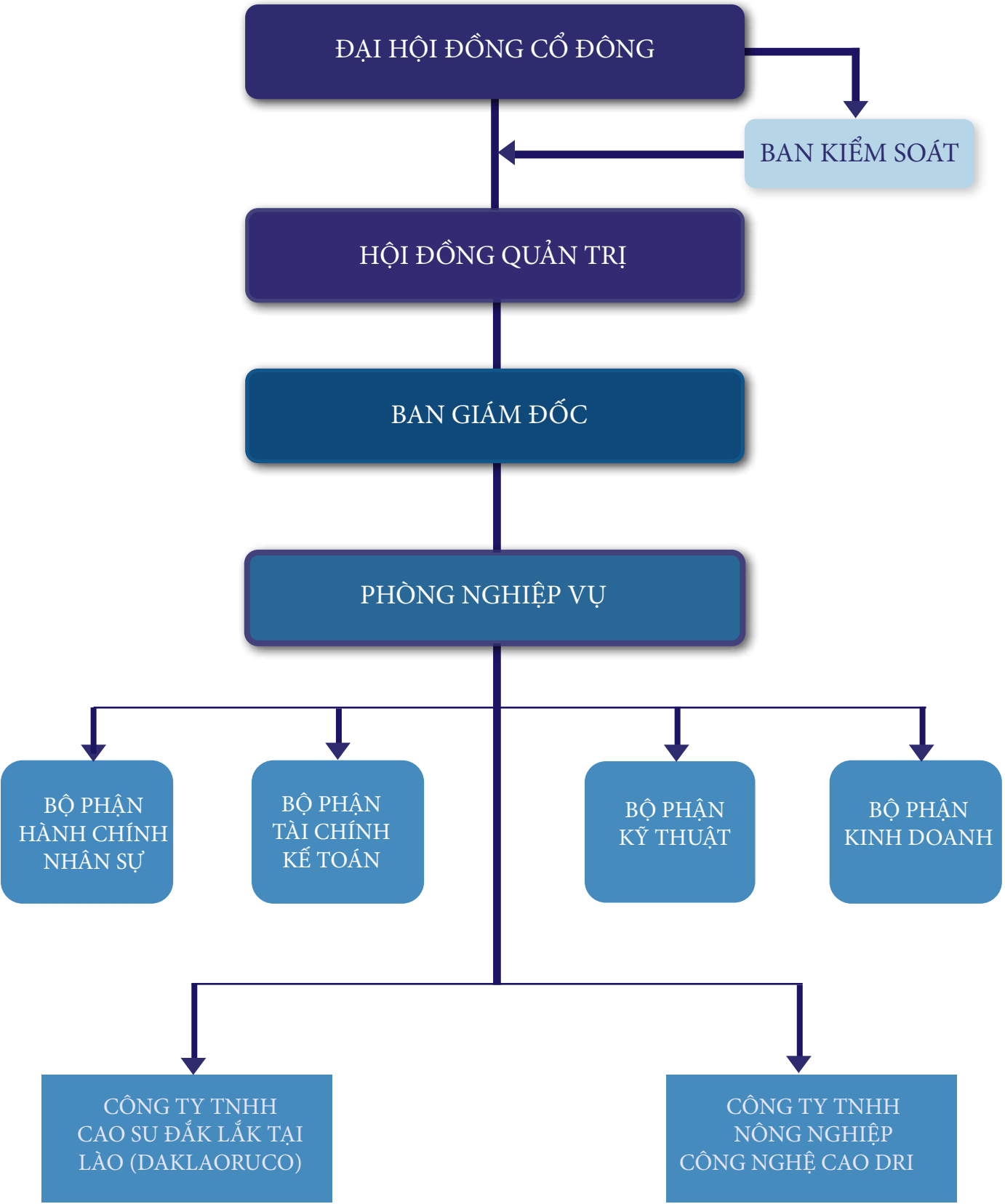
SVRCV60

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn kinh doanh

Vườn cao su được trồng tại 2 tỉnh ChămPaSăk và Salavan tại nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào
Sản phẩm được xuất bán đi các nước Mỹ, Đức, Tây Ban Nha, Bỉ, Ấn độ, Hàn quốc, Malaysia, Singapore, Đài loan, ...





Mô hình quản trị công ty theo điểm a, khoản 1 điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 gồm:

- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)
- Hội đồng quản trị (HĐQT)
- Ban kiểm soát (BKS)
- Tổng giám đốc (TGD)

Công ty con, Công ty liên kết



Công ty TNHH cao su Đắk Lắk (Daklaoruco)

- Vốn điều lệ: 25.000.000 USD
- Tỷ lệ sở hữu: 100%



Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI

- Vốn điều lệ : 31.000.000.000 VNĐ
- Tỷ lệ sở hữu : 83,87%



Tầm nhìn

Đến năm 2030 là một Công ty có danh tiếng trong ngành cao su Đông Nam Á. Chậm nhất đến năm 2024 sẽ hoàn thành việc cấp chứng chỉ FSC-FM cho sản phẩm gỗ, mủ cao su; FSC-CoC cho Nhà máy Chế biến mủ Daklaoruco và lĩnh vực thương mại của DRI;

Sứ mệnh

Phát triển bền vững: Hiệu quả về kinh tế - Bảo vệ môi trường – Trách nhiệm xã hội

Giá trị cốt lõi

Bảo toàn và phát triển nguồn vốn của cổ đông
Tạo việc làm và nâng cao đời sống cho người lao động

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Kiên định với mục tiêu Phát triển bền vững, hài hòa lợi ích của các bên liên quan, đảm bảo các yếu tố: Hiệu quả về kinh tế - Bảo vệ môi trường – Trách nhiệm xã hội.
- Đảm bảo năng suất tối ưu; Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm, bảo đảm tính ổn định và đồng đều của sản phẩm; sản xuất những sản phẩm chất lượng có giá trị gia tăng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường; Không ngừng quảng bá hình ảnh, sản phẩm, thương hiệu Công ty với khách hàng trong và ngoài nước thông qua việc thiết lập mối quan hệ hợp tác với các tham tán thương mại; tham gia các chương trình xúc tiến thương mại và hội thảo trong và ngoài nước nâng cao tỷ lệ xuất khẩu.
- Tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng bộ máy quản lý gọn nhẹ, linh hoạt, trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ tốt; Chú trọng công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu ngày càng phát triển của DRI;
- Củng cố thâm canh vườn cây, kiểm soát việc tuân thủ các quy trình kỹ thuật, áp dụng những tiến bộ KHKT, phương pháp quản lý hiệu quả vào sản xuất nhằm đảm bảo sự sinh trưởng phát triển của vườn cây, duy trì năng suất cao ổn định;
- Từng bước ứng dụng công nghệ 4.0 vào quản lý. Làm tốt công tác quản trị chi phí, giá thành, luôn duy trì giá thành mủ cao su, hạt điều, chuối tươi ở mức hợp lý, nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty, lợi ích cho các cổ đông;



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Quản lý tốt các dự án phát triển cao su tại các tỉnh Nam Lào; xây dựng và thực hiện lộ trình khai thác vườn cây và trồng tái canh vườn cây cao su chu kỳ thứ hai, phù hợp với hợp đồng tô nhượng đất và chất lượng vườn cây; đầu tư chế biến, xuất khẩu gỗ cao su từ vườn cây thanh lý.
- Xây dựng hệ thống nền tảng vững chắc nhằm phát triển các sản phẩm mang thương hiệu riêng của Công ty, mở rộng thị trường xuất khẩu;
- Xây dựng nền văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng, tạo sự kết nối chặt chẽ giữa Ban lãnh đạo và các thành viên khác trong Công ty;
- Xây dựng và triển khai Lộ trình Phát triển cao su bền vững, thân thiện với môi trường, cộng đồng, phấn đấu chậm nhất năm 2024 sẽ hoàn thành việc cấp chứng chỉ FSC-FM cho sản phẩm gỗ, mủ cao su; FSC-CoC cho Nhà máy Chế biến mủ Daklaoruco và lĩnh vực thương mại của DRI. Mang lại lợi ích bền vững cho Công ty và các bên liên quan.

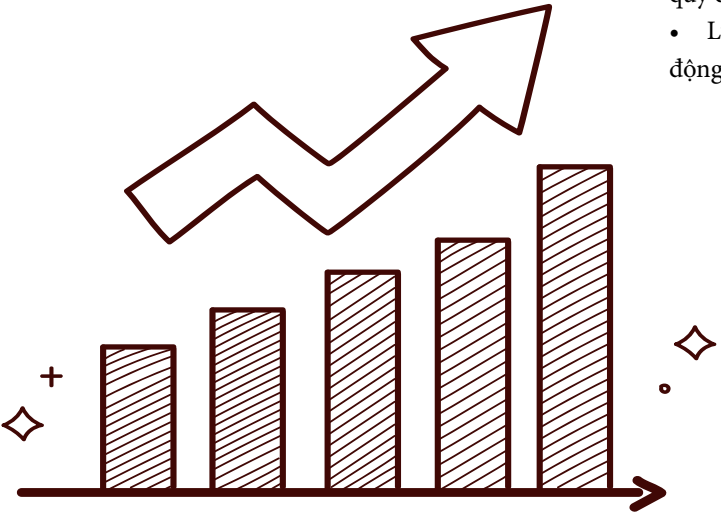
Các mục tiêu đối với môi trường và xã hội

Môi trường:

- Hoạt động kinh doanh gắn liền với bảo vệ môi trường, tạo sinh kế ổn định cho dân cư trong vùng dự án, góp phần thay đổi tập quán canh tác và xóa bỏ được tập tục du canh, du cư của người dân tại Champasak, Salavan – Lào; tạo sinh kế cho người dân huyện Krông Buk, Đắk Lắk - Việt Nam;
- Thực hiện các biện pháp hạn chế và giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường; Trong hoạt động sản xuất của doanh nghiệp tuân thủ các quy định về môi trường tại nước sở tại;
- Xây dựng kế hoạch phát triển bền vững với mục tiêu năm 2024 sẽ hoàn thành việc cấp chứng chỉ FSC-FM cho sản phẩm gỗ, mủ cao su; FSC-CoC cho Nhà máy Chế biến mủ Daklaoruco và lĩnh vực thương mại của DRI;
- Năm 2019 đầu tư hệ thống nước thải tại nhà máy chế biến, thuê tư vấn xây dựng hệ thống quản lý môi trường tại Daklaoruco theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015, năm 2023 phấn đấu đạt được chứng chỉ quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015;
- Năm 2023 chuyển từ sử dụng dầu diesel trong quy trình sấy mủ cao su sang sử dụng các phế phẩm nông nghiệp như đốt bằng các loại củi, cành nhánh, phế liệu nông lâm nghiệp... theo công nghệ Biomass nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất và giảm sử dụng nhiên liệu hóa thạch;

Xã hội và cộng đồng:

- Tạo việc làm cho hàng ngàn người lao động tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, tại mỗi Nông trường cao su Công ty đều xây dựng trạm Y tế để khám chữa bệnh cho công nhân và nhân dân trong vùng dự án; tham gia hỗ trợ làm đường, trường học, trạm y tế; hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động văn hóa – xã hội... Năm 2022, đã hỗ trợ xây làm nhà để xe cho trường học km29, hỗ trợ cho các hoạt động văn hoá tại địa phương, hỗ trợ sửa chữa đường vào bản Nặm Say Thắng, hỗ trợ làm cầu bản Na Thần Huyện Lào Ngam,. Hỗ trợ kinh phí tổ chức Ngày lễ người khuyết tật Lào và Ngày khuyết tật Quốc tế,...Tổng chi phí hỗ trợ địa phương tại Lào của DRI hơn 344 triệu đồng.
- Tích cực vận động tuyên truyền để người lao động người Lào tham gia an sinh xã hội ở mức cao nhất; Ngoài việc vận động người lao động tham gia BHXH, BHYT, Công ty còn trích quỹ phúc lợi mua Bảo hiểm con người cho tất cả lao động ký hợp đồng từ 1 năm trở lên.
- Trong hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ Luật pháp, nộp ngân sách đầy đủ cho nhà nước Lào và Việt Nam, trong đầu tư tại nước ngoài tuân thủ tốt các quy định theo Luật pháp của nước bạn, không vi phạm các quy định của công ước quốc tế về lao động, về quyền của người bản địa trên địa bàn hoạt động, thực hiện tốt các quy định trong Hiệp định ký kết giữa hai bên;
- Luôn nghiên cứu cải thiện môi trường làm việc cho người lao động, đảm bảo sự an toàn, giảm lao động nặng nhọc, độc hại.



CÁC YẾU TỐ RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Cuộc xung đột giữa Nga-Ucraina vẫn tiếp diễn ảnh hưởng đến giá cả thị trường nhiều mặt hàng, trong đó có nhiên liệu, lương thực. Tình hình lạm phát mặc dù hạ nhiệt nhưng vẫn còn mức cao; nhiều nền kinh tế trên thế giới đang suy giảm và tiềm ẩn nguy cơ suy thoái, tác động đến tổng cầu,...sẽ tác động tiêu cực đến doanh thu và lợi nhuận của DRI;

Năm 2023 dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại phần nào tác động đến tổng cầu tuy nhiên việc Trung Quốc dần mở cửa lại cũng là một tin tốt cho kinh tế Việt Nam, Trung Quốc cũng là nước tiêu thụ nhiều cao su thiên nhiên trên thế giới;

FED tiếp tục duy trì chính sách tăng lãi suất vào năm 2023 và kéo dài qua năm 2024 để giảm lạm phát vì vậy các khoản vay bằng USD vẫn chịu tác động tiêu cực tuy nhiên DRI đã chủ động giảm mạnh các khoản vay bằng USD này trong năm 2022, nên năm 2023 tình hình sẽ khả quan hơn do đã giảm mạnh các khoảng vay bằng USD ;

Rủi ro về chênh lệch tỷ giá do Công ty con của Công ty DRI đầu tư 100% vốn hoạt động sản xuất kinh doanh tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận và chia cổ tức của Công ty;

Xu hướng mới nổi trong ngành cao su, những yêu cầu ngày càng khắt khe của người tiêu dùng đòi hỏi các nhà sản xuất phải có trách nhiệm hơn với môi trường và cộng đồng (sản phẩm được chứng nhận của Hội đồng quản lý rừng Quốc tế - FSC) nếu như Công ty không nhanh nhạy trong việc nắm bắt xu hướng nhu cầu của khách hàng, sẽ khó khăn trong công tác bán hàng sau này;

Xu hướng bảo vệ tài nguyên, môi trường, hạn chế sử dụng nguyên liệu hóa thạch, tăng cường sử dụng nguyên liệu tái chế, tiềm ẩn những nguyên liệu thay thế cho cao su tự nhiên trong tương lai sẽ là những yếu tố có thể tác động đến cầu tiêu thụ cao su thiên nhiên...

Rủi ro về pháp luật

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắc Lắc (DRI) là doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần và đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (UPCOM) bị chi phối chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan như Luật Đầu tư, Luật Dân sự, Luật Đất đai... Sự thay đổi về pháp luật và các chính sách có thể xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty có công ty con do DRI nắm giữ 100% vốn điều lệ được đặt tại Lào cho nên DRI còn phải chịu tác động của khung pháp lý tại quốc gia này. Ngoài ra, Công ty còn xuất khẩu các sản phẩm đến các nước như: Đài Loan, Mỹ, Trung Quốc, Malaysia, Thái Lan, Ấn Độ, Châu Âu... nên Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi các quy định về xuất nhập khẩu, các chính sách và quy định của các quốc gia nói trên và sự tác động của tình hình an ninh chính trị. Vì vậy, để hạn chế rủi ro pháp lý, DRI luôn phải cập nhật, theo dõi các chế tài, quy định về hoạt động kinh doanh, bảo vệ môi trường và các quy định của các nước sở tại để không dẫn đến các rủi ro pháp luật.

Bên cạnh khung pháp lý chung, Công ty còn chịu sự chi phối của các chế tài, quy định đặc thù ngành như: Quy định về bảo vệ môi trường, nguồn nước, các yêu cầu về kỹ thuật trong trồng trọt cao su.

Ngoài ra Công ty còn phải thực hiện theo các công ước quốc tế về môi trường, quyền con người, quyền người bản địa, quyền về lao động, việc tự do tham gia các hiệp hội,...theo quy định của FSC trong quá trình chuyển đổi Công ty theo hướng Phát triển bền vững.



Rủi ro về biến đổi khí hậu toàn cầu

Đây là một thách thức với toàn thể nhân loại hiện nay đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp là lĩnh vực dễ bị tổn thương nhất. DRI đang trong lộ trình xây dựng và quản lý rừng cao su bền vững theo các chuẩn mực Quốc tế nhằm góp phần hạn chế những tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu với sự hỗ trợ của Hiệp hội cao su Việt Nam, các tổ chức NGOs: Trung tâm con người và thiên nhiên, Tổ chức Forest Trend. Với diện tích 8.804,59 ha cao su của DRI đã góp phần đáng kể vào việc hấp thụ khí CO2, giảm đáng kể hiệu ứng nhà kính.

Rủi ro khác

Những rủi ro khác có thể nói đến như tình hình chính trị tại Lào, tình hình thiên tai, dịch họa,...đây là những rủi ro khó kiểm soát nhất. Tuy nhiên hiện nay tình hình an ninh chính trị của Lào và Việt Nam được đánh giá là ổn định nhất Khu vực Đông Nam Á và Thế giới.



Rủi ro về các dự án cao su tại Công ty con DAKLAORUCO

Hiện nay, Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk (DAKLAORUCO) là Công ty con do DRI nắm giữ 100% vốn điều lệ có nhiệm vụ trực tiếp quản lý, trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su tại Lào. Do đó các chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa của nước bạn đều có tác động đến tình hình hoạt động tại DAKLAORUCO từ đó ảnh hưởng rất lớn đến với hoạt động kinh doanh của DRI.

Những năm gần đây do tình hình lạm phát, đồng LAK Lào liên tục bị mất giá cộng với năm 2022 FED liên tục tăng lãi suất càng làm cho đồng LAK Lào mất giá mạnh; Chi phí lãi vay cao đối với các khoản vay bằng USD và lỗ do chênh lệch tỷ giá làm bào mòn lợi nhuận của Doanh nghiệp.

Dự án trồng cao su nằm tại nước bạn Lào cách biệt về địa lý, bất đồng về ngôn ngữ, nước bạn có nhiều lễ hội nên phần nào ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tình trạng thiếu lao động tại Nông trường 2,4 ảnh hưởng lớn đến việc hoàn thành chỉ tiêu sản lượng của Công ty.

Người Lao động Lào chưa nhận thức tốt về việc tham gia BHXH, BHYT nên mặc dù Công ty phối hợp với Sở Lao động tỉnh, BHXH tỉnh để tuyên truyền vận động người lao động tham gia nhiều lần nhưng tỷ lệ người lao động tự nguyện tham gia rất ít chỉ muốn trả thẳng vào lương từ đó cũng ảnh hưởng đến các mục tiêu an sinh xã hội của Công ty nhất là trong lộ trình hướng tới mục tiêu Phát triển bền vững yêu cầu phải hài hòa các tiêu chí Hiệu quả về kinh tế - xã hội - môi trường. Tình hình trộm cắp mủ cao su diễn biến phức tạp, mặc dù Công ty phối hợp với các đơn vị, cơ quan chức năng tăng cường công tác tuyên truyền, bảo vệ sản phẩm tuy nhiên kết quả chưa cao và đây cũng là nguyên nhân góp phần làm giảm hoàn thành kế hoạch sản lượng cao su của DRI.

DRI cũng chịu rủi ro về sự thay đổi về các chính sách liên quan đến đầu tư dự án, chính sách thuế,.. của chính phủ Lào và Việt Nam;

Rủi ro đặc thù về kinh doanh

Đặc thù của ngành sản xuất cao su ở Việt Nam nói chung và DRI nói riêng phụ thuộc rất nhiều vào giá cao su trên thế giới, trong khi giá cao su thế giới lại phụ thuộc nhiều vào tình hình cung cầu; tăng trưởng kinh tế toàn cầu; giá dầu thô; Chính sách tiền tệ của các nước lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật; dự trữ cao su của Trung Quốc; yếu tố địa chính trị,...

Lực lượng lao động trực tiếp tại Lào không ổn định, khó tuyển dụng nhất là tại NT 2,4; lao động quản lý từ Việt Nam sang Lào biến động nhiều. Bên cạnh đó, sản phẩm mới của Công ty là chuỗi tươi, chịu sự tác động mạnh của thị trường, tình hình dịch bệnh, thị trường tiêu thụ thường xuyên không ổn định. Tình hình trộm cắp mủ ngày càng phức tạp. Tình hình biến đổi khí hậu toàn cầu đã ảnh hưởng đến ngành nông nghiệp trong đó có cây cao su, cây ăn quả, mặc dù diện tích cao su của DRI nằm hoàn toàn tại Lào là nước nằm sâu trong thềm lục địa, ít ảnh hưởng của bão nhưng chịu tác động của gió lốc, hạn hán, lũ lụt, dịch bệnh. Năm 2022 gió lốc đã gây gãy đổ 21.575 cây cao su tương đương với diện tích 38 ha, số cây cao su gãy đổ không khai thác được làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu sản lượng khai thác vườn cây của năm 2022.



02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình đầu tư thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Tổ chức và nhân sự

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình sản xuất

Năm 2022, toàn Công ty khai thác được 13.953,25/15.500 tấn mù quy khô, đạt 90% kế hoạch năm. Nguyên nhân chính không hoàn thành kế hoạch sản lượng là do:

- Thiếu lực lượng lao động bao gồm cả lao động quản lý và trực tiếp tại Công ty con Daklaoruco, mức độ biến động lớn, gần 58% tổng số lao động; tình trạng thiếu lao động khai thác mù cao hơn các năm, nhất là nông trường 2, 4 của Daklaoruco; khó tuyển dụng lao động gián tiếp là người Việt Nam sang Lào làm việc, lực lượng cán bộ quản lý mỏng.
- Tình trạng trộm cắp, mua bán mù cao su xảy ra trên địa bàn Nông trường 2 & 4 Daklaoruco diễn ra phức tạp, dẫn đến thất thoát sản phẩm mù của Công ty, nhưng việc tuyển dụng lao động để làm công tác bảo vệ gặp nhiều khó khăn.
- Điều kiện thời tiết không thuận lợi, công tác khai thác bị ảnh hưởng, mưa trời mất mù hoặc không khai thác được xảy ra nhiều vào tháng 5, 6 và cả quý 3/2022. Mưa lớn giông lốc làm gãy đổ số lượng lớn cây cao su cũng làm ảnh hưởng đến công tác khai thác mù cao su.

Ngoài ra, vườn cây ăn trái cũng chịu tác động từ thời tiết và dịch bệnh, việc chủ động tỉa bớt cây chuối để đảm bảo sinh trưởng cho cây sầu riêng nên sản lượng cũng không đạt kế hoạch đề ra. Vườn điều thời gian ra hoa gặp mưa nên tỷ lệ đậu quả không cao.



Tình hình kinh doanh

Năm 2022, đại dịch covid đã được kiểm soát, tình trạng thiếu container, thiếu tàu không còn, chi phí vận chuyển giảm mạnh, việc xuất khẩu hàng hóa thuận lợi hơn, bên cạnh đó chất lượng hàng hoá ổn định, ngày càng được chú trọng cải tiến được khách hàng đánh giá cao. Tuy nhiên trong quý 3 và 4 giá cao su giảm mạnh ảnh hưởng đến các quyết định mua hàng của khách hàng và giảm biên lợi nhuận của Công ty.

Trong năm xuất bán 14.330,26 tấn mù cao su các loại, đạt 89,65% kế hoạch năm 2022. Doanh thu thực hiện là 22,7 triệu USD, đạt 91,08% kế hoạch năm. Giảm 3,47 % về lượng, nhưng giảm 12,99 % về giá trị do giá bình quân giảm 9,87 % so với năm 2021. Trong đó:

- Xuất khẩu: 9.132,32 tấn, chiếm 63,73 % tổng lượng hàng xuất bán, đạt 98,04% kế hoạch xuất khẩu. Trị giá 14,86 triệu USD, giá bình quân xuất khẩu 1.627,11 USD/tấn. Tỷ lệ XK không đạt kế hoạch là do thời tiết mưa bão kéo dài khiến mù nguyên liệu nhập về nhà máy không đủ tiêu chuẩn sản xuất hàng xuất khẩu.
- Xuất bán nội địa: 5.197,94 tấn, chiếm 36,27% tổng lượng hàng xuất bán. Trị giá 7,84 triệu USD, đơn giá bình quân 1.509,26 USD/tấn.



Về cơ cấu loại hàng xuất bán chủ yếu vẫn là các sản phẩm chế biến từ mù nước (SVR3L + CV60 + CV50+ SVR5) đạt 10.671,91 tấn, chiếm 74,47%, đơn giá trung bình 1.613,89 USD/tấn. Các sản phẩm chế biến từ mù phụ (SVR10, SVR20) đạt 3.156,65 tấn, chiếm 22,03 %, đơn giá bình quân 1.549,33 usd/ tấn. Hàng ngoại lệ 501,69 tấn, chiếm 3,5%, đơn giá bình quân 1.176,68 usd/ tấn. Sản phẩm của công ty đã được trải rộng trên rất nhiều thị trường, kể cả những thị trường khó tính như: Mỹ, Hàn Quốc, Đài Loan, Ý, Tây Ban Nha , Đức,... với thị phần tăng trưởng so với năm 2021 đối với thị trường khó tính như Mỹ và các nước khu vực EU. Cụ thể thị trường Mỹ chiếm 17,44% thị phần tăng 1,29% so năm 2021, nếu cộng cả Mỹ và các nước thuộc Mỹ La tinh (Argentina, Brazil, Chile) thì tỷ trọng xuất khẩu đạt 20,26%.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu chính:

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	TH 2022/ KH 2022	TH 2022/ TH 2021
1	Khai thác/ thu hoạch						
	+ Cao su	Tấn khô	15.439	15.500	13.953,25	90,02%	90,38%
	+ Điều	Tấn tươi	234,16	209	171,39	82,00%	73,19%
	+ Chuối	Tấn quả	3.306	3.156	1.391,32	44,08%	42,08%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	606,89	599,62	528,22	88,09%	87,03%
	+ Cao su	Tỷ đồng	564,27	575,84	489,27	84,97%	86,69%
	+ Điều	Tỷ đồng	4,89	5,31	3,60	67,80%	73,62%
	+ Chuối	Tỷ đồng	16,49	14,97	3,97	26,52%	24,08%
	+ Khác (doanh thu tài chính và thu nhập khác)	Tỷ đồng	21,24	3,50	31,38	892,29%	168,27%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	116,300	102,19	105,595	103,33%	90,80%
4	Tỷ lệ xuất khẩu/tổng lượng hàng bán	%	65,59	65%	63,73%	98,05%	97,16%



Chỉ tiêu sản lượng/thu hoạch không đạt do các nguyên nhân sau:

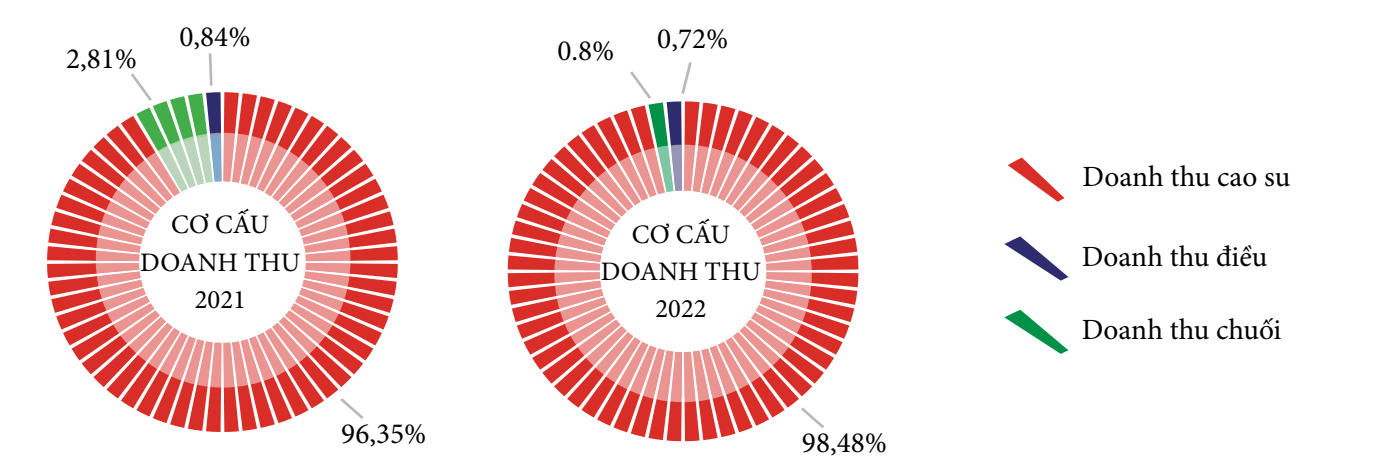
- Cao su: Tình trạng thiếu hụt lao động và khó tuyển dụng lao động mới, trộm cắp mũ diễn ra phức tạp, diễn biến thời tiết bất lợi, mưa nhiều vào các tháng 5,6 và quý 3/2022 ảnh hưởng đến công tác khai thác mũ, ngoài ra giông lốc gây gãy đổ cao su cũng là những nguyên nhân không đạt mục tiêu kế hoạch sản lượng của DRI.
- Chuối: Tình hình sâu bệnh, phức tạp khó kiểm soát ảnh hưởng đến chất lượng chuối quả, giai đoạn từ tháng 5 đến tháng 8 thị trường chuối tiêu thụ rất chậm dẫn đến chuối quá lứa không bán được phải tiêu huỷ gây thiệt hại 361,26 tấn tương đương 11,45% kế hoạch. Ngoài ra Công ty thực hiện chủ trương thanh lý vườn chuối trồng năm 2018-2019 để đảm bảo sinh trưởng của cây sầu riêng gây thiệt hại 601 tấn đương đương 19,04% kế hoạch là những nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ hoàn thành kế hoạch năm 2022 thấp.
- Doanh thu 528,22 tỷ đồng đạt 88,09% kế hoạch năm và đạt 87,03% so cùng kỳ. Nguyên nhân do vừa giảm về sản lượng tiêu thụ vừa giảm về giá so với năm 2021
- Lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt 105.595 tỷ đồng đạt 103,3 % kế hoạch ĐHCĐ giao và đạt 91% so cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân do loại bỏ chi phí tài chính (đánh giá khoản vay USD) trong nội bộ tập đoàn khi hợp nhất dẫn đến lợi nhuận hợp nhất tăng lên. Tại Daklaoruco kết quả kinh doanh thuận lợi do giá đồng USD tăng dẫn đến doanh thu tăng, trong khi chi phí không biến động nhiều do các khoản vật tư trọng yếu Công ty đã chủ động mua từ đầu năm;
- Tỷ lệ xuất khẩu không đạt yêu cầu do tình hình thời tiết mưa nhiều, chất lượng nguyên liệu đầu vào không đảm bảo vì vậy khối lượng thành phẩm không đủ để xuất bán cho khách hàng.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cơ cấu doanh thu

Khoản mục	Năm 2021		Năm 2022	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Cao su	564,36	96,35	489,27	98,48
Điều	4,89	0,84	3,60	0,72
Chuối	16,49	2,81	3,97	0,80
Tổng doanh thu	585,74	100	496,81	100



Cơ cấu lợi nhuận gộp

Khoản mục	Năm 2021		Năm 2022	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Cao su	227,50	98,72	205,08	100,86
Điều	0,53	0,23	0,042	0,02
Chuối	2,42	1,05	-1,79	-0,88
Tổng lợi nhuận	230,45	100	203,33	100

Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính sản xuất cao su, nên cao su chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu của DRI với 98,48%. Điều và chuối quả chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu năm 2022, trong đó điều đóng góp 0,72% trong cơ cấu doanh thu và chuối đóng góp 0,8% trong cơ cấu doanh thu so với năm 2021 tỷ trọng đóng góp vào doanh thu của 2 mặt hàng này đều giảm do sản lượng giảm.

Tương tự như doanh thu, lợi nhuận gộp mủ cao su cũng chiếm tỷ trọng lợi nhuận cao nhất , phần còn lại là của điều, riêng mủ chuối thì năm 2022 ghi nhận lợi nhuận âm.

(Trong năm 2022, lợi nhuận gộp của mủ chuối ghi nhận kết quả âm nên việc phân tích và so sánh các chỉ số về lợi nhuận gộp của Công ty giữa năm 2021 và 2022 bằng biểu đồ tròn là không mang nhiều ý nghĩa)



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Đầu tư vào Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty con 1: Công ty TNHH cao su Đắk Lắk (Daklaoruco)

- Vốn điều lệ: 25.000.000 USD
- Tỷ lệ góp vốn: 100%
- Địa chỉ: Bản Tha Luông, Tỉnh ChămPasăk, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào
- Ngành nghề kinh doanh chính: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ cao su thiên nhiên
- Hiện nay Daklaoruco đang quản lý 9.325,73 ha gồm có 8.805,6 ha cao su; 497,01 ha điều và 22,55 ha bạch đàn và vườn ươm. 01 nhà máy chế biến mủ công suất 18.000 tấn/năm. Vườn cây sinh trưởng phát triển tốt, năng suất bình quân năm 2022 là 1,64 tấn/ha so với năm 2021 giảm 0,15 tấn/ha (năm 2021 là 1,788 tấn/ha), nguyên nhân do sản lượng khai thác giảm 1.486 tấn tương đương 9,58% KH năm. Sản phẩm mủ cao su chế biến hiện nay của công ty chủ yếu là SVR 3L, SVR 10, SVRCV50 và SVR CV60, chất lượng sản phẩm tốt, các chỉ tiêu đều đạt tiêu chuẩn, đáp ứng yêu cầu khách hàng; Phòng kiểm định chất lượng sản phẩm được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Hệ thống quản lý được công nhận theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

Công ty con 2: Công ty TNHH Công nghệ cao DRI

Vốn điều lệ: 31.000.000.000 VNĐ
Tỷ lệ góp vốn: 83,87% tương đương 26.000.000.000 VND;
Địa chỉ: 59 Cao Thắng, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk
Ngành nghề kinh doanh: Trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế các loại chuối chất lượng cao phục vụ bán cho các siêu thị, chuỗi bán lẻ và xuất khẩu; Trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế các loại trái cây như Mít, Sầu riêng, .. chất lượng cao phục vụ bán cho các siêu thị, chuỗi bán lẻ và xuất khẩu; Chuyên thu mua các loại trái cây chất lượng cao như Chuối, Mít, Sầu riêng, .. chất lượng cao phục vụ bán cho các siêu thị, chuỗi bán lẻ và xuất khẩu.
Năm 2022 tổng khối lượng chuối thu hoạch được 1.391/3.156 tấn đạt 44,08% kế hoạch, nguyên nhân do vườn cây bị sâu bệnh, giai đoạn từ tháng 5 đến tháng 8 thị trường tiêu thụ chuối chậm dẫn đến chuối quá lứa không bán được phải tiêu hủy, Công ty thực hiện chủ trương phá bỏ thanh lý vườn chuối 2018-2019 để tạo không gian sinh trưởng cho vườn sầu riêng.



Đầu tư vào Các công ty con, công ty liên kết:
Năm 2022 do tình hình kinh doanh còn khó khăn nên Công ty không thực hiện đầu tư mới đối với các công trình lớn. Trong năm 2022 Công ty thực hiện một số hạng mục đầu tư nông nghiệp và xây dựng cơ bản tại các công ty con với chi phí 32,115/43,373 tỷ đồng đạt 74,04% kế hoạch

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	% 2022/2021
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	1.026,913	765,86	74,58%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	585,65	496,82	84,83%
Lợi nhuận từ HĐKD	Tỷ đồng	124,751	106,43	85,31%
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	(8,451)	(0,83)	9,84%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	116,300	105,59	90,80%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	84,09	80,37	95,57%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	7%	3%	42,86%

Năm 2022, USD tăng giá có lợi cho xuất khẩu tuy nhiên giá bán và khối lượng tiêu thụ đều giảm so với năm 2021 nên doanh thu giảm, tuy nhiên tốc độ giảm của lợi nhuận thấp hơn so với doanh thu do giá vốn cao su thấp vì ảnh hưởng của chuyển đổi tỷ giá cuối kỳ. Tổng giá trị tài sản giảm mạnh, chủ yếu do khi chuyển đổi báo cáo tài chính hợp nhất từ Công ty con tại Lào, bị lỗ tỷ giá tăng thêm theo báo cáo tài chính là 182,5 tỷ đồng.



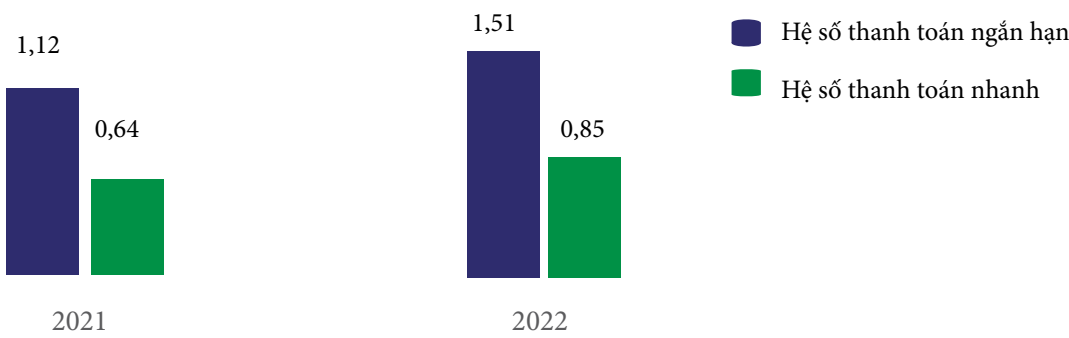
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,12	1,51
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,64	0,85
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	30,73	25,42
Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	44,37	34,09
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,77	3,79
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,52	0,55
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI			
Hệ số LNST/ DTT	%	14,36	16,18
Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu	%	11,82	12,53
Hệ số LNST/ Tổng tài sản	%	8,19	8,97
Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/ DTT	%	21,3	21,42



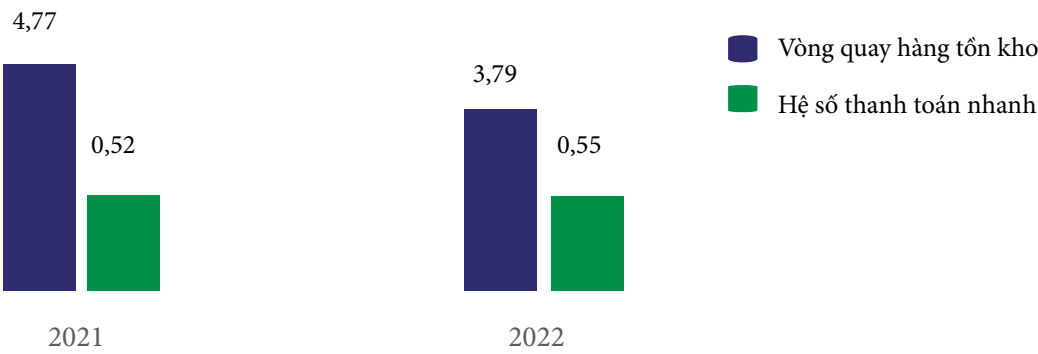
Khả năng thanh toán

Có thể thấy, trong năm 2022 các hệ số về khả năng thanh toán của DRI không bị mất cân đối khi chỉ tiêu khả năng thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,12 lên mức 1,51 lần; hệ số khả năng thanh toán nhanh cũng tăng từ 0,64 lên mức 0,85 lần. Khả năng thanh toán của DRI tăng lên là do sự sụt giảm không đều của tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn, cụ thể trong năm qua tài sản ngắn hạn giảm 15,07% chậm hơn mức giảm của nợ ngắn hạn là 37,05%. Điều này cho thấy DRI đã nâng cao khả năng thanh toán của mình do trong năm doanh nghiệp đã sử dụng một phần tài sản ngắn hạn để trả bớt nợ vay, các khoản nợ phải trả ngắn hạn bằng tiền từ hoạt động kinh doanh. Cụ thể các khoản vay tài chính ngắn hạn giảm 50,90%; phải trả người bán giảm 66,22%. Các chỉ tiêu đánh giá khả năng thanh toán của Công ty đều tăng lên cho thấy tài chính của DRI ngày càng lành mạnh và khả năng đáp ứng tốt việc thanh toán các khoản nợ phải trả.



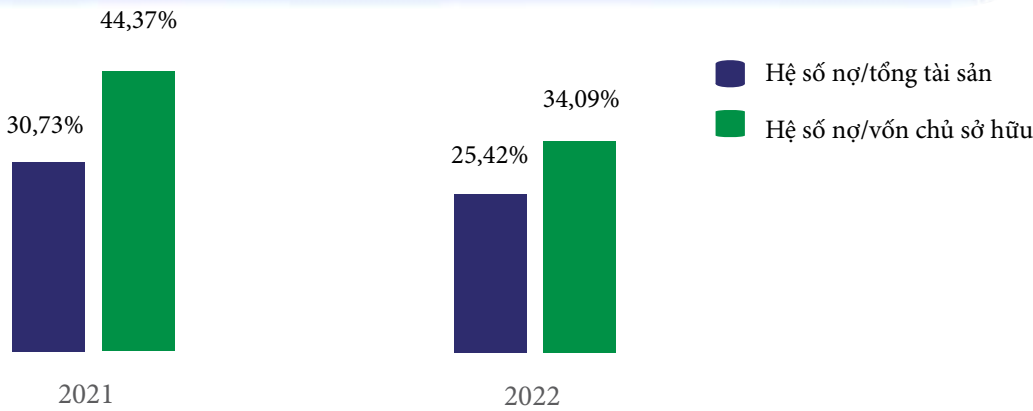
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho giảm từ 4,77 vòng (2021) xuống còn 3,79 (2022); điều này là do giá vốn trong năm giảm 17,37% trong khi hàng tồn kho trong năm giảm 12,55%, chủ yếu giảm do chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang. Chỉ tiêu vòng quay tổng tài sản năm 2022 tăng nhẹ từ 0,52 vòng lên 0,55 vòng. Do trong năm, doanh thu thuần của DRI giảm chậm hơn so với mức giảm của tổng tài sản, cụ thể doanh thu thuần trong năm qua giảm 15,17%, điều này là do việc khai thác mỏ cao su trong năm qua gặp nhiều khó khăn bởi tình hình thời tiết không thuận lợi và thiếu nhân công khai thác mỏ; tổng tài sản giảm 25,42% chủ yếu do chênh lệch tỷ giá và khấu hao tài sản cố định.



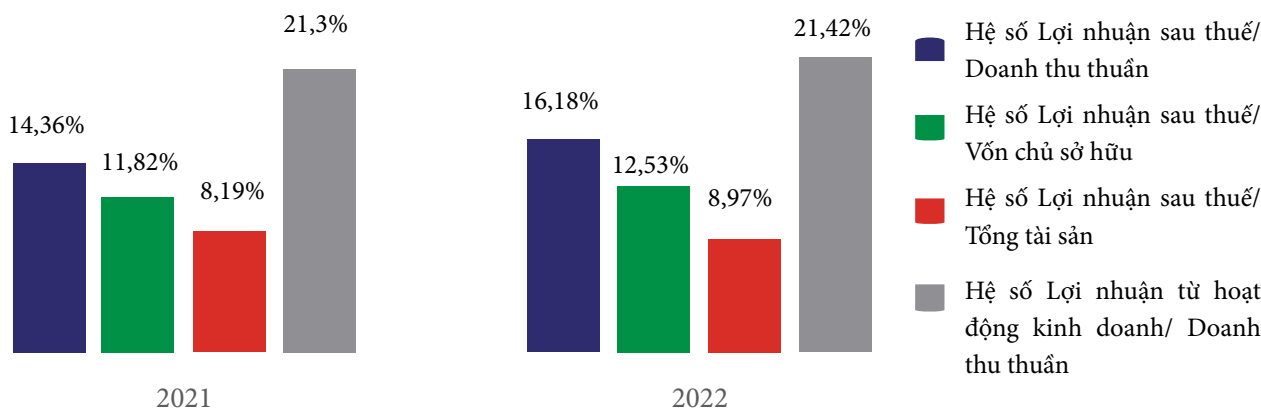
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty có xu hướng giảm dần theo từng năm, hệ số nợ/tổng tài sản từ 30,73% trong năm 2021 xuống còn 25,42% năm 2022; hệ số nợ/vốn chủ sở hữu từ 44,37% trong năm 2021 xuống còn 34,09% năm 2022. Cụ thể trong năm qua tổng nợ phải trả của Công ty đã giảm 38,31% so với năm 2021, kết quả này là do Công ty đã kiểm soát tốt các yếu tố về nguồn vốn, nợ vay tài chính. Với chủ trương giảm thiểu sử dụng đòn bẩy tài chính, Công ty luôn ưu tiên sử dụng nguồn lực tự có để thực hiện các dự án đầu tư, góp phần giảm thiểu áp lực tài chính mà còn kiểm soát được các khoản nợ của Công ty trước những chính sách tiền tệ của nền kinh tế. các chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn đều cho thấy khả năng tự chủ tài chính của Công ty khá mạnh và rủi ro tài chính thấp.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu đánh giá khả năng sinh lời của Công ty đều tăng so với cùng kỳ. Hệ số ROA và ROE lần lượt tăng là 10,49% và 14,07%. Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần tăng lần lượt đạt 16,18% và 21,42% điều này khiến cho lợi nhuận sau thuế chỉ giảm đi 4,43% mặc cho doanh thu đã giảm 15,18%. Các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty tăng lên cho thấy Công ty đã quản lý tốt nguồn vốn của mình để tạo ra lợi nhuận.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần tại ngày 31/12/2022

Vốn điều lệ: 732.000.000.000 đồng
Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 73.200.000 cổ phiếu
Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
Cổ phiếu thường: 73.200.000 cổ phiếu
Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 73.200.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu



Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/ Cá nhân	Số CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/ VĐL
Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk (Dakruco)	6000 175 829	30 Nguyễn Chí Thanh, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	48.750.000	66,598%

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2022

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Cổ đông nhà nước	1	48.750.000	66,598%
2	Cổ đông trong nước	6.895	24.389.222	33,318%
	- Tổ chức	5	141.663	0,188
	- Cá nhân	6.890	24.247.559	33,13%
3	Cổ đông nước ngoài	18	60.778	0,083%
	- Tổ chức			
	- Cá nhân	18	60.778	0,083%
	Tổng	6.914	73.200.000	100%



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2022, Công ty không thực hiện mua lại cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác

Không có

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT- TV không điều hành
2	Ông Bùi Quang Ninh	Phó Chủ tịch HĐQT- TV không điều hành
3	Ông Nguyễn Trần Giang	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Ông Lê Thanh Cẩn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
5	Bà Nguyễn Kim Hoa	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 19/04/2022)
6	Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm chức thành viên HĐQT ngày 19/04/2022)
7	Ông Nguyễn Minh	Thành viên HĐQT không điều hành
8	Ông Tạ Quang Tòng	Thành viên HĐQT độc lập (Bổ nhiệm ngày 19/04/2022)
9	Ông Trần Lê	Thành viên HĐQT độc lập (Bổ nhiệm ngày 19/04/2022)



Ông Nguyễn Viết Tượng
Chủ tịch HĐQT,
Thành viên HĐQT không điều hành

Sinh năm : 01/01/1965

Là thành viên HĐQT từ tháng 8/2015

Trình độ chuyên môn:

- + Thạc Sỹ Lâm Sinh
- + Cử nhân kinh tế công nghiệp
- + Cử nhân ngoại ngữ (anh văn)
- + Cử nhân Lý luận chính trị

Kinh nghiệm: Ông có gần 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực trồng cây công nghiệp, 15 năm kinh nghiệm trong quản lý nhà nước, đã kinh qua các chức vụ : Thư ký bí thư tỉnh ủy, bí thư huyện, giám đốc Sở Kế hoạch Đầu tư, Bí thư thành ủy Thành phố Buôn Ma Thuột. 07 năm là chủ tịch Dakruco và Chủ tịch HĐQT DRI.

Chức vụ tại tổ chức khác:

- + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk(Dakruco);
- + Chủ tịch HĐQT Công ty Công ty cổ phần Cao su Daknoruco;
- + Chủ tịch Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk – Mondulkiri (Dakmoruco) tại Campuchia;
- + Chủ tịch Công ty TNHH cao su Đắk Lắk tại Lào (Daklaoruco).

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 100.000 cổ phần, chiếm 0,136% vốn điều lệ.
Số cổ phiếu đại diện sở hữu: 48.750.000 cổ phần, chiếm 66,6% vốn điều lệ.



Ông Bùi Quang Ninh
Phó chủ tịch HĐQT

Sinh năm : 10/08/1966

Là thành viên HĐQT từ tháng 6/2012

Trình độ chuyên môn:

- + Cử nhân tài chính kế toán

Kinh nghiệm: 7 năm là Kế toán viên, 03 năm là Kế toán trưởng đơn vị, 12 năm Phụ trách công tác kế toán, Kế toán trưởng Dakruco, 02 năm là Kiểm soát viên nhà nước, trưởng ban Kiểm soát Dakruco, 03 năm là phó tổng giám đốc Dakruco và từ 6/2015 đến nay là Tổng Giám đốc Dakruco, từ tháng 6/2012 đến nay là phó chủ tịch HĐQT DRI.

Chức vụ tại tổ chức khác:

- + Chủ tịch HĐQT Quỹ tín dụng Cao su Đắk Lắk
- + Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk
- + Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 178.000 cổ phần, chiếm 0,24% vốn điều lệ.

Số cổ phiếu đại diện sở hữu: 0 cổ phần.



Ông Nguyễn Trần Giang
Thành viên HĐQT không điều hành

Sinh năm : 16/04/1981

Là thành viên HĐQT từ tháng 04/2019;

Trình độ chuyên môn:

- + Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán
- + Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng

Kinh nghiệm: Ông trải có kinh nghiệm 16 năm làm công tác kế toán, đã kinh qua 07 năm là Nhân viên kế toán, 8 năm Phụ trách công tác kế toán, tài chính Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (Dakruco),

Chức vụ tại tổ chức khác:

- + Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng TCKT Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (Dakruco).

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.

Số cổ phiếu đại diện sở hữu: 0 cổ phần.



Ông Lê Thanh Cần
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Sinh năm : 20/08/1963
Là thành viên HĐQT từ tháng 4/2017;

Trình độ chuyên môn:
+ Kỹ sư nông nghiệp

Kinh nghiệm: Ông có kinh nghiệm hơn 32 năm trong ngành cao su, trong đó 27 năm kinh nghiệm trong công tác quản lý. Đã trải qua các vị trí từ nhân viên kỹ thuật, Trưởng trại giống, giám đốc đơn vị, Trưởng phòng kỹ thuật Dakruco, Phó giám đốc, Giám đốc Daklaoruco, Phó Tổng giám đốc DRI, từ tháng 9/2017 đến nay Ông là Tổng Giám đốc DRI. Ông rất có kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo sản xuất.

Chức vụ tại tổ chức khác:
+ Thành viên HĐQT Quý Tín dụng Nhân dân Cao su Đắk Lắk.

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
Số cổ phiếu đại diện sở hữu: 0 cổ phần.



Bà Nguyễn Kim Hoa
Thành viên HĐQT
(Miễn nhiệm ngày 19/04/2022)

Sinh năm : 04/05/1967
Là thành viên HĐQT từ tháng 10/2012

Trình độ chuyên môn:
+ Kỹ sư nông nghiệp

Kinh nghiệm: Bà đã có kinh nghiệm hơn 27 năm trong ngành cao su, đã trải qua các vị trí: nhân viên KCS, thư ký ISO Công ty Dakruco, phó chánh văn phòng Dakruco và từ năm 2008 đến nay là chủ tịch Công đoàn Dakruco, bà tham gia thành viên HĐQT DRI từ tháng 10/2012 đến nay.

Chức vụ tại tổ chức khác:
+ Phó Chủ tịch HĐQT Quý Tín dụng Nhân dân Cao su Đắk Lắk.
+ Chủ tịch công đoàn Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk(Dakruco).

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 124.196 cổ phần, chiếm 0,169% vốn điều lệ.
Số cổ phiếu đại diện sở hữu: 0 cổ phần.



Bà Nguyễn Thị Hải
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
(Miễn nhiệm thành viên HĐQT ngày 19/04/2022)

Sinh năm : 18/03/1970
Là thành viên HĐQT từ tháng 04/2017;

Trình độ chuyên môn:
+ Kỹ sư nông nghiệp
+ Thạc sĩ kinh tế

Kinh nghiệm: Bà đã có kinh nghiệm 25 năm trong ngành cao su trong đó 19 năm trong công tác quản lý. Đã kinh qua các vị trí từ nhân viên kỹ thuật, thư ký ISO, Trưởng ban Công nghệ thông tin, Phó chánh văn phòng, Trưởng phòng nhân sự Dakruco. Từ năm 2012 đến nay bà là Phó Tổng Giám đốc DRI, Thư ký HĐQT đến 19/4/2022. Bà tham gia HĐQT DRI từ tháng 4/2017 đến 19/4/2022.

Chức vụ tại tổ chức khác: không.

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 180.000 cổ phần, chiếm 0,25% vốn điều lệ.
Số cổ phiếu đại diện sở hữu: 0 cổ phần.



Ông Nguyễn Minh
Thành viên HĐQT không điều hành

Sinh năm : 25/01/1970
Là thành viên HĐQT từ tháng 04/2017

Trình độ chuyên môn:
+ Kỹ sư nông nghiệp

Kinh nghiệm: Ông đã có kinh nghiệm hơn 24 năm trong ngành cao su, trải qua các vị trí: Nhân viên kỹ thuật, Trưởng phòng kỹ thuật đơn vị, Giám đốc nông trường cao su tại Daklaoruco, Giám đốc chi nhánh Nông trường cao su 30/4 thuộc Dakruco, Trưởng phòng kỹ thuật của Dakruco, từ tháng 2/2022 ông là Phó tổng giám đốc Dakruco. Ông tham gia HĐQT DRI từ tháng 4/2017.

Chức vụ tại tổ chức khác:
+ Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (Dakruco).

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
Số cổ phiếu đại diện sở hữu: 0 cổ phần.



Ông Tạ Quang Tòng
Thành viên HĐQT độc lập
(Bổ nhiệm ngày 19/04/2022)

Sinh năm : 01/08/1955
Là thành viên HĐQT từ tháng 04/2022

Trình độ chuyên môn:
+ Cử nhân luật

Kinh nghiệm: Ông có kinh nghiệm hơn 26 năm hoạt động trong Đoàn Luật sư Tỉnh Đắk Lắk. Đã kinh qua các vị trí như: Luật sư, Phó Chủ nhiệm Đoàn, Chủ nhiệm Đoàn, Bí thư chi bộ, từ tháng 04/2022 đến nay ông là thành viên HĐQT DRI.

Chức vụ tại tổ chức khác:
+ Chủ nhiệm đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk.
+ Trưởng văn phòng luật sư THT Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk.

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
Số cổ phiếu đại diện sở hữu: 0 cổ phần.



Ông Trần Lê
Thành viên HĐQT độc lập
(Bổ nhiệm ngày 19/04/2022)

Sinh năm : 24/01/1955
Là thành viên HĐQT từ tháng 04/2022

Trình độ chuyên môn:
+ Kỹ sư nông nghiệp
+ Thạc sĩ khoa học nông nghiệp

Kinh nghiệm: Ông có kinh nghiệm hơn 38 năm trong ngành cao su. Đã kinh qua các vị trí từ Phó tổng giám đốc nông trường cao su 1/5 và nông trường cao su Phú Xuân, Trưởng phòng kỹ thuật và Phó giám đốc Công ty Cao su Đắk Lắk, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk. Từ tháng 04/2022 đến nay Ông là thành viên HĐQT DRI.

Chức vụ tại tổ chức khác: không.

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
Số cổ phiếu đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

Danh sách Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Thạc Hoành	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông Phan Thanh Tân	Kiểm soát viên
3	Ông Nguyễn Văn Thảo	Kiểm soát viên (Miễn nhiệm ngày 19/04/2022)
4	Ông Trần Văn Tính	Kiểm soát viên (Bổ nhiệm ngày 19/04/2022)



Ông Nguyễn Thạc Hoành
Trưởng Ban kiểm soát

Sinh năm : 01/12/1966
Là Kiểm soát viên từ tháng 06/2012

Trình độ chuyên môn:
+ Cử nhân tài chính kế toán

Kinh nghiệm: Ông có kinh nghiệm hơn 28 năm trong lĩnh vực kế toán, trải qua các vị trí Kế toán trưởng đơn vị, Trưởng bộ phận Lao động – Tiền lương Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk, từ tháng 6 năm 2012 đến tháng 10/2018 là Kiểm soát viên nhà nước tại Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk (Dakruco) và từ tháng 10/2018 đến nay là Trưởng ban kiểm soát Dakruco, ông là Trưởng ban kiểm soát Công ty DRI từ 6/2012 đến nay. Ông đã hoàn thành chương trình kế toán chuyên nghiệp năm 2019.

Chức vụ tại tổ chức khác:
+ Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk.

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
Số cổ phiếu đại diện sở hữu: 0 cổ phần.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



Ông Phan Thanh Tân
Kiểm soát viên

Sinh năm : 01/11/1971
Là Kiểm soát viên từ tháng 10/2013

Trình độ chuyên môn:
+ Cử nhân tài chính kế toán

Kinh nghiệm: Ông đã có kinh nghiệm hơn 27 năm trong lĩnh vực kế toán, đã kinh qua các vị trí kế toán trưởng, Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk (Dakruco), từ tháng 4/2015 đến nay là Kiểm soát viên DRI. Ông đã hoàn thành chương trình kế toán chuyên nghiệp năm 2019.

Chức vụ tại tổ chức khác:
+ Kiểm soát viên Công ty Cổ phần cao su Đắk Lắk (Dakruco).

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
Số cổ phiếu đại diện sở hữu: 0 cổ phần.



Ông Nguyễn Văn Thảo
Kiểm soát viên
(Miễn nhiệm ngày 19/04/2022)

Sinh năm : 18/06/1975
Là Kiểm soát viên từ tháng 04/2015

Trình độ chuyên môn:
+ Cử nhân kinh tế

Kinh nghiệm: Ông có kinh nghiệm hơn 18 năm về lĩnh vực kế toán, đã kinh qua các vị trí từ nhân viên kế toán, kế toán trưởng, từ tháng 4/2019 đến nay là Kiểm soát viên DRI. Ông đã hoàn thành chương trình kế toán chuyên nghiệp năm 2019.

Chức vụ tại tổ chức khác: không

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
Số cổ phiếu đại diện sở hữu: 0 cổ phần.



Ông Trần Văn Tính
Kiểm soát viên
(Bổ nhiệm ngày 19/04/2022)

Sinh năm : 01/11/1971
Là Kiểm soát viên từ tháng 04/2022
Trình độ chuyên môn:
+ Kỹ sư bảo vệ thực vật

Kinh nghiệm: Ông có kinh nghiệm hơn 16 năm làm trong ngành cao su, đã kinh qua các vị trí từ nhân viên kỹ thuật – sản xuất nông trường, Phó giám đốc nông trường, Giám đốc nông trường, Giám đốc nhà máy chế biến mù, Phó giám đốc Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk, Trưởng bộ phận kỹ thuật – sản xuất tại DRI.

Chức vụ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao DRI

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
Số cổ phiếu đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

Danh sách Ban Giám đốc

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Lê Thanh Căn	Tổng giám đốc
2	Bà Nguyễn Thị Hải	Phó Tổng giám đốc
3	Ông Lê Thanh Cường	Kế toán trưởng

Sơ yếu lý lịch Ông Lê Thanh Căn và Bà Nguyễn Thị Hải: xem phần danh sách HĐQT



Ông Lê Thanh Cường
Kế toán trưởng

Sinh năm : 10/05/1985
Là kế toán trưởng DRI từ tháng 10/2013

Trình độ chuyên môn:
+ Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán
+ Chứng chỉ kế toán trưởng

Kinh nghiệm: Ông đã có kinh nghiệm hơn 14 năm trong lĩnh vực kế toán, trong đó làm trong ngành cao su 11 năm, trải qua các vị trí nhân viên kế toán, kiểm toán viên Dakruco, từ tháng 10/2013 đến nay là kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk.

Chức vụ tại tổ chức khác: không

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
Số cổ phiếu đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (Người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động		
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	72	2,96
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	39	1.6
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	7	0,29
4	Lao động phổ thông	2316	95,15
II	Theo đối tượng lao động		
1	Lao động trực tiếp	2.256	92,69
2	Lao động gián tiếp	178	7,31
III	Theo giới tính		
1	Nam	1.440	59.16
2	Nữ	994	40.84
IV	Theo quốc tịch		
1	Lao động người Lào	2264	93.02
2	Lao động người Việt Nam	170	6.98
Tổng cộng		2.434	100

Chính sách lương - thưởng

- DRI xây dựng chính sách lương, thưởng rõ ràng, minh bạch, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người, đồng thời đảm bảo đầy đủ mọi quyền lợi cho người lao động theo đúng quy định của Pháp luật.
- Thu nhập bình quân khối lao động gián tiếp 17,33 triệu đồng/người/tháng, đạt 98,35% kế hoạch; lao động trực tiếp 3,91 triệu đồng/người/tháng, đạt 77,89% so với kế hoạch (tiền lương lao động trực tiếp thấp là do chuyển đổi đồng tiền từ LAK về VND bị mất giá, nếu tính theo đồng LAK thì tỷ lệ thực hiện tại Lào tăng khoảng 12% so với KH- Lao động trực tiếp là người Lào nhận tiền LAK).
- Tiền lương được chi trả kịp thời, công ty có chính sách thưởng nhân dịp lễ tết của Việt Nam và nước Lào; bố trí điều kiện ăn ở cho người lao động, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định; chú trọng đào tạo, nâng cao chất lượng tay nghề người lao động, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động như BHXH, khám sức khỏe, tham quan du lịch...
- Trong năm công ty con Daklaoruco áp dụng chính sách trả lương bằng đồng USD cho lao động là người Việt Nam do đồng tiền LAK mất giá; phụ cấp xa xứ cho lao động là người Việt Nam. Bên cạnh đó công ty còn có chính sách bổ sung quỹ lương cho khối lao động trực tiếp tại Daklaoruco để tháo gỡ khó khăn cho người lao động trực tiếp, đảm bảo thu nhập, ổn định cuộc sống nhằm giữ và thu hút lao động. Tổng chi phí hỗ trợ thực hiện là 9.571 triệu LAK.

Chính sách phúc lợi

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được DRI đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật. Cụ thể, cán bộ công nhân viên Công ty đều được tham gia các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn và bảo hiểm thất nghiệp theo đúng qui định Pháp luật. Ngoài ra Công ty còn mua bảo hiểm con người cho CBCNV có thời gian làm việc tại Công ty từ 1 năm trở lên. Hàng năm, DRI tổ chức định kỳ các đợt tham quan, nghỉ mát cho cán bộ, nhân viên. Bên cạnh đó, công ty còn tổ chức các trò chơi, hoạt động thi đua giữa các bộ phận với nhau để tạo sự khăng khít giữa mọi người trong công ty và giúp nhân viên thư giãn, giải tỏa mệt mỏi. Tổ chức giao lưu bóng đá (Nam và Nữ) với các đơn vị bạn như Cao su Việt - Lào, Ngân hàng.... Đối với cán bộ nhân viên có thành tích tốt, bên cạnh việc tuyên dương trước công ty, nhân viên sẽ được xem xét để tăng lương nhằm khuyến khích họ phát huy năng lực, hết lòng với công việc. Ngoài ra, công ty còn tổ chức các chương trình nhân dịp Lễ, Tết Việt Nam, Tết Lào, các ngày Quốc tế Lao động, Quốc tế phụ nữ, ... cho CBCNV của Công ty.

Thu nhập bình quân qua các năm

ĐVT: Triệu đồng/người/tháng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Lao động gián tiếp	13,97	14,98	16,65	16,71	17,332
Lao động trực tiếp	7,00	5,54	5,42	5,03	3,91

(Tiền lương lao động trực tiếp thấp là do chuyển đổi đồng tiền từ LAK về VND bị mất giá, nếu tính theo đồng LAK thì tỷ lệ thực hiện tại Lào tăng khoảng 12% so với KH- Lao động trực tiếp là người Lào nhận tiền LAK)





03

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- **Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh**
- **Tình hình tài chính**
- **Phân tích SWOT**
- **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý**
- **Kế hoạch phát triển trong tương lai**
- **Giải trình của Ban Tổng Giám đốc về ý kiến Kiểm toán**

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đánh giá tình hình chung

Thuận lợi:

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời, sát sao của Hội đồng quản trị, đặc biệt trong việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Hoạt động xuất khẩu cao su của Công ty mẹ DRI thuận lợi hơn khi đại dịch Covid-19 được kiểm soát; vấn đề vận chuyển hàng hóa Lào – Việt Nam đã được cải thiện, không còn tình trạng thiếu container, thiếu booking nên công tác xuất nhập khẩu hàng hóa cao su được thuận lợi hơn. Chất lượng sản phẩm ngày được cải tiến và được khách hàng tin tưởng, đánh giá cao.
- Dòng tiền tại Công ty tốt hơn, trả nợ vay ngân hàng khá tốt, nên tình hình tài chính cải thiện hơn so với các năm trước.

Khó khăn:

- Lạm phát vẫn diễn ra trên toàn thế giới cũng đã ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của công ty, làm tăng các chi phí vật tư, hóa chất, logistics. Đặc biệt tại Lào nơi công ty DRI đầu tư 100% vốn, tình hình kinh tế nước bạn Lào năm 2022 suy thoái và chưa có dấu hiệu phục hồi, lạm phát tại Lào tăng cao, đồng tiền Lào mất giá nhanh làm ảnh hưởng rất lớn đến đời sống và tư tưởng của CBCNV, đặc biệt là người lao động Việt Nam tại Lào.
- Thời tiết diễn biến bất lợi, ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng các sản phẩm cao su, điều và chuối tươi.
- Lực lượng lao động biến động lớn, tình trạng khan hiếm lao động vẫn còn tiếp diễn và công tác tuyển dụng không đạt được như kỳ vọng mặc dù công ty đã đưa ra rất nhiều chính sách đãi ngộ, biện pháp để tuyển dụng nhưng lực lượng lao động cả gián tiếp và trực tiếp vẫn không đáp ứng được nhu cầu của công ty.
- Giá mủ cao su trong quý III và IV giảm sâu, ảnh hưởng đến công tác bán hàng và lợi nhuận của Công ty.

Tóm tắt việc thực hiện các chỉ tiêu chính như sau

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	%TH/KH
1	Sản lượng				
1.1	Cao su	Tấn	15.500	13.953	90,02
1.,2	Điều	Tấn	209,00	171,39	82,00
1.3	Chuối	Tấn	3.156	1.391	44,08
2	Doanh thu	Tỷ đồng	599,61	528,19	88,09
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	102,19	105,60	103,33
4	Tỷ lệ xuất khẩu	%	65,00	63,73	98,05
5	Giá vốn cao su	Triệu đồng/tấn	29,86	23,81	79,76
6	Giá vốn chuối	Triệu đồng/tấn	4,64	4,41	94,98
7	Cổ tức (dự kiến)	%	7%	3%	42,86
8	Thu nhập				
8.1	Lương BQ gián tiếp	Triệu đồng/người/ tháng	17,62	17,33	98,35
8.2	Lương BQ trực tiếp		5,02	3,91	77,89

(Chỉ tiêu giá vốn cao su thấp do ảnh hưởng tỷ giá chuyển đổi cuối kỳ, nếu tính theo đồng tiền LAK giá vốn sẽ tăng 7,5%)

Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2022

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2022	2021	%2022/2021
1	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	Tỷ đồng	496,82	585,65	84,83%
2	Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	293,48	355,20	82,63%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	Tỷ đồng	31,23	18,56	168,31%
4	Chi phí tài chính	Tỷ đồng	70,52	70,61	99,87%
5	Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	34,90	34,41	101,45%
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	22,72	19,24	118,04%
7	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	-0,83	-8,45	9,84%
*	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Tỷ đồng	105,60	116,30	90,80%
8	Chi phí TNDN hiện hành	Tỷ đồng	25,23	32,21	78,33%
**	Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	Tỷ đồng	80,37	84,09	95,57%



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình hoạt động của Công ty con

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2021	TH 2022	%2022/2021
I	Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao DRI			
1	Tổng tài sản	36.093,14	39.819,30	110%
2	Doanh thu thuần	16.489,95	3.968,66	24%
3	Giá vốn hàng bán	14.070,41	5.760,57	41%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	0,59	3,09	524%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	2.230,04	707,24	32%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	190,09	-2.496,06	-1313%
7	Lợi nhuận khác	24,27	-39,09	-161%
8	Lợi nhuận trước thuế	214,36	-2.535,15	-1183%
9	Lợi nhuận sau thuế	169,83	-2.535,15	-1493%
II	Công ty TNHH cao su Đắk Lắk			
1	Tổng tài sản	938.168,76	586.396,78	63%
2	Doanh thu thuần	482.312,16	408.548,85	85%
3	Giá vốn hàng bán	277.454,86	230.847,35	83%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	13.601,46	20.269,22	149%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	108.587,75	146.194,09	135%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	109.871,005	51.776,63	47%
7	Lợi nhuận khác	-8.627,48	-711,98	8%
8	Lợi nhuận trước thuế	101.243,52	51.064,65	50%
9	Lợi nhuận sau thuế	70.347,31	25.836,37	37%

Công tác xây dựng cơ bản:

Trong năm 2022, Công ty đã triển khai các công trình trọng điểm, cần thiết và cấp bách phục vụ cho hoạt động sản xuất, an ninh bảo vệ và phục vụ đời sống của CBCNV. Các hạng mục xây dựng cơ bản bao gồm:

- Làm mới, tu sửa, gia cố đường lò, cầu cống thoát nước chủ yếu phục vụ cho công tác vận chuyển mù.
- Làm mới và tu sửa nhà ở, lán tạm, nhà ở kiên cố cho công nhân khai thác.
- Tu sửa đường điện sinh hoạt, khoan giếng nước, xây mới khu nhà vệ sinh và bể nước phục vụ đời sống CBCNV tại các cụm tổ sản xuất các đơn vị.
- Làm mới hàng rào kẽm gai bảo vệ các lô trồng mới năm 2022 tại các đơn vị và hàng rào bảo vệ khu hồ nước cấp dự phòng tại nhà máy chế biến.
- Cải tạo hệ thống cấp nước phục vụ cho công tác sản xuất tại nhà máy chế biến: Đào hồ nước cấp dự phòng, xây dựng trạm bơm, thay mới đường ống cấp nước xuống dây chuyền chế biến.
- Thực hiện mở rộng khu vực nhà xưởng sản xuất tại nhà máy chế biến (2.800m2): Làm mới phần mở rộng nhà xưởng sản xuất: sân nền bê tông, mái che bằng khung thép tiền chế Zamil, lắp đặt hệ thống vách che và điện chiếu sáng cho phần mở rộng; làm mới mái che cho khu vực xuất hàng; thực hiện mở rộng khuôn viên NMCB (6.000m2): san lấp tạo mặt bằng cho phần mở rộng, xây hàng rào kiên cố bảo vệ xung quanh phần mở rộng, đổ bê tông sân đường phần mở rộng, xây dựng bãi rửa xe mới bên phần mở rộng, xây dựng mới 03 mương đánh đồng.

Công tác sản xuất nông nghiệp

Công tác nông nghiệp tập trung thực hiện một số hạng mục sau:

- Vườn cao su kinh doanh: thực hiện các công việc gắn máng chắn nước mưa, xử lý cỏ dại, xử lý chổi dại, bón phân, xử lý cây nghiêng. Chất lượng thực hiện đảm bảo đúng quy trình.
- Vườn cao su kiến thiết cơ bản: chủ yếu thực hiện các hạng mục chống cháy, bón phân, cây chăm sóc, tía chổi tạo hình. Chất lượng thực hiện đảm bảo đúng quy trình.
- Vườn điều: thực hiện công tác bón phân, tía cành tạo tán đảm bảo vườn cây sinh trưởng phát triển tốt

Công tác chế biến:

- Tổng sản phẩm mù cao su chế biến trong năm 2022 thực hiện: 14.259,14 tấn mù thành phẩm. Trong đó dây chuyền chế biến mù nước là 11.212,74 tấn, dây chuyền chế biến mù phụ là 3.046,40 tấn. Tỷ lệ rút cấp trong chế biến 0,9% tổng thành phẩm, giảm 0,34% so với cùng kỳ năm 2021 (1,24%).

Công tác bảo vệ và y tế cộng đồng

- Công tác quản lý bảo vệ sản phẩm, vườn cây tại đơn vị luôn được chú trọng và đặt là nhiệm vụ trọng tâm bên cạnh công tác sản xuất. Tình hình an ninh trật tự tại các nông trường cao su hiện nay rất phức tạp, Công ty đã thành lập Phòng Bảo vệ, biên chế 14 người; phối hợp với các nông trường tăng cường thực hiện tuần tra, canh gác để bảo vệ sản phẩm mù và tài sản của Công ty.
- Công tác y tế cộng đồng: tiếp tục cấp phát thuốc y tế và sơ cấp cứu cho người lao động và dân bản quanh vùng dự án.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đánh giá tình hình quản lý chất lượng

Về chất lượng sản phẩm:

- Sản phẩm của công ty được kiểm nghiệm bởi hệ thống phòng kiểm nghiệm được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025, được quản lý bởi hệ thống quản lý đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Công ty luôn chú trọng chất lượng sản phẩm bán cho khách hàng, duy trì sự ổn định của chất lượng, luôn lắng nghe và đồng hành cùng khách hàng, trong năm 2022 Công ty không có khiếu nại nào của khách hàng về chất lượng sản phẩm hay dịch vụ của Công ty;

Đánh giá của khách hàng về chất lượng sản phẩm của Công ty:

- Năm 2022 DRI được Hiệp hội cao su Việt Nam công nhận danh hiệu Nhãn hiệu cao su cho 03 sản phẩm SVR3L, SVRCV60, SVR10. Năm 2022 cũng đánh dấu là năm thứ 4 liên tiếp DRI được xếp hạng trong 50 doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam về xuất khẩu cao su tính theo kim ngạch xuất khẩu theo số liệu của Tổng cục Hải quan (xếp thứ 38/50), sản phẩm của Công ty không những xâm nhập vào được các thị trường khó tính như Mỹ, EU, Hàn Quốc, Đài loan mà thị phần ngày càng tăng trưởng hơn so với các năm trước,
- Sản phẩm cao su DRI xuất khẩu sang thị trường Mỹ và các nước Châu Mỹ (Argentina, Brazil, Chile) dẫn đầu với khối lượng 2.903,04 tấn, chiếm 20,26 % tổng thị trường. Thị trường lớn thứ 2 là Taiwan với khối lượng 2.374,4 tấn, chiếm tỷ lệ 16,57 %. Tiếp theo là thị trường Hàn Quốc với khối lượng 1.401,12 tấn, chiếm 9,78% và các nước châu Âu với khối lượng 987,84 tấn, chiếm 6,89 %. Bảng tỷ lệ xuất khẩu cao su qua các năm

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2018	2019	2020	2021	2022
Tổng lượng tiêu thụ	Tấn	16.791,8	17.475,88	14.273,05	14.844,63	14.330,26
Xuất khẩu	Tấn	6.085,2	10.536,1	8.974,84	9.737,16	9.132,32
Tỷ lệ	%	36,24	60,29	62,88	65,59	63,73
Bán nội địa	Tấn	10.706,6	6.939,82	5.298,21	5.107,47	5.197,94

Về giống và chất lượng vườn cây:

- Vườn cây cao su tại Lào được trồng những giống tiên tiến, vượt trội tại thời điểm đó như RRIV4, PB260,... là những giống cho năng suất và sản lượng cao, tỷ lệ ghép và tỷ lệ sống cao (>90%), vườn cây sinh trưởng phát triển tốt,... Tuy nhiên, do gió lốc nên một số diện tích mật độ cây cạo giảm; cây cao su bị vện và nghiêng, ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng.



Đánh giá tình hình nhân sự

- Đội ngũ cán bộ lãnh đạo (HDQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc DRI và Daklaoruco) là những cán bộ lâu năm, tâm huyết với nghề, dày dặn kinh nghiệm. Hàng năm Công ty đều chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, nghiệp vụ cho CBCNV.
- Bên cạnh những điểm mạnh như đội ngũ CBCNV chủ yếu là những người trẻ, năng động, trong vài năm gần đây Daklaoruco đang đối diện với tình trạng thiếu lao động gián tiếp có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm, việc tuyển dụng người Lào biết tiếng Việt, có chuyên môn còn hạn chế. Việc tuyển dụng lao động trực tiếp cũng hết sức khó khăn nhất là tại Nông trường 2,4. Công ty dự kiến tiếp tục cải tiến chính sách tiền lương và thu nhập, bổ sung các khoản hỗ trợ ngoài lương cũng như tuyển dụng lao động khu vực xa dự án để bù đắp cho việc thiếu hụt lao động nói trên.



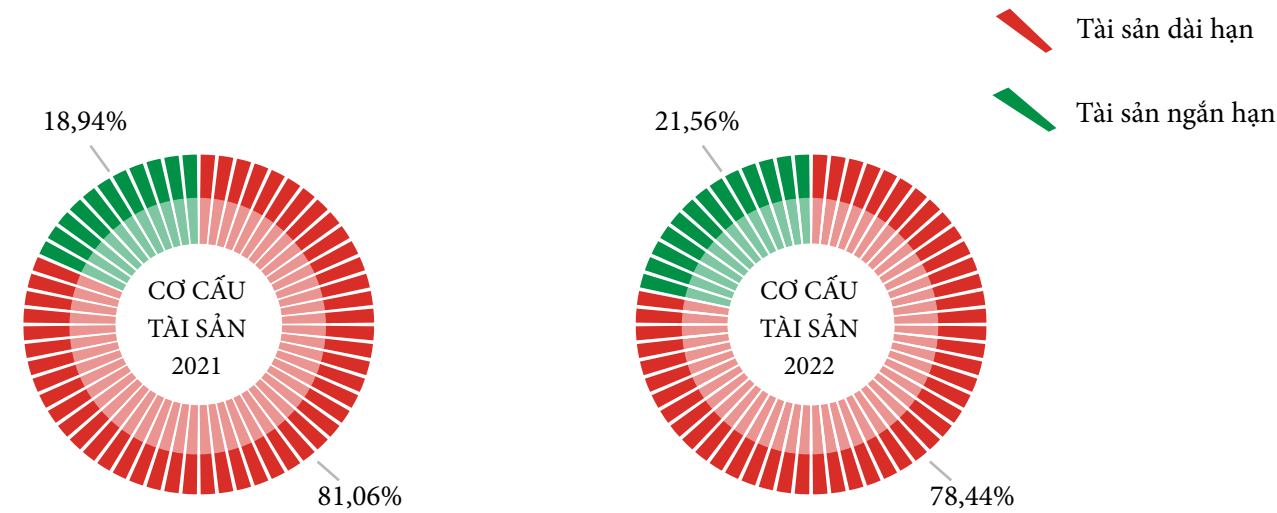
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Cơ cấu tài sản

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	%2022/2021	Tỷ trọng	
				Năm 2021	Năm 2022
Tài sản ngắn hạn	194,45	165,15	84,93%	18,94%	21,56%
Tài sản dài hạn	832,46	600,71	72,16%	81,06%	78,44%
Tổng tài sản	1.026,91	766,16	74,61%	100%	100%

Cả tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn đều giảm trong năm 2022, cụ thể tài sản ngắn hạn đã giảm 15,07%, chủ yếu đến từ tiền, các khoản tương đương tiền và hàng tồn kho; tài sản dài hạn trong năm đã ghi nhận mức giảm 27,84%, đây cũng là nguyên nhân chính cho sự sụt giảm của tổng tài sản. Tổng tài sản năm 2022 đã giảm 261,05 tỷ đồng do trong năm khoản mục tài sản dài hạn giảm do khấu hao tài sản cố định và chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài. Tuy cả tài sản ngắn hạn và dài hạn đều suy giảm trong năm 2022 nhưng cơ cấu tài sản đã thay đổi. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng lên cho thấy Công ty đang tập trung vào việc tăng cường thanh khoản, giảm thiểu rủi ro trong tình hình kinh doanh không chắc chắn.

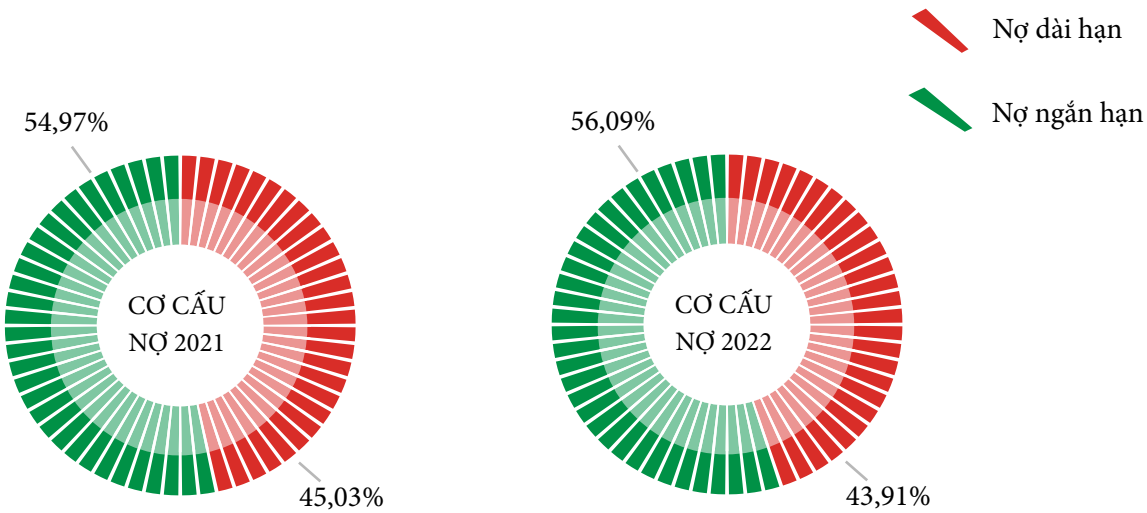


Cơ cấu nợ

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	%2022/2021	Tỷ trọng	
				Năm 2021	Năm 2022
Nợ ngắn hạn	173,477	109.203	62,95%	54,97%	56,09%
Nợ dài hạn	142,133	85.487	60,15%	45,03%	43,91%
Tổng nợ phải trả	315,610	194.690	61,69%	100%	100%

Năm 2022, Công ty tiếp tục thực hiện chính sách ưu tiên sử dụng nguồn lực tự có để thực hiện các dự án đầu tư và giảm thiểu sử dụng đòn bẩy tài chính, nhằm giảm thiểu áp lực tài chính và kiểm soát các khoản nợ trước những chính sách tiền tệ của nền kinh tế. Nhìn chung, tổng nợ phải trả tại 31/12/2022 của DRI giảm 39,31%, mức giảm chủ yếu đến từ việc Công ty trả bớt nợ vay. Trong năm, Công ty đã trả bớt 114,92 tỷ đồng nợ vay tài chính cả ngắn hạn và dài hạn, góp phần đưa tổng số nợ phải trả giảm bớt 120,92 tỷ đồng so với năm 2021. Việc Công ty đã giảm tổng nợ được xem là một dấu hiệu tích cực đối với doanh nghiệp, vì nó cho thấy DRI đang cải thiện khả năng thanh toán và đang quản lý nợ một cách hiệu quả hơn.



Điểm mạnh

- Dòng tiền hoạt động kinh doanh của Công ty ngày một cải thiện, các khoản vay dài hạn được trả ngày một nhiều trong đó có khoảng vay dài hạn bằng USD tại Lào, giảm thiểu rủi ro về biến động tỷ giá. Liên tục các năm gần đây DRI đều có lợi nhuận, chia cổ tức ổn định cho cổ đông, cổ phiếu của DRI ngày càng nhiều cổ đông tham gia với khối lượng giao dịch tương đối tốt;
- Đội ngũ lãnh đạo chủ chốt là những cán bộ có kinh nghiệm, tâm huyết, có tầm nhìn rõ ràng, lãnh đạo công ty phát triển bền vững không những trên các khía cạnh môi trường, xã hội, mà còn bền vững về mặt tài chính, đón đầu xu hướng phát triển xanh, chuyển đổi số, đáp ứng nhu cầu khách hàng;
- Sản phẩm của DRI đã được VRA cấp chứng nhận Nhân hiệu Cao su Việt Nam và có chỗ đứng tại các thị trường khó tính như Mỹ, EU, Hàn quốc, Đài Loan,...với thị phần ngày càng tăng trưởng. Tỷ lệ xuất khẩu cao, ổn định ở mức bình quân 65%/tổng hàng tiêu thụ/năm, trong đó tỷ trọng sản xuất và bán sản phẩm CV là sản phẩm cao cấp có giá trị gia tăng cao, ngày càng tăng;
- Bốn năm liên tiếp (2019-2022) DRI đều được vinh danh trong top 50 doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu cao su cao nhất Việt Nam theo số liệu của Tổng cục Hải quan;

Điểm yếu

- Tình trạng thiếu hụt lao động bao gồm cả gián tiếp và trực tiếp tại Daklaoruco, các tác động tiêu cực của thời tiết, tình trạng trộm cắp mùa ngày càng phức tạp là những nguyên nhân mà các năm liên tục gần đây DRI không hoàn thành kế hoạch sản lượng;
- FED tiếp tục duy trì chính sách tăng lãi suất để kìm hãm lạm phát sẽ tác động tiêu cực đến chính tác tỷ giá của Nước Lào qua đó ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty; Lạm phát còn ở mức cao, nên chi phí đầu vào và chi phí logistic vẫn ở mức cao, ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm.
- Dự báo năm 2023 tình hình tăng trưởng của các nước lớn đều chậm lại không ngoại trừ xảy ra suy thoái kinh tế dẫn đến tổng cầu chung giảm, tổng cung từ đó cũng giảm theo. DRI sản phẩm chủ yếu là xuất khẩu cũng sẽ bị ảnh hưởng;
- Đặc thù là ngành sản xuất nông nghiệp nên phụ thuộc nhiều vào yếu tố thời tiết, khí hậu. Với tác động của biến đổi khí hậu ngày càng cực đoan: mưa giông, lũ lụt, hạn hán, dịch bệnh,...đã ảnh hưởng đến năng suất và sức khỏe của vườn cây;
- Vườn cây cao su tại Lào xa về địa lý, nước bạn Lào không có cảng biển nên chi phí vận chuyển cao hơn các đơn vị trong nước;
- Dự án đầu tư cao su có thời gian thu hồi vốn dài, đầu tư vào những vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới thiếu thốn về hạ tầng lẫn cơ sở an sinh xã hội; quá trình thực hiện đầu tư gặp khá nhiều khó khăn do khác biệt về luật pháp, văn hóa; cơ chế đầu tư nước ngoài còn nhiều bất cập...Do ảnh hưởng của giông lốc nhiều vườn cây phải đưa vào chu kỳ thanh lý sớm do không đủ mật độ cây cạo/ha.

Thách thức

- Tình hình địa chính trị phức tạp, lạm phát trên thế giới vẫn còn ở mức cao, chính sách tiếp tục tăng lãi suất của FED, ECB,... nền kinh tế tăng trưởng chậm lại và tình trạng mất thanh khoản của nhiều các ngân hàng lớn trên thế giới, ... là những bất ổn ảnh hưởng đến niềm tin của người tiêu dùng, các nhà đầu tư,...là những khoảng tối trong bức tranh kinh tế toàn cầu năm 2023.
 - Nhu cầu của khách hàng đối với nguồn nguyên liệu có nguồn gốc rõ ràng, nằm trong chuỗi cung ứng bền vững yêu cầu Doanh nghiệp phải định hướng lại chiến lược phát triển theo hướng bền vững, đây là một thách thức nhưng cũng là cơ hội để Công ty nâng cao năng lực quản trị, mở rộng khách hàng và thị trường, sản xuất bền vững.
 - Biến đổi khí hậu làm tăng tỷ lệ sâu bệnh và gây ra các sự kiện thời tiết cực đoan khó lường ảnh hưởng lớn đến năng suất và sản lượng các cây nông nghiệp khác nói chung và cây cao su nói riêng; buộc Công ty phải có giải pháp sản xuất bền vững để tham gia vào chuỗi cung ứng bền vững toàn cầu;
 - Nguồn nhân lực hạn chế, cơ sở hạ tầng thấp tại nước bạn Lào là một trở ngại cho việc ứng dụng công nghệ 4.0 trong công tác quản trị công ty;
 - Nguyên liệu thay thế, Xu hướng Thế giới hướng đến dùng các nguyên vật liệu tái chế, bền vững và thân thiện với môi trường từ đó sẽ giảm nhu cầu cao su thiên nhiên.

Cơ hội

- Năm 2022 DRI được công nhận Nhân hiệu cao su Việt Nam cho 03 sản phẩm SVR3L, SVRCV60, SVR10 từng bước khẳng định thương hiệu cao su DRI trên thị trường thế giới;
- Tháng 3 năm 2023 DRI đã ký hợp đồng tư vấn, năm 2024 nộp đơn đánh giá chính thức chứng nhận FSC-FM/CoC cho vườn cây cao su tại Lào, Nhà máy chế biến tại Lào và mảng thương mại DRI. Đây là cơ hội để các sản phẩm DRI nhanh chóng đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng mới, tham gia chuỗi cung ứng bền vững toàn cầu;
- Việt Nam là một trong số những nước ký kết rất nhiều các hiệp định thương mại song phương, đa phương, hỗ trợ rất lớn cho xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam ra thị trường Quốc tế trong đó có mặt hàng cao su;
- Trung Quốc dần mở cửa là tín hiệu tốt cho giao thương kinh tế toàn cầu. Giá dầu đang xu hướng giảm hỗ trợ cho giá cao su;
- Hiệp định thương mại tự do như EVFTA, UKVFTA và RCEP có hiệu lực cùng với sự phục hồi của nền kinh tế toàn cầu, sẽ có tác động tích cực giúp tăng cầu đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam trong đó có mặt hàng cao su.
- Chi phí tài chính của Công ty ngày càng giảm, do nợ vay giảm dần, là cơ hội để tăng tích lũy cho Công ty. Các khoản vay bằng USD được xử lý gần hết trong năm 2022 sẽ giảm nhiều ảnh hưởng tiêu cực từ chênh lệch tỷ giá.
- Công ty đã xây dựng hoàn thiện và thông qua ĐHCĐ phương án tái canh vườn cao su theo lộ trình đảm bảo sản lượng, doanh thu, lợi nhuận không biến động nhiều qua các năm.

Về vườn cây

Vườn cây sinh trưởng phát triển tốt, năng suất cao ổn định, chất lượng sản phẩm tốt đáp ứng nhu cầu khách hàng và thị trường. Tuy nhiên, do thiếu hụt lao động khai thác mủ trầm trọng, nên năng suất bình quân giảm.

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Năng suất (tấn/ha)	2,16	1,85	1,8	1,79	1,64
Sản lượng (tấn)	18.139,25	15.403	15.206	15.439	13.953

Về cơ cấu tổ chức

Xây dựng, ban hành và áp dụng hệ thống các quy trình, các chuẩn mực trong sản xuất và chế biến tích hợp giữa các quy định, quy trình FSC và quy trình quản lý chất lượng theo ISO từ đó giúp cho công tác quản lý ngày càng hiệu quả. Các hoạt động sản xuất kinh doanh phải tuân thủ theo quy định của các tiêu chuẩn quản lý Quốc tế như: tiêu chuẩn ISO 9001:2015; tiêu chuẩn ISO/IEC 17025; Các quy định của FSC. Giao quyền chủ động cho lãnh đạo các đơn vị để thực hiện một cách linh hoạt kịp thời các kế hoạch của Công ty mà ĐHQT, HĐQT giao.

Chế biến, nâng cao chất lượng sản phẩm

Bổ sung 01 máy cán kéo tại dây chuyền mủ nước nhằm loại bỏ tốt nhất các serum trong cao su, kiểm soát việc sử dụng hóa chất chống đông ngoài lò từ đó giúp chất lượng sản phẩm ổn định nhất là chỉ tiêu màu. Trang bị thêm máy dò kim loại dây chuyền mủ nước, như vậy cả hai dây chuyền mủ nước và mủ phụ đều trang bị máy dò kim loại để phát hiện kim loại trước khi đóng gói. Tập trung công tác vệ sinh chén ngoài lò nhằm nâng cao chất lượng mủ nguyên liệu đầu vào. Cải tiến một số công đoạn trong quy trình chế biến theo khuyến cáo của Đoàn đánh giá Hiệp hội Cao su Việt Nam (VRA).

Về quảng bá thương hiệu

Tham gia các hội trợ triển lãm, các hội nghị khách hàng do Hiệp hội cao su Việt Nam tổ chức, thông qua các tham tán thương mại và gặp gỡ khách hàng để quảng bá sản phẩm của Công ty ra nước ngoài; Luôn chú trọng chất lượng sản phẩm, duy trì chất lượng ổn định, làm tốt khâu hậu mãi, luôn lắng nghe, đồng hành cùng khách hàng, từng bước củng cố thương hiệu DRI trên thị trường Quốc tế; Thực hiện công bố thông tin minh bạch, thực hiện tốt các nghĩa vụ nằm trong các giá trị cốt lõi của Công ty đó là Sự công bằng, Tính trách nhiệm, Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Các chỉ tiêu chính

Căn cứ tình hình cung cầu, thay đổi nhu cầu của khách hàng, năng lực sản xuất của Công ty cũng như dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế trong và ngoài nước, Ban điều hành xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2023 như sau:

Cao su:

- Khai thác: 15.000 tấn mù quy khô; năng suất bình quân đạt 1,76 tấn/ha;
- Sản lượng tiêu thụ dự kiến 15.000 tấn;
- Giá bán bình quân 34,034 triệu đồng/tấn (1.430 USD/tấn);
- Giá vốn hàng bán 30,075 triệu đồng/tấn (1.264 USD/tấn);
- Tỷ lệ xuất khẩu: 65% trên tổng lượng hàng xuất bán;

Điều:

- + Sản lượng 201 tấn quả tươi;
- + Giá bán bình quân 23,800 triệu đồng/tấn (1.000 USD/tấn);
- + Giá vốn hàng bán 23,74 triệu đồng/tấn (997 USD/Tấn);

Sơ bộ kết quả kinh doanh năm 2023:

- + Tổng doanh thu là 527.793 triệu đồng;
- + Tổng chi phí 455.896 triệu đồng;
- + Lợi nhuận hợp nhất trước thuế: 71.897 triệu đồng;
- + Lợi nhuận sau thuế dự kiến: 56.137 triệu đồng;
- + Tỷ lệ chia cổ tức năm 2023 dự kiến: 5% vốn điều lệ.

Căn cứ để hoàn thành kế hoạch

- Giải pháp về kỹ thuật và tổ chức sản xuất: thực hiện tốt, đồng bộ các giải pháp kỹ thuật khai thác, chế biến. Tổ chức tốt công tác khai thác mù cao su, tuyển dụng và bố trí lao động hợp lý, chú trọng trang bị vật tư khai thác, phân bón ngay từ đầu vụ cạo. Thực hiện các công đoạn chăm sóc đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo vườn cây sinh trưởng, phát triển tốt. Nâng cao chất lượng sản phẩm mù cao su chế biến. Tăng cường chỉ đạo công tác bảo vệ vườn cây, sản phẩm và vật tư.
- Giải pháp về tài chính: thực hiện tốt việc kiểm soát chi phí, giá thành sản xuất nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT giao. Cơ cấu nguồn vốn và thực hiện các giải pháp tài chính nhằm tiết giảm chi phí tài chính, hạn chế ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá.
- Giải pháp về kinh doanh xuất nhập khẩu: tiếp tục duy trì mối quan hệ với các khách hàng hiện tại và tích cực mở rộng và khai thác các thị trường mới. Theo dõi diễn biến giá cả thị trường để có chiến lược bán hàng hợp lý, mang lại hiệu quả kinh doanh cao. Giao Daklaoruco thực hiện thí điểm mua mù cao su nguyên liệu về chế biến cao su SRV 10, 20 để từng bước bù đắp sản lượng thiếu hụt khi vườn cây đưa vào lộ trình thanh lý.
- Chỉ đạo Daklaoruco bám sát mục tiêu trong chương trình phát triển bền vững theo chủ trương của HĐQT, phấn đấu đến năm 2024 được cấp chứng nhận FSC-FM cho vườn cây cao su tại Daklaoruco, FSC-CoC cho nhà máy và mảng kinh doanh của DRI. Thực hiện các hành động khắc phục các tồn tại về tiêu chuẩn của Nhân hiệu cao su Việt Nam để duy trì chứng nhận nhân hiệu trong nhiều năm tiếp theo.
- Tiếp tục chỉ đạo Công ty NN CNC DRI thâm canh, chăm sóc vườn cây cho đến khi chuyển nhượng xong toàn bộ phần vốn của DRI.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Giải trình của DRI: Không có ý kiến giải trình.





04

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của HĐQT đối với thị trường cao su thế giới
- Môi trường kinh tế vĩ mô và Hiệu quả của các chính sách tác động đến thị trường cao su
- Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
- Kế hoạch và định hướng của HĐQT năm 2023

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT ĐỐI VỚI THỊ TRƯỜNG CAO SU THẾ GIỚI

Đánh giá của HĐQT đối với thị trường cao su thế giới

Năm 2023 thị trường cao su thế giới phụ thuộc vào 02 kịch bản:

Bối cảnh địa chính trị khả quan và đồng USD yếu hơn.

- Thông tin tốc độ tăng lãi suất năm 2023 của FED chậm, Trung quốc dần mở cửa là những thông tin tích cực đối với nền kinh tế toàn cầu, có thể hỗ trợ hoạt động mua bán đầu cơ trên thị trường cao su. Các dự báo như sau:
- Từ tháng 1-6/2023 giá cao su khả năng tăng do yếu tố cung-cầu thuận lợi, sản lượng khai thác cao su giảm do bước vào chu kỳ nghỉ sinh lý.
- Giai đoạn 6 tháng cuối năm sản lượng cao su tăng lên đáng kể so với mức tiêu thụ, lúc này yếu tố cung-cầu không hỗ trợ nhiều cho việc tăng giá, Tuy nhiên việc Trung Quốc mở cửa cũng thúc đẩy nhu cầu đối với cao su thiên nhiên khả năng giá cao su có thể cải thiện nhưng ở mức độ hạn chế.

Lạm phát trên thế giới vẫn ở mức cao, FED tiếp tục duy trì chính sách tăng lãi suất, khó khăn của hệ thống ngân hàng toàn cầu và nguy cơ suy thoái kinh tế.

- Tình hình kinh tế khó khăn, tổng cầu sụp giảm ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường hàng hóa trong đó có cao su, Tuy nhiên trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu còn nhiều thách thức vẫn có cửa sáng cho ngành cao su khi Trung Quốc mở cửa và Mỹ nhập khẩu cao su được kỳ vọng tăng trong thời gian tới. Ngoài ra giá dầu vẫn giữ ở mức cao, do sự trở lại của nền kinh tế Trung Quốc làm nhu cầu sử dụng nhiên liệu tăng; từ đó cũng hỗ trợ cho giá cao su tự nhiên có thể tăng trong năm 2023.
- Trên bình diện toàn cầu, tập đoàn ISRG của Singapore dự báo nhu cầu sử dụng cao su thiên nhiên trên thế giới sẽ tăng trưởng đều đặn 2,4% trong mỗi năm trong giai đoạn 2023-2031, tăng mạnh so với mức tăng 1,8% của năm 2022.



Môi trường kinh tế vĩ mô và Hiệu quả của các chính sách tác động đến thị trường cao su

Trong những năm qua Chính phủ đã ký rất nhiều các hiệp định đa phương, song phương với mục đích tạo việc làm cho người dân, đẩy mạnh xuất nhập khẩu. Hiệu quả của những chính sách này hỗ trợ rất nhiều cho các doanh nghiệp mà cụ thể trong những năm gần đây nước ta luôn có thặng dư thương mại, xuất khẩu của Việt Nam đã có một bước tiến lớn, cao su cũng được hưởng lợi từ những chính sách này với kim ngạch xuất khẩu đều tăng trưởng hàng năm.

Bước vào năm 2023 với chính sách giảm lãi suất và nhiều chính sách tài khóa khác của Chính phủ để phục hồi nền kinh tế, dự báo năm 2023 GDP nước ta tiếp tục tăng trưởng tuy nhiên sẽ chậm lại do chịu ảnh hưởng của bối cảnh kinh tế toàn cầu.

Hiệp hội Cao su Việt Nam (VRA) đang đẩy mạnh việc cấp chứng nhận Nhân hiệu Cao su Việt Nam/Việt Nam Rubber. Đây là một trong những việc làm cần thiết bên cạnh việc nâng chất lượng trồng và chế biến cao su nhằm hướng đến xây dựng thương hiệu cho cao su Việt.

Về góc độ doanh nghiệp và người dân cũng tích cực thay đổi mô hình, phương pháp sản xuất theo hướng áp dụng khoa học công nghệ, tiếp cận với những tiêu chuẩn khắc khe hơn của thị trường như các tiêu chuẩn ISO, FSC, PEFC,...



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT ĐỐI VỚI THỊ TRƯỜNG CAO SU THẾ GIỚI

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu chính trong năm 2022

Năm 2022, nền kinh tế thế giới đối mặt với tình trạng lạm phát cao phải thực thi chính sách thắt chặt tiền tệ, giá hàng hóa nguyên vật liệu đều tăng cao do lạm phát ảnh hưởng tiêu cực đến chi phí sản xuất trong khi giá cao su lại giảm so với năm 2021. Tình trạng thiếu hụt lao động, thời tiết mưa tập trung nhiều vào các tháng 5,6, giống lốc làm gãy đổ cao su ảnh hưởng đến chỉ tiêu sản lượng. Từ những yếu tố trên năm 2022 DRI DRI tiếp tục không hoàn thành kế hoạch sản lượng (đạt 90%KH), doanh thu giảm do sản lượng tiêu thụ và giá bán giảm, chỉ tiêu xuất khẩu không đạt kế hoạch. Tuy nhiên chỉ tiêu lợi nhuận vượt kế hoạch đề ra do loại bỏ chi phí tài chính (đánh giá khoản vay USD) trong nội bộ tập đoàn khi hợp nhất dẫn đến lợi nhuận hợp nhất tăng lên. Về bản chất thì tại Công ty con Daklaoruco lợi nhuận vẫn cao do bán hàng thu USD, tỷ giá USD cao dẫn đến doanh thu bán hàng cao trong khi chi phí không biến động nhiều vì HĐQT DRI chủ động cho chủ trương để Daklaoruco mua những vật tư thiết yếu từ đầu năm nên ít bị tác động của lạm phát.



Về trách nhiệm môi trường và Xã hội:

Năm 2023 DRI sẽ hoàn thiện việc đánh giá và cấp chứng nhận cho hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy chế biến theo tiêu chuẩn ISO 14.001; Chú trọng công tác tái sử dụng nguyên liệu đầu vào, hạn chế sử dụng nhiên liệu hoá thạch bằng cách thay công nghệ sử dụng dầu diesel bằng công nghệ sử dụng nhiệt từ tận dụng đốt cành nhánh, gỗ vụn rừng trồng, vườn cao su,... Chăm lo đời sống người lao động, hỗ trợ cộng đồng,...

Về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Các hoạt động của Ban Tổng giám đốc tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ Công ty; Đã điều hành Công ty hoàn thành tốt nhất ở mức có thể các chỉ tiêu chính, nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ, HĐQT giao; thường xuyên xin ý kiến HĐQT về mặt chủ trương đối với những vấn đề vượt thẩm quyền, tham mưu cho HĐQT những giải pháp góp phần vào sự phát triển chung của Công ty.

Nhận định việc thực hiện các chỉ tiêu năm 2023

Năm 2023 nền kinh tế vừa bước qua những khó khăn do đại dịch Covid-19 và đứng trước những dự báo về khả năng suy thoái kinh tế với những tín hiệu không mấy khả quan như tỷ lệ lạm phát còn mức cao, FED và ECB vẫn tiếp tục tăng lãi suất, các ngân hàng Mỹ và Phương Tây đang gặp khó khăn do hệ quả của chính sách nới lỏng tiền tệ trước đây và việc liên tục tăng lãi suất của FED và ECB. Cuộc xung đột Nga-Uraina vẫn còn tiếp diễn chưa có hồi kết, kinh tế Trung quốc phát triển trở lại, nhưng còn chịu nhiều tác động của yếu tố hậu Covid. Tổng cầu chung suy giảm ảnh hưởng đến nguồn cung,...là những yếu tố bất lợi trong năm 2023. Việt Nam chúng ta bước vào năm 2023 chính phủ đã dùng nhiều chính sách hỗ trợ nền kinh tế như chính sách giảm lãi suất hoạt động của các ngân hàng, từng bước tháo gỡ về trái phiếu doanh nghiệp...kinh tế Việt Nam năm 2023 vẫn tăng trưởng nhưng sẽ tăng trưởng chậm lại do ảnh hưởng chung của nền kinh tế thế giới. Trước tình hình vĩ mô như trên dự báo sẽ còn những khó khăn, thách thức đối với ngành cao su nói chung và DRI nói riêng trong năm 2023. DRI liên tục trong những năm qua không hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch sản lượng ngoài các yếu tố về thời tiết khí hậu, yếu tố lao động cũng đang là vấn đề còn tồn tại mà đến nay vẫn chưa thể giải quyết do đặc thù nước bạn nhiều lễ hội, tập tục của người Lào mang tính cộng đồng cao, các lễ hội, ma chay, hiếu hỷ người lao động nghỉ nhiều ảnh hưởng đến ngày công khai thác. Tình hình lạm phát còn tiếp diễn, việc tiếp tục duy trì chính sách tăng lãi suất của FED sẽ làm đồng tiền Lak Lào mất giá từ đó ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận của DRI do yếu tố lỗ chênh lệch tỷ giá; Mặc dù tình hình còn khó khăn, Ban lãnh đạo DRI vẫn quyết tâm lãnh đạo công ty theo hướng phát triển bền vững, thân thiện môi trường, đảm bảo các yếu tố về an sinh xã hội. Năm 2023 DRI chính thức ký hợp đồng thuê tư vấn để hướng tới được cấp chứng chỉ rừng FSC-FM cho vườn cây cao su tại Lào và FSC-CoC cho nhà máy chế biến cao su và mảng thương mại của DRI với mục tiêu chậm nhất là năm 2024 sẽ được chứng nhận.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

Định hướng của Hội đồng quản trị

- Chỉ đạo Daklaoruco tìm kiếm các giải pháp tuyển dụng, giữ nguồn lao động hạn chế thấp nhất tỷ lệ trồng vườn, đảm bảo việc hoàn thành kế hoạch sản lượng của DRI.
- Chỉ đạo sát sao Ban điều hành tổ chức sản xuất, thực hiện tốt các chỉ tiêu mà ĐHQĐĐ giao, tạo lợi nhuận tích lũy, đảm bảo nguồn tài chính bền vững cho Công ty. Duy trì việc chia cổ tức ổn định cho cổ đông;
- -Kiến định với mục tiêu phát triển bền vững, phát triển kinh tế trên quan điểm trách nhiệm với môi trường và xã hội, hướng đến những thị trường cao cấp như Mỹ, EU, Hàn quốc,...với tỷ lệ xuất khẩu ổn định 65% trên tổng lượng hàng tiêu thụ hàng năm. Gia tăng sản lượng mù SVR CV trong cơ cấu sản phẩm mù cao su;
- Không ngừng tiếp cận học hỏi những phương pháp quản lý, chế biến hiệu quả, duy trì Nhân hiệu cao su Việt Nam, củng cố niềm tin về chất lượng sản phẩm với khách hàng;
- Phấn đấu hệ thống quản lý môi trường được chứng nhận theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 trong năm 2023;
- Triển khai phương án thanh lý vườn cây cao su kém hiệu quả tại Daklaoruco, theo Phương án đã được ĐHQĐĐ thường niên năm 2021 thông qua, trên cơ sở linh hoạt, phù hợp với tình hình tài chính của Công ty trong từng giai đoạn, có kế hoạch chuẩn bị nguồn vốn để tái canh hiệu quả;
- Tiếp tục chỉ đạo Công ty NN CNC DRI thâm canh, chăm sóc vườn cây cho đến khi chuyển nhượng xong toàn bộ phần vốn của DRI.
- Chỉ đạo Daklaoruco thí điểm việc mua mù nguyên liệu để chế biến sản phẩm SVR10, 20 để đến năm 2025 có thể bù được sản lượng mù cao su chế biến bị hụt do phải thanh lý vườn cây theo lộ trình.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Duy trì chứng Chứng chỉ rừng Quốc tế FSC FM/CoC cho gỗ và mù cao su tại Công ty TNHH cao su Đắc Lắc, tỉnh Champasak, CHDCND Lào trực thuộc DRI và FSC CoC thương mại cho DRI; Chứng nhận Nhân hiệu cao su Việt Nam cho sản phẩm mù cao su thành phẩm SVR 3L, SVR CV60, SVR 10.
- Tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm, mẫu mã, bao bì, tăng cường công tác quảng cáo tiếp thị mở rộng thị trường, khách hàng, từng bước xây dựng thương hiệu DRI có uy tín trên thị trường thế giới;
- Nghiên cứu sản xuất thêm sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn như sản phẩm CV, SVR10 công nghệ mới nhằm tạo thế chủ động, khi thị trường cần mặt hàng nào thì DRI luôn trong tâm thế chủ động sản xuất và tiêu thụ;
- Chú trọng công tác đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ quản lý, có kế hoạch tuyển dụng và đào tạo đội ngũ lao động gián tiếp là người Lào nhằm dần thay thế người Việt Nam làm việc tại nước bạn;
- Hàng năm từ nguồn lợi nhuận thực hiện trích lập các quỹ trong đó có nguồn quỹ đầu tư phát triển nhằm đảm bảo cho kế hoạch tái canh vườn cao su của DRI sau này và duy trì việc chia cổ tức ổn định cho các cổ đông;
- Triển khai Kế hoạch khai thác, thanh lý và trồng tái canh vườn cao su kém hiệu quả, phù hợp với thời hạn của hợp đồng tô nhượng đất với Chính phủ Lào. Định hướng xây dựng xưởng sơ chế gỗ tại Daklaoruco để tận dụng cây cao su trong thời kỳ thanh lý, nếu tính hiệu quả cao.

Các biện pháp thực hiện

- Thực hiện tốt quy trình kỹ thuật, đảm bảo sự sinh trưởng phát triển của vườn cây cao su, đảm bảo thời gian khai thác tối ưu, cho năng suất cao, ổn định; đẩy mạnh công tác chế biến, nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm mù cao su, từng bước xây dựng thương hiệu DRI-Daklaoruco trở thành thương hiệu được nhiều thị trường trên thế giới biết đến.
- Nâng cao năng lực đội ngũ CBCNV tại công ty mẹ, tìm kiếm, đào tạo, xây dựng nguồn nhân lực ổn định công ty con Daklaoruco, đảm bảo đời sống và thu nhập cho người lao động. Làm tốt công tác quản lý, quản trị tốt giá thành nhằm tối đa hóa lợi nhuận của cổ đông.
- Phối hợp tốt với đơn vị tư vấn, bố trí nhân lực vật lực phấn đấu đến năm 2024 được cấp chứng nhận rừng cao su bền vững theo tiêu chuẩn chứng chỉ rừng quốc tế (FSC-FM) cho diện tích vườn cao su đạt chuẩn tại Daklaoruco, FSC-CoC cho nhà máy chế biến tại Lào và mảng thương mại tại DRI. Duy trì chứng nhận hàng hoá cao su Việt Nam;
- Thực hiện việc thanh lý những vườn cao su kém hiệu quả tại Daklaoruco và thực hiện xây dựng vườn nhân giống cao su; trồng tái canh theo phương án được ĐHQĐĐ thường niên 2021 thông qua;
- Tìm kiếm đối tác xây dựng nhà máy sơ chế gỗ cao su tại Daklaoruco khi vườn cây đi vào chu kỳ thanh lý nhằm bổ sung lợi nhuận gia tăng sau chu kỳ khai thác;
- Tiếp tục chỉ đạo Công ty NN CNC DRI thâm canh, chăm sóc vườn cây cho đến khi chuyển nhượng xong toàn bộ phần vốn của DRI.
- Chỉ đạo Daklaoruco thí điểm việc mua mù nguyên liệu để chế biến sản phẩm SVR10, 20.



05 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Mục tiêu phát triển bền vững
- Nguyên tắc phát triển bền vững
- Chiến lược phát triển bền vững ngắn hạn, trung hạn và dài hạn
- Chính sách phát triển bền vững
- Phát triển bền vững hướng tới tiệm cận với các chỉ tiêu Phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc
- Vai trò và trách nhiệm của các cấp quản lý trong việc triển khai phát triển bền vững của Doanh nghiệp

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu phát triển bền vững của DN: Hiệu quả về kinh tế- Bảo vệ môi trường- Trách nhiệm xã hội mà cụ thể là Đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan gồm:

Doanh nghiệp: Sản xuất kinh doanh có hiệu quả;

Khách hàng : Tuân thủ cam kết, cung cấp cho khách hàng sản phẩm có chất lượng ổn định, đa dạng, làm tốt hậu mãi;

Nhà đầu tư: Sử dụng hiệu quả tài sản, nguồn lực, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác. Đảm bảo lợi ích của cổ đông;

Người lao động: có cơ hội được đào tạo, phát triển nghề nghiệp, tự do tham gia hiệp hội đoàn thể được nhà nước cho phép, trả lương đầy đủ, đúng hạn, thực hiện tốt các chế độ đãi ngộ khác;

Nhà cung cấp: Thỏa thuận công bằng, hướng tới lựa chọn nhà cung cấp cùng chí hướng về PTBV để xây dựng chuỗi cung ứng toàn diện về PTBV;

Môi trường, xã hội, cộng đồng: Sử dụng hiệu quả tài nguyên, thực hiện tốt an sinh xã hội, thường xuyên tham vấn cộng đồng về các vấn đề liên quan, hỗ trợ cộng đồng;

Cơ quan quản lý nhà nước: Tuân thủ pháp luật, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách, cung cấp thông tin đầy đủ , kịp thời theo yêu cầu.

NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trách nhiệm: Tuân thủ pháp luật của Việt Nam và các quốc gia mà DRI đầu tư, Công nhận quyền lợi của các bên liên quan theo quy định của Pháp luật;

Trách nhiệm Giải trình: Đảm bảo việc hoạch định chiến lược cho Công ty, thực thi việc giám sát có hiệu quả hoạt động của HĐQT, đảm bảo việc giải trình của HĐQT đối với cổ đông và các bên liên quan;

Công bằng: Đối xử công bằng với tất cả cổ đông kể cả cổ đông nhỏ lẻ;

Bền vững: Đảm bảo lợi ích bền vững cho các bên liên quan, đảm bảo hài hòa giữa phát triển công ty và phát triển kinh tế - xã hội và môi trường;

Minh bạch: Đảm bảo việc công khai thông tin về các vấn đề liên quan tới doanh nghiệp theo quy định, kịp thời và chính xác. Ngoài việc công bố thông tin theo quy định của thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính, DRI còn chủ động công bố những thông tin liên quan đến hoạt động của Công ty hàng tháng để các nhà đầu tư biết.

Năm 2020, HĐQT Công ty đã ban hành Quy chế nội bộ về Lựa chọn nhà thầu mua sắm trong hoạt động SXKD và duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty DRI và các công ty con, qua đó đảm bảo hoạt động của Công ty ngày một minh bạch, hiệu quả hơn.

Năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc biên soạn Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, BKS, phù hợp với Luật DN 2020 và Luật chứng khoán 2019 để trình ĐHĐCĐ thông qua đồng thời HĐQT cũng ban hành các quy chế để phù hợp với Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và các văn bản pháp luật hiện hành khác như: Quy chế quản lý tài chính, Quy chế Công bố thông tin, Quy chế cử người đại diện phần vốn của DRI tại doanh nghiệp khác...;

Điều lệ, các quy chế nội bộ luôn cập nhật, cải tiến phù hợp với các quy định của pháp luật, định hướng phát triển của Công ty đảm bảo tính hiệu lực và hiệu quả;

Ngắn hạn(năm 2023)

- Thuê tư vấn hoàn thiện thủ tục hồ sơ để xin đánh giá chứng nhận FSC-FM cho vườn cao su đạt chuẩn tại Daklaoruco, FSC-CoC cho nhà máy chế biến, mảng thương mại của DRI;
- Hoàn thiện hồ sơ xin đánh giá và được công nhận Hệ thống sử lý nước thải tại nhà máy chế biến theo tiêu chuẩn ISO 14.001;
- Liên tục cải tiến, hoàn thiện các tiêu chí, duy trì chứng nhận Nhân hiệu cao su Việt Nam cho sản phẩm cao su SVR3L, SVRCV60, SVR10.

Trung và dài hạn, tầm nhìn 2054

- Được cấp chứng chỉ rừng FSC-FM cho vườn cao su đạt chuẩn tại Daklaoruco, FSC-CoC cho nhà máy chế biến, mảng thương mại của DRI;
- Duy trì các Chứng nhận FSC -FM/CoC cho vườn cây cao su, nhà máy chế biến và mảng thương mại của DRI, chứng nhận hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9000, Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14000, Nhân hiệu cao su Việt Nam cho sản phẩm cao su SVR3L, SVRCV60, SVR10;
- Thường xuyên cập nhật các quy định mới của FSC, công ước quốc tế để cải tiến hệ thống ngày một hiệu quả hơn;
- Tiếp tục tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức NGOs trong quá trình thực hiện Chương trình phát triển bền vững.



PHƯƠNG THỨC TIẾP CẬN VÀ GHI NHẬN Ý KIẾN PHẢN HỒI CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Cổ đông/nhà đầu tư: Gặp gỡ trực tiếp, thông qua ĐHĐCĐ, fanpage, Website;
Người Lao động: Gặp trực tiếp, hội nghị người lao động, các chương trình đào tạo, tổ chức công đoàn, số hotline;
Khách hàng: Thông qua đội ngũ bán hàng, gặp gỡ trực tiếp khách hàng, trao đổi online, các buổi gặp mặt khách hàng hàng năm do Hiệp hội cao su tổ chức hoặc các hội nghị, hội chợ xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế;
Đối tác/nhà cung cấp: Gặp gỡ trực tiếp;
Cộng đồng: Bàn trưởng, tham gia họp cộng đồng, các buổi tham vấn cộng đồng, công khai số điện thoại hotline;
Cơ quan quản lý: Thông qua các buổi họp, gặp mặt do Chính phủ, các Bộ, Sở Ban ngành, Hiệp hội Cao su Lào, Hiệp hội Cao su Việt Nam, Hiệp hội Trái cây Việt nam tổ chức, trao đổi thông tin qua đường văn bản,...

Các hành động cụ thể:

Các bên liên quan	Các nội dung được quan tâm	Hành động của DRI năm 2022	Kết quả
Hoạt động kinh doanh tăng trưởng bền vững, hiệu quả;		Quản trị tốt giá thành, linh hoạt trong điều hành sxkd trong bối cảnh hậu đại dịch bệnh covid và cuộc xung đột giữa Nga với Ukraina tác động tiêu cực đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp;	Hầu hết các chỉ tiêu đều không hoàn thành kế hoạch riêng chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế thì vượt kế hoạch được giao 3,3%
		Điều chỉnh các chính sách hỗ trợ người lao động, nhằm giữ chân và thu hút lao động;	
		Tăng đầu tư phân bón cho vườn cây;	Hàng tháng đều công bố thông tin về tình hình hoạt động của Cty trên Website, Fanpage DRI.
		Tăng cường tỷ lệ xuất khẩu, gia tăng tỷ trọng sản xuất và bán hàng CV là loại hàng có giá trị gia tăng cao.	
Cổ đông/ Nhà đầu tư	Đối xử bình đẳng và đảm bảo quyền lợi cổ đông;	Thông tin về đại hội đồng cổ đông, về các nghị quyết của HĐQT, về tình hình kinh doanh của công ty đều được công bố công khai tới tất cả các cổ đông;	Cung cấp thông tin về hoạt động của Cty hàng tháng.
		Các kiến nghị của cổ đông đều được tiếp thu và phản hồi kịp thời tại các kỳ ĐHĐCĐ hoặc trả lời bằng văn bản/email khi cổ đông gửi kiến nghị tới Công ty.	Xây dựng trang fanpage DRI để cập nhật thông tin đến các cổ đông nhanh nhất; Trong năm không có khiếu nại của cổ đông về các vấn đề liên quan đến quyền lợi của cổ đông cũng như những thắc mắc, cần giải trình về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
Tuân thủ luật pháp, thông tin minh bạch		Hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ luật pháp;	Trong năm 2022 Công ty không vi phạm các quy định liên quan đến pháp luật;
		Đảm bảo các quy định về công bố thông tin và duy trì việc công bố thông tin theo quy chế; Cải tạo nâng cấp website theo hướng để cổ đông dễ dàng truy cập và tìm kiếm thông tin khi cần thiết.	Vận dụng công nghệ 4.0 trong quản lý, trước tình hình dịch bệnh vào thời điểm đầu năm DRI tiến hành tổ chức ĐHĐCĐ TN theo hình thức trực tuyến, cải tiến hình thức bỏ phiếu và kiểm phiếu theo hình thức online trên phần mềm web nhằm giảm chi phí cho Doanh nghiệp, thuận tiện cho cổ đông.

PHƯƠNG THỨC TIẾP CẬN VÀ GHI NHẬN Ý KIẾN
PHẢN HỒI CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan	Các nội dung được quan tâm	Hành động của DRI năm 2022	Kết quả
Khách hàng	Chất lượng sản phẩm ổn định, đáp ứng nhu cầu khách hàng;	Không ngừng cải tiến chất lượng SP, giảm khiếu nại của khách hàng về sản phẩm và dịch vụ của Cty;	Sản phẩm đã xâm nhập vào những thị trường khó tính như Mỹ, EU, Đài loan với tỷ trọng ngày càng tăng trưởng
	Tăng cường chỉ tiêu xuất khẩu;	Tích cực tìm kiếm khách hàng, gia tăng bán sản phẩm SVR CV là những loại cao cấp có giá trị giá tăng cao;	Trong năm không có khiếu nại nào của khách hàng về sản phẩm và dịch vụ của Công ty.
	Không ngừng mở rộng thị trường.	Hàng năm, đánh giá tình hình chất lượng sản phẩm để bảo dưỡng máy móc thiết bị và trang bị các thiết bị đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định.	Trang bị máy dò kim loại cho cả dây chuyền mù nước và mù phụ;
Người lao động	Môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp;		Trong năm 2022 Công ty đã đào tạo cho 2409 lượt người về Tay nghề thợ cạo, phòng cháy chữa cháy, kiểm nghiệm một số chỉ tiêu về nước thải, công bố thông tin, các đào tạo nhận thức về phát triển bền vững, ...
	Chế độ đãi ngộ tốt;	Phân quyền và trách nhiệm cho nhân viên;	
	Cơ hội đào tạo, phát triển nghề nghiệp;	Đảm bảo chế độ lương, thưởng và các chế độ BH khác; hỗ trợ thu nhập người lao động trong bối cảnh đồng tiền Lào liên tục mất giá do lạm phát;	Mức lương bình quân trả cho người lao động năm 2022 đối với gián tiếp là 17,33 triệu đồng/người/tháng đạt 98,35% so với kế hoạch nhưng tăng 5,2% so năm 2021; lao động trực tiếp chủ yếu là người Lào nên việc trả lương tính bằng đồng Lak Lào và lương bình quân tăng 7,5% so kế hoạch.
	Thường xuyên tuyển dụng cán bộ chuyên môn nghiệp vụ, trong đó có chú trọng người Lào.	Được tham gia các khóa đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc.	CBCNV được tham gia đầy đủ các khoản BHXH, BHYT, Công ty có chính sách trích từ Quỹ phúc lợi để mua BHCN cho CBCNV có thời gian lao động từ 1 năm trở lên.
Cộng đồng		Ưu tiên tuyển dụng người dân trong vùng dự án để tạo sinh kế ổn định và lâu dài cho người dân;	Tạo công ăn việc làm ổn định cho 2.434 lao động trong đó có 2.264 lao động người Lào, trong đó có cộng đồng dân cư tại dự án;
	. Hỗ trợ sinh kế cho cộng đồng;	Tại mỗi Nông trường đều có trạm y tế của Công ty để hỗ trợ sơ cứu ban đầu, tham gia cùng y tế địa phương về tuyên truyền phòng chống bệnh dịch;	Năm 2022, Công ty hỗ trợ địa phương như xây dựng nhà để xe trường học km29 bản Paksumthon, hỗ trợ tổ chức các lễ hội địa phương, tổ chức ngày người khuyết tật toàn quốc và ngày quốc tế khuyết tật, hội chợ người lao động, lễ hội đua thuyền,..quỹ phòng chống lũ lụt của tỉnh Đắk Lắk,.. số tiền khoảng 344 triệu đồng;
	Tham gia đóng góp xây dựng hạ tầng kinh tế-xã hội địa phương.	Hỗ trợ hỗ trợ công tác phòng chống dịch Covid	
		Hỗ trợ địa phương làm đường, trường học.	

Các bên liên quan	Các nội dung được quan tâm	Hành động của DRI năm 2022	Kết quả
Khách hàng		Đầu tư hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy chế biến;	Công ty đầu tư hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo nước thải đạt chuẩn khi xả thải ra môi trường;
		Thuê tư vấn xây dựng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14.001;	Đang thực hiện xây dựng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14.001 phần đầu năm 2023 được chứng nhận.
	Hoạt động sản xuất kinh doanh có trách nhiệm, bảo vệ môi trường.	Chuyển đổi công nghệ sấy bằng dầu diezen sang công nghệ sấy nhiệt (Biomass) bằng cách sử dụng các phế phẩm thực vật, củ rừng trồng, vườn cao su,..nhằm hạn chế sử dụng nhiên liệu hoá thạch, tiết kiệm chi phí, tái chế nguyên vật liệu; tái sử dụng nước...	Hợp đồng nhà thầu thi công hệ thống sấy bằng công nghệ Biomass hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2023
Đối tác / nhà cung cấp		Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá nhà cung ứng, công khai minh bạch;	Các nhà cung ứng vẫn tiếp tục đồng hành cùng với công ty;
	Đối xử công bằng. Có chỉ tiêu đánh giá rõ ràng;	Thực hiện đúng hợp đồng cam kết;	Duy trì thị trường xuất khẩu mù cao su thiên nhiên ở mức 65%. Trong đó chú trọng mở rộng thị phần tại các thị trường có giá tốt, ổn định như Mỹ, UE, Đài Loan. Năm 2022 do tình hình mưa nhiều vào các tháng 5,6 tỷ lệ mù nước rút cấp nhiều dẫn đến thiếu hụt khối lượng sản phẩm xuất khẩu, tỷ lệ xuất khẩu năm 2022 là 63,73% đạt 98,04% kế hoạch
	Tôn trọng cam kết.	HĐQT Công ty đã ban hành Quy chế nội bộ về Lựa chọn nhà thầu mua sắm trong hoạt động SXKD và duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty DRI và các công ty con.	
Cơ quan quản lý		Thực hiện đúng pháp luật trong sản xuất kinh doanh	Không bị xử phạt do vi phạm pháp luật;
		Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách, thuế	Thực hiện nộp ngân sách nhà nước Việt Nam và Lào 50,46 tỷ đồng tăng 1,7% so năm 2021 (năm 2021 nộp 49, 61 tỷ đồng)



**PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG HƯỚNG TỚI TIỆM CẬN
VỚI CÁC CHỈ TIÊU CỦA LIÊN HỢP QUỐC**



Hành động

Ưu tiên tuyển dụng công nhân trong vùng dự án,
Tạo sinh kế, thu nhập ổn định cho người dân trong vùng,
Góp phần thay đổi nếp sống từ phụ thuộc vào rừng, trồng những cây công nghiệp ngắn ngày sang
làm công nhân cao su.

Kết quả đạt được

Năm 2022 Công ty đã tạo việc làm cho 2.434 lao động trong đó có 2.264 lao động là người Lào.
Phát triển hoàn thiện dự án trồng cây ăn quả tại Cư Kpò, Krông Buk, Việt Nam tạo việc làm mới
cho 30 lao động làm việc thường xuyên, chưa kể lao động mùa vụ.
Thu nhập bình quân của lao động gián tiếp trong năm 2022 là 17,33 triệu đồng/người/tháng, lao
động trực tiếp hầu hết là người Lào, thu nhập bình quân năm 2023 tăng 7,5% so kế hoạch.



Hành động

Từng bước cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động;
Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động;
Thực hiện đóng các loại BH bắt buộc cho người lao động.
Không sử dụng các loại hóa chất trong sản xuất, chế biến ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động,
người tiêu dùng.

Kết quả đạt được

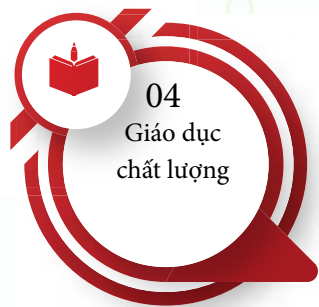
Công ty khuyến khích tất cả người lao động đều tham gia BHXH, bảo hiểm y tế;
Ngoài BHXH, BHYT Công ty còn mua BHCN cho toàn thể CBCNV có hợp đồng lao động từ 1
năm trở lên;
Thực hiện tốt an toàn vệ sinh lao động;
Tất cả công nhân viên được khám sức khỏe định kỳ;
Sử dụng những hóa chất trong sản xuất, chế biến được phép của nhà nước và phù hợp với quy
định Quốc tế;
Xây dựng quy trình quản lý, sử dụng hóa chất hợp chuẩn;
Đầu tư xây dựng nhà ở và kéo điện sinh hoạt cho công nhân khai thác mỏ tại Lào;
Đầu tư hệ thống chứa mỏ và bơm mỏ nước lên bồn để vận chuyển về nhà máy tại NT1, 3 – Dak-
laoruco, giảm thời gian chờ và giảm khối lượng công việc cho công nhân.
Rác thải được xử lý thu gom thông qua hợp đồng được ký kết với Đơn vị thu gom xử lý rác thải.(
văn phòng Cty và nhà máy chế biến)

Hành động

- Tổ chức các khóa đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn, quản lý, ... cho CBCNV, phối hợp tổ chức
khóa học về phương pháp làm việc với cộng đồng cho 1 số bản trưởng.

Kết quả đạt được

Trong năm 2022 tổ chức đào tạo cho 2.409 lượt người về tay nghề thợ cạo, phòng cháy chữa cháy,
đào tạo nâng cao nghiệp vụ,...
Đối với cộng đồng công ty hỗ trợ kinh phí làm nhà để xe trường học tại bản km29 huyện Paksun-
thon tỉnh Champasak, hỗ trợ quỹ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Salavan..với tổng số tiền 35
triệu đồng.

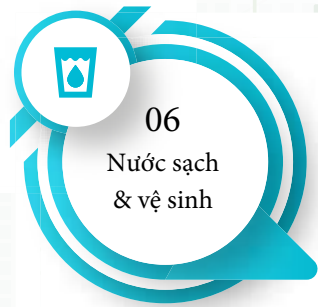


Hành động

Không phân biệt đối xử giữa lao động Nam và Nữ, giữa người lao động người Việt Nam và lao
động người Lào, không tuyển dụng và sử dụng lao động là trẻ em.

Kết quả đạt được

Tỷ lệ lao động Nam và Nữ năm 2022
-Nam: 1.440 người chiếm 59,16%
-Nữ: 994 người chiếm 40,84 %.



Hành động

Tuân thủ các yêu cầu của Pháp luật;
Sử dụng nguồn nước hiệu quả và có trách nhiệm;
Nước thải từ chế biến được xử lý đảm bảo đủ điều kiện khi thải ra môi trường;
Tái sử dụng nước trong chế biến;
Tại khu vực làm việc đều xây dựng khu vệ sinh riêng đạt chuẩn.

Kết quả đạt được

Công ty có hệ thống xử lý nước thải để xử lý nước sau sản xuất trước khi tận dụng lại và xả thải
ra môi trường. Nước sau khi được xử lý đảm bảo về chất lượng không gây nguy hại đối với môi
trường, 20% lượng nước được tái sử dụng để sản xuất.
Công ty đã được cơ quan chức năng cấp giấy phép xả thải ra môi trường. Hiện tại Công ty đang
hoàn tất hồ sơ để trình cơ quan chức năng cấp chứng nhận hệ thống quản lý môi trường tiêu chuẩn
ISO 14001:2015.
Trong năm 2022 Công ty không bị các cơ quan có thẩm quyền nhắc nhở hay xử phạt về xử lý nước
thải hay các vấn đề về ô nhiễm môi trường khác;
Văn phòng làm việc và các đơn vị đều sử dụng nước máy làm nước sinh hoạt, có khu vệ sinh riêng
đạt chuẩn;
Xây dựng bể tích trữ và bồn tráng thùng tại lò để công nhân khai thác rửa thùng trước khi mang
về nhà, tránh tình trạng công nhân mang thùng rửa ra rửa tại sông, suối hay mang về nhà rửa dẫn
đến ô nhiễm cục bộ tại địa phương.



Hành động

Công ty đang nghiên cứu sử dụng năng lượng tái tạo trong chế biến và sử lý nước thải tại Lào
(nhưng chính sách của Lào chưa mua điện mặt trời). Đã liên kết đầu tư lò cung cấp nhiệt theo
phương pháp Biomass, thay cho đốt dầu diezen.

Kết quả đạt được

Thường xuyên chỉ đạo cải tiến dây chuyền chế biến; sử dụng điện tiết kiệm để giảm tiêu hao điện
năng và nhiên liệu;
Công ty sử dụng biến tần ở một số máy móc thiết bị chế biến để đồng bộ hệ thống, tăng hiệu suất
sử dụng máy móc thiết bị giảm lãng phí công suất và điện năng.
Bổ sung một số tôn nhựa sáng trong nhà máy, kho chứa công cụ dụng cụ thay cho tôn kẽm để lấy
sáng tự nhiên ban ngày từ đó giảm đáng kể lượng điện thắp sáng hướng đến tiết kiệm năng lượng
đồng hành cùng Chính phủ, Công ước Quốc tế về xây dựng nền công nghiệp xanh, thân thiện môi
trường.
Nhà máy cung cấp nhiệt Biomass sẽ hoạt động từ tháng 4/2023, giảm sử dụng nhiên liệu hóa thạch
và bước đầu thực hiện kinh tế tuần hoàn.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG HƯỚNG TỚI TIỆM CẬN
VỚI CÁC CHỈ TIÊU CỦA LIÊN HỢP QUỐC



Hành động

Nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm.
Phát triển kinh tế địa phương.
Bảo vệ quyền lao động; đảm bảo môi trường làm việc an toàn.

Kết quả đạt được

Từ năm 2017 đến nay công ty kinh doanh đều có lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức cho cổ đông;
Tạo việc làm cho 2.434 lao động trong đó 2.264 lao động là người Lào;
Xây dựng phương án tái canh và thực hiện việc tái canh hiệu quả, duy trì lợi nhuận và việc làm cho người lao động;
Hỗ trợ quỹ phòng chống bão lụt của Tỉnh Đăk Lăk 100 triệu đồng, ủng hộ địa phương làm đường, cầu... với chi phí 244 triệu đồng.



Hành động

Ứng dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất nhằm sử dụng hiệu quả các nguồn lực;
Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý;
Ứng dụng các công cụ quản lý tiến tiến vào sản xuất và kiểm tra chất lượng sản phẩm

Kết quả đạt được

Toàn bộ diện tích trồng chuối và sầu riêng trong cao su được áp dụng hệ thống tưới nhỏ giọt theo công nghệ của Israel nên đã sử dụng hiệu quả nguồn nước và phân bón, tiết kiệm nhân công. Thu hoạch qua hệ thống ròng rọc, xe cày chuyên dụng để giảm lao động nặng nhọc, bảo đảm chất lượng sản phẩm. Xây dựng hồ xúc rửa đảm bảo tiêu chuẩn.
Nhà máy chế biến cao su: Trang bị máy dò kim loại tại dây chuyền mù phụ, mù nước để phát hiện kịp thời kim loại lẫn trong mù; tăng trực cán vát cho dây chuyền mù nước, sẽ hoạt động từ tháng 4/2023 nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm;
Từng bước ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý: Các phần mềm đã được áp dụng: phần mềm kế toán, phần mềm quản lý cổ đông, phần mềm kiểm phiếu; Đầu năm 2022 do tình hình dịch bệnh DRI đã tổ chức họp ĐHCĐ thường niên năm 2022 theo hình thức trực tuyến...cải tiến thêm hình thức bỏ phiếu lấy ý kiến cổ đông theo hình thức trực tuyến và kiểm phiếu online nhằm tiết kiệm chi phí và nhân lực cho DRI, thuận lợi cho các cổ đông, năm 2023 tiếp tục cải tiến việc gửi thông báo mời họp cổ đông, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong đó ưu tiên gửi bằng thư điện tử,...;
Hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 và phòng kiểm phẩm đạt chuẩn ISO/IEC 17025. Năm 2023 tiếp tục xin đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14.001. Năm 2024 xin đánh giá chứng nhận FSC FM/CoC cho vườn cây cao su tại Lào, nhà máy chế biến và mảng thương mại của DRI. Việc được công nhận các hệ thống, tiêu chuẩn quốc tế nói trên không những đáp ứng yêu cầu khách hàng mà còn nâng cao năng lực quản trị của DRI



Hành động

Không phân biệt đối xử;
Tạo thu nhập ổn định đặc biệt là vùng nông thôn;
Góp phần phát triển kinh tế, xã hội địa phương;
Tôn trọng quyền của người bản địa.

Kết quả đạt được

Tỷ lệ lao động giữa Nam và Nữ trong công ty không chênh lệch nhiều; Mức lương của Nam và nữ tương đương nhau cho cùng 01 vị trí công việc;
Các vùng công ty trồng cây cao su đa số là vùng sâu, vùng xa, trước đây người dân chủ yếu sống phụ thuộc vào rừng và cây nông nghiệp ngắn ngày, tập quán canh tác lạc hậu, hiện nay người dân đã có thu nhập ổn định góp phần nâng cao đời sống, góp phần giảm khoảng chênh lệch giàu nghèo giữa khu vực nông thôn và thành thị.
Trong quá trình triển khai dự án Cty luôn tôn trọng quyền của người bản địa, trước đây khi khai hoang trồng cây, Công ty luôn tránh phần rừng thiên, rừng cộng đồng của người dân địa phương, đa số người dân Lào theo đạo Phật, công ty cũng hỗ trợ kinh phí xây dựng các công trình tâm linh như chùa, ...



Hành động

Phát triển nông thôn bền vững,
Đảm bảo môi trường sống và làm việc an toàn;
Giảm tác động có hại của môi trường tới con người và vật nuôi, tăng cường quản lý chất lượng không khí và các nguồn chất thải khác.

Kết quả đạt được

Tạo sinh kế ổn định thông qua việc ưu tiên tuyển dụng lao động cho người dân trong vùng dự án; Những lao động tuyển dụng từ nơi xa đến làm việc đều tạo điều kiện bố trí chỗ ở có đầy đủ nước, điện sinh hoạt, chỗ vệ sinh,..
Từng bước cải thiện môi trường làm việc, tạo môi trường làm việc an toàn cho người lao động;
Năm 2019 Công ty đầu tư xây dựng hệ thống nước thải tại Nhà máy chế biến cao su đạt chuẩn, tiến tới xây dựng hệ thống quản lý môi trường được công nhận theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 và đăng ký đánh giá chứng nhận vào năm 2023;
Vườn cây cao su góp phần phủ xanh đất trống đồi trọc, cải thiện chất lượng không khí, Cty hướng tới đa dạng sinh học bằng cách trồng thêm cây bản địa, cây rừng tại những vùng đất khép hộc, các vùng rẻo không trồng cao su hoặc những vùng đất xấu trồng cây cao su không hiệu quả, chuyển 448,48 ha cây điều tại Mường Khoong kém hiệu quả để khoanh nuôi thành rừng tự nhiên; Hỗ trợ người dân quản lý rừng thiên, rừng đầu nguồn liên kế diện tích cao su của Công ty. Diện tích chuối trồng xen trong cao su đã trả lại đất lượng lớn sinh khối, tạo lớp thảm phủ hữu cơ dày góp phần tăng độ mùn giúp cho đất màu mỡ, chống xói mòn, cây cao su phát triển tốt hơn so với trồng thuần, giảm đáng kể lượng phân bón;

**PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG HƯỚNG TỚI TIỆM CẬN
VỚI CÁC CHỈ TIÊU CỦA LIÊN HỢP QUỐC**



12
Tiêu dùng &
sản xuất có
trách nhiệm

Hành động

Hướng tới lựa chọn những nhà cung ứng có trách nhiệm;
Nước thải nhà máy đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường;
Tái sử dụng nguyên vật liệu;
Phát động phong trào giảm rác thải nhựa, dọn vệ sinh nơi công sở, văn phòng làm việc, trồng cây xanh,...

Kết quả đạt được

Như ý c,d tiêu chí 11
Thay thế dần pallet gỗ bằng pallet sắt để có thể tái sử dụng nhiều lần nhằm giảm chi phí, giảm sử dụng quá nhiều nguyên vật liệu từ gỗ;
Các nhóm nguyên vật liệu liên quan đến chế biến sản phẩm của công ty gồm nhóm các vật tư chế biến như dầu diezen, túi nylon PE, thảm PE, mạc PE; các vật tư hóa chất như acid đánh đồng, Bisunfit, HNS, ammoniac, ..và điện nước dùng trong chế biến. Trong các nguyên vật liệu trên đối với loại vật liệu thảm PE công ty tái sử dụng được khoảng 15% đối với sản phẩm sản xuất từ dây chuyền mù nước và 25% đối với sản phẩm sản xuất từ dây chuyền mù phụ. Tái sử dụng nước khoảng 20% (dây chuyền mù nước), từng bước chuyển sang sử dụng những hóa chất ít tác hại đến môi trường,
Công ty đã đầu tư xây dựng cải tạo hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy. Các cơ quan chức năng đã cấp phép nước thải sau chế biến đủ điều kiện để xả thải ra môi trường;
Khối văn phòng Công ty mẹ và công ty con không sử dụng chai nhựa đựng nước chuyển sang dùng chai thủy tinh, hàng năm tích cực tham gia lễ trồng cây tại Lào, định kỳ toàn bộ CBCNV tham gia dọn dẹp vệ sinh nơi công sở và khu nhà tập thể,...Công ty cũng hợp đồng với 01 đơn vị thu gom và xử lý rác thải khu vực chế biến, văn phòng Công ty
Cải tiến quy trình kỹ thuật sản xuất cao su theo Tài liệu hướng dẫn sản xuất cao su bền vững của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam, phù hợp với thực tế đơn vị và các quy định của Nhà nước Lào, công ước Quốc tế. Hướng đến sản xuất cao su sạch hơn, bền vững, thân thiện với môi trường;
Hàng năm Công ty đóng góp vào Quỹ phòng chống bão lụt tại Việt Nam với số tiền 100 triệu đồng;



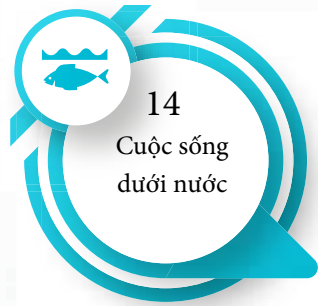
13
Hành động bảo
vệ khí hậu

Hành động

Hướng tới được cấp chứng nhận về quản lý rừng cao su bền vững theo tiêu chuẩn chứng chỉ rừng Quốc tế.

Kết quả đạt được

Hàng năm Công ty đều phát động phong trào trồng cây xanh khu vực văn phòng Công ty và các đơn vị, khu vực hồ nước thải,...với diện tích cây cao su và các cây trồng khác mà Công ty đang quản lý góp phần hấp thụ khí CO2 giảm hiệu ứng nhà kính;
Từng bước hướng tới sử dụng năng lượng tái tạo, giảm tiêu hao năng lượng, giảm dần sử dụng năng lượng hóa thạch như dầu đốt, ...góp phần giảm phát thải CO2 từ đó giảm hiệu ứng nhà kính góp phần gìn giữ bầu khí quyển chung của trái đất;
Phần đầu đến 2024 được cấp chứng nhận quản lý rừng cao su bền vững theo tiêu chuẩn chứng chỉ rừng Quốc tế FSC-FM cho toàn bộ diện tích cao su tại Daklaoruco; FSC-CoC cho Nhà máy Chế biến mù Daklaoruco và lĩnh vực thương mại của DRI.



14
Cuộc sống
dưới nước

Hành động

Quản lý tốt nước thải và sử dụng hóa chất trong nông nghiệp, góp phần bảo vệ đại dương và tài nguyên biển.

Kết quả đạt được

Như ý c, tiêu chí 11, tiêu chí 13;
Hạn chế và chỉ sử dụng các hóa chất trong sản xuất và chế biến đảm bảo các quy định của nước sở tại, phù hợp với các tiêu chuẩn Quốc tế;
Đầu tư xây dựng cải tạo hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy, nước thải sau chế biến đủ điều kiện để xả thải ra môi trường.
Triển khai các giải pháp để công nhân không mang thùng mũ tráng rửa tại khu vực sông suối hay mang về nhà rửa gây ô nhiễm cục bộ;
Phát động phong trào giảm rác thải nhựa tại cơ quan và gia đình CBCNV;
Tham gia tích cực phong trào Tết trồng cây Tại nước bạn Lào.



15
Cuộc sống
trên mặt đất

Hành động

Bảo vệ tối đa thảm thực vật, thực hiện trồng xen, đa dạng thảm thực vật để chống xói mòn.
Hướng tới được cấp chứng nhận về quản lý rừng cao su bền vững theo tiêu chuẩn chứng chỉ rừng Quốc tế.

Kết quả đạt được

Như tiêu chí 13,14;
Chuyển đổi những vùng đất kém hiệu quả, đất rêu, khép hộc và vườn điều kém hiệu quả thành rừng nhằm tăng diện tích che phủ trên mặt đất, đa dạng sinh học, chống xói mòn;
Cải tiến quy trình kỹ thuật sản xuất chế biến cao su theo hướng bền vững, thay phương pháp làm sạch cỏ trên vườn bằng quản lý cỏ, phát cỏ, giảm thiểu sử dụng hóa chất,...nhằm giữ độ ẩm cho đất, chống xói mòn, ngăn chặn suy thoái đất;
Khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên tại vườn điều kém hiệu quả ở Mường Khoong, ChâmPasak, Lào.
Việc trồng xen chuối và sầu riêng trong vườn cao su đã trả lại một lượng lớn tàn dư thực vật góp phần tăng độ mùn, giữ ẩm tạo môi trường cho vi sinh vật phát triển.



16
Xã hội
hòa bình

Hành động

Chống phân biệt đối xử.
Không sử dụng lao động trẻ em.
Xây dựng cơ chế giải quyết khiếu nại, tạo đường dây nóng tại Công ty và các đơn vị trực thuộc.
Tham vấn cộng đồng về các dự án của công ty có liên quan đến cộng đồng, quan hệ mật thiết, trao đổi thông tin giữa Công ty và các bản trong vùng dự án.

Kết quả đạt được

Như tiêu chí 5;
Xây dựng quy chế về sử dụng lao động trong đó quy định rõ không tuyển dụng lao động trẻ em;
Xây dựng quy chế xử lý khiếu nại, công khai đường dây nóng, thay đổi cách tiếp cận với người lao động và người dân bản địa về phổ biến các chính sách của Công ty;
Chủ động trao đổi thông tin với các trưởng bản trong vùng dự án về tình hình tuyển dụng, sử dụng lao động, thu nhập các chính sách về bảo hiểm, xử lý kỷ luật lao động;
Xây dựng quy chế về tham vấn cộng đồng, xây dựng kế hoạch về đào tạo Quan hệ cộng đồng cho CBCNV các đơn vị có làm việc trực tiếp với cộng đồng;
Tuân thủ các quy định của Pháp luật.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG HƯỚNG TỚI TIỆM CẬN
VỚI CÁC CHỈ TIÊU CỦA LIÊN HỢP QUỐC



Hành động

Tăng cường hợp tác với các tổ chức Phi chính phủ, Hiệp hội trong việc xây dựng doanh nghiệp theo hướng phát triển bền vững.

Kết quả đạt được

Năm 2021, Daklaoruco tham gia Hiệp hội cao su Lào (LRA); DRI tiếp tục tham gia Hiệp hội Cao su Việt Nam (VRA); Công ty nỗ lực mở rộng quan hệ với các Hiệp hội, tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam (PanNature; Forestrends; FSC Việt Nam...) cũng như nước bạn Lào để cùng trao đổi, hợp tác trong việc phát triển cộng đồng, bảo vệ môi trường,... hướng tới xây dựng nền tảng sản xuất bền vững.

VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CẤP QUẢN LÝ TRONG VIỆC TRIỂN KHAI
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA DOANH NGHIỆP

Vai trò và trách nhiệm của HĐQT trong việc hoạch định mục tiêu chiến lược và phát triển bền vững:

- Tháng 7/2018 HĐQT đã ra nghị quyết về phát triển công ty theo hướng PTBV đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan trên cơ sở hài hòa 3 chỉ tiêu: kinh tế - Xã hội- Môi trường.
- Rà soát, đánh giá lại tác động của dự án đến người dân và các bên liên quan;
- Ban hành kế hoạch hành động PTBV cho giai đoạn 2018-2021 & kế hoạch chi tiết cho quý 4 -2018 và năm 2019;
- 30/12/2019 tiếp tục ban hành kế hoạch phát triển bền vững giai đoạn 2, hướng tới được cấp chứng nhận FSC chậm nhất vào năm 2022;
- 29/12/2021 Thống nhất chủ trương lập hồ sơ đầu thầu thuê tư vấn đào tạo, hướng dẫn và lập hồ sơ để cuối năm 2022 mời FSC đánh giá và cấp chứng nhận FSC-FM cho sản phẩm gỗ, mù của Nông trường 1, FSC-CoC của Nhà máy Chế biến mù Daklaoruco và FSC-CoC thương mại của DRI. Tuy nhiên qua khảo sát đánh giá HĐQT đã quyết định tại cuộc họp ngày 16/3/2022 tập trung xây dựng phương án quản lý rừng bền vững cho Daklaoruco gắn với xây dựng bản đồ số trong năm 2022 và tiến tới hoàn thiện các tiêu chí để cấp chứng chỉ FSC.
- Giám sát việc tổ chức triển khai các kế hoạch phát triển bền vững đã ban hành, thông qua việc đánh giá kết quả thực hiện hàng quý, năm.
- Năm 2022 Mời tổ chức GFA của Đức đánh giá tiềm khả thi theo các tiêu chí của FSC-FM,
- Năm 2023 thuê công ty tư vấn hướng dẫn xây dựng hồ sơ, tài liệu, đào tạo cán bộ, ... đáp ứng các yêu cầu của Bộ tiêu chuẩn FSC, năm 2024 mời tổ chức đánh giá chính thức.

Vai trò của Ban điều hành DRI và Daklaoruco trong việc thực thi các nghị quyết của HĐQT về phát triển bền vững:

- Xây dựng kế hoạch hành động chi tiết, dự trù kinh phí và nhân lực để tổ chức thực hiện trên cơ sở các nghị quyết, chủ trương của HĐQT, ĐHĐCĐ;
- Báo cáo kết quả triển khai và đề xuất các giải pháp thực hiện.

Vai trò của Ban kiểm soát:

Kiểm tra giám sát việc thực thi các nghị quyết của HĐQT về PTBV, việc triển khai của Ban điều hành trên cơ sở tuân thủ pháp luật và các quy định của HĐQT, ĐHĐCĐ.





06

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích
- Dánh sách các thành viên có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty
- Các giao dịch

Thành viên, cơ cấu của HĐQT:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Nguyễn Viết Tượng	CT. HĐQT	100.000	0,136%
2	Bùi Quang Ninh	PCT.HĐQT	178.000	0,24%
3	Lê Thanh Cẩn	TV.HĐQT, TGĐ DRI	0	0%
4	Nguyễn Kim Hoa	TV. HĐQT (Miễn nhiệm ngày 19/4/2022)	124.196	0,169%
5	Nguyễn Trần Giang	TV.HĐQT	0	0%
6	Nguyễn Thị Hải	TV.HĐQT, Phó TGĐ DRI, Người CBTТ (Miễn nhiệm ngày 19/4/2022)	180.000	0,25%
7	Nguyễn Minh	TV.HĐQT	0	0%
8	Ông Trần Lê	TV.HĐQT độc lập (Bổ nhiệm ngày 19/4/2022)	0	0%
9	Ông Tạ Quang Tòng	TV.HĐQT độc lập (Bổ nhiệm ngày 19/4/2022)	0	0%

Các tiểu ban thuộc HĐQT:

Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT mà phân công cho từng cá nhân phụ trách những nội dung cụ thể, HĐQT hoạt động theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

Các cuộc họp của hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ (%)	Lý do
1	Nguyễn Viết Tượng	CT. HĐQT	12	100%	
2	Bùi Quang Ninh	PCT.HĐQT	12	100%	
3	Lê Thanh Cẩn	TV.HĐQT, TGĐ DRI	12	100%	
4	Nguyễn Kim Hoa	TV. HĐQT (Miễn nhiệm 19/4/2022)	5	100%	
5	Nguyễn Trần Giang	TV.HĐQT	12	100%	
6	Nguyễn Thị Hải	TV.HĐQT, Phó TGĐ DRI, Người CBTТ (Miễn nhiệm ngày 19/4/2022)	5	100%	
7	Nguyễn Minh	TV.HĐQT	12	100%	
8	Trần Lê	TV.HĐQT độc lập (Bổ nhiệm 19/4/2022)	7	100%	
9	Tạ Quang Tòng	TV. HĐQT độc lập (Bổ nhiệm 19/4/2022)	7	100%	

Các hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị

Trong năm 2022, HĐQT ban hành 12 nghị quyết, trong đó có 06 cuộc họp và 06 lần lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các nội dung chủ yếu như sau:

Các Nghị quyết/Quyết định

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01/NQ-HĐQT	27/01/2022	Lấy ý kiến bằng văn bản về: Thống nhất chủ trương thuê tư vấn lập hồ sơ chứng chỉ FSC cho Công ty, bao gồm: chứng chỉ FSC-FM cho gỗ, mù vườn cây cao su tại Nông trường 1- Daklaoruco, chứng chỉ FSC-CoC cho Nhà máy chế biến mù cao su Daklaoruco và mảng thương mại của DRI theo hình thức lựa chọn nhà thầu bằng chào giá cạnh tranh.	7/7/7
02	04/NQ-HĐQT	28/02/2022	Lấy ý kiến bằng văn bản về: (1) Thống nhất việc bổ sung kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022 cho Daklaoruco với nội dung sau: - Thay toàn bộ mái che của xưởng chế biến mù cao su (phía bên phòng kiểm phẩm) bằng khung sắt và lợp mái tole Zamil Steel, kích thước : dài 163m, ngang 17m (có bảng vẽ đính kèm); - Làm mái che khu xuất khẩu hàng SW tận dụng từ khung kho chứa mù phụ; - Giá trị đầu tư dự kiến: 170.000 USD, trong đó: + Khung nhà xưởng (chế tạo, vận chuyển, lắp dựng) : 150.000 USD + Móng nền betong mở rộng: 20.000 USD; - Nguồn vốn: Bổ sung kế hoạch vốn xây dựng cơ bản so với mục 2.2.2, điểm 2, điều 2, nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 30/12/2021 cho Dak-laoruco 170.000 USD tương đương 3,9 tỷ đồng; (2) Giao TGĐ DRI tham mưu về kế hoạch vốn đầu tư XD CB năm 2022 để HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022; đồng thời tham mưu quyết định bổ sung kế hoạch vốn đầu tư XD CB năm 2022 cho Daklaoru-co để Chủ tịch HĐQT ký ban hành, triển khai thực hiện; theo dõi và giám sát quá trình đầu tư.	7/7/7
03	05/NQ-HĐQT	18/03/2022	Họp trực tiếp thông qua các nội dung: (1)Thống nhất thông qua việc tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2022 theo hình thức trực tuyến và thông qua các báo cáo, tờ trình, tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên 2022; (2)Thống nhất điều chỉnh kế hoạch PTBV năm 2022 như sau: Tạm dừng việc thuê tư vấn lập hồ sơ làm FSC nhóm cho DRI gồm: FSC/FM cho vườn cao su NT1, FSC/CoC cho nhà máy chế biến tại Lào và FSC/CoC cho mảng thương mại của DRI; Thuê tư vấn xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững và lập bản đồ GIS cho toàn bộ diện tích cây trồng do Daklaoruco quản lý; Sau khi hoàn thành Phương án quản lý rừng bền vững và lập bản đồ GIS và tiến hành các bước hoàn chỉnh thủ tục pháp lý; các tiêu chí theo tiêu chuẩn FSC, HĐQT sẽ xem xét thuê tư vấn làm FSC nhóm cho DRI gồm: FSC/FM cho vườn cao su NT2,NT4, FSC/CoC cho nhà máy chế biến tại Lào và FSC/CoC cho mảng thương mại của DRI.	7/7/7

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
03	05/NQ-HĐQT	18/03/2022	(3) Thống nhất bổ sung kế hoạch tài chính 2022, đã được HĐQT ban hành tại 15/NQ-HĐQT ngày 30/12/2021 và nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 28/2/2022 như sau: Bổ sung quỹ lương cho Daklaoruco nhằm thu hút lao động và cân đối thu nhập cho người lao động trong giá thành kế hoạch năm 2022 với số tiền tối đa là: 2.000.000.000 LAK (hai tỷ LAK); Giao cho Daklaoruco cân đối quỹ để quyết định mức hỗ trợ, thời gian chi trả phù hợp với tình hình sxkd từng thời điểm; đồng thời quyết toán vào cuối năm tài chính. (4) Thống nhất, trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho Công ty TNHH NNCNC DRI trong lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2021 bằng 10% lợi nhuận sau thuế, tương đương với 62.959.000 đồng (sáu mươi hai triệu chín trăm năm mươi chín ngàn đồng); Giao cho Người đại vốn của DRI tại Công ty TNHH NNCNC DRI thực hiện quyền biểu quyết nội dung trên trong cuộc họp Hội đồng thành viên. (5) Kết quả đánh giá xếp loại của tập thể HĐQT và các thành viên HĐQT như sau: Tập thể HĐQT: Hoàn thành tốt nhiệm vụ Kết quả xếp loại từng thành viên: (phụ lục đính kèm) (6) Giao Tổng giám đốc DRI thực hiện các nội dung sau: Ký kết hợp đồng với đơn vị tư vấn tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến, chuẩn bị các điều kiện vật chất, hồ sơ tài liệu và thực hiện công bố thông tin theo quy định; Thuê tư vấn xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững và lập bản đồ GIS cho toàn bộ diện tích cây trồng do Daklaoruco quản lý; Trên cơ sở điều 3 của nghị quyết này và nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 28/2/2022 về bổ sung kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản cho Daklaoruco, lập lại kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của DRI, từ đó điều chỉnh lại số liệu của các báo cáo, tờ trình liên quan, bao gồm cả các tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2022 và các tài liệu phải công bố thông tin khác.	7/7/7
04	06/NQ-HĐQT	07/04/2022	Lấy ý kiến bằng văn bản về việc: Thống nhất đề cử ông Trần Lê để ĐHĐCĐ thường niên 2022 bầu cử làm thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 3 (2022-2027).	7/7/7

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
05	07/NQ-HĐQT	12/04/2022	Lấy ý kiến bằng văn bản về việc: Thống nhất khen thưởng các tập thể và cá nhân có thành tích tốt trong nhiệm kỳ 2 (2017-2022). + Về tập thể: (1) Ban kiểm soát (2) Ban điều hành + Về cá nhân: 1) Ông Nguyễn Viết Tượng – Chủ tịch HĐQT 2) Ông Bùi Quang Ninh – Phó chủ tịch HĐQT 3) Bà Nguyễn Thị Hải – TV HĐQT- Phó TGĐ DRI 4) Ông Phan Thanh Tân – TV. Ban kiểm soát Mức thưởng: 5.000.000 đồng/ tập thể, cá nhân 1.000.000 đồng/người Nguồn kinh phí: Quỹ khen thưởng của HĐQT. - Thống nhất thưởng cho người quản lý công ty năm 2021, như sau: + Đối tượng: TV. HĐQT, TV.BKS, TV. Ban điều hành đương nhiệm năm 2021. + Mức thưởng: chia đều bình quân 3.138.886 đồng/người/tháng. + Nguồn kinh phí: Quỹ thưởng cho người quản lý Công ty năm 2021. + Thời gian thực hiện: sau khi ĐHĐCĐ thường niên 2022 thông qua.	7/7/7
06	09/NQ-HĐQT	20/04/2022	Họp trực tiếp thông qua các nội dung: - Thống nhất kết quả bầu các chức danh HĐQT, BKS nhiệm kỳ 3 (2022-2027) như sau: + Chủ tịch HĐQT: Ông Nguyễn Viết Tượng + Phó chủ tịch HĐQT: Ông Bùi Quang Ninh + Trưởng BKS: Ông Nguyễn Thạc Hoàn - Thống nhất bổ nhiệm các chức danh Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký HĐQT Công ty nhiệm kỳ 3 (2022-2027), như sau: + Người phụ trách quản trị công ty: Bà Nguyễn Thị Hải - Phó Tổng giám đốc + Thư ký HĐQT: Bà Bùi Thị Tuyết Nhung - Trưởng bộ phận Hành chính Nhân sự - Thông qua hệ số tính thù lao của các thành viên HĐQT, BKS, Người phụ trách QTCT và Thư ký HĐQT như sau: + Chủ tịch HĐQT: 1,5 + Phó chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS: 1,3 + Thành viên HĐQT: 1,0 + Thành viên BKS: 0,8 + Thành viên BKS kiêm nhiệm: 0,5 + Người phụ trách quản trị CTy kiêm nhiệm: 0,5 + Thư ký HĐQT kiêm nhiệm: 0,5 Hệ số trên được tính để phân chia quỹ thù lao và khen thưởng hàng năm cho HĐQT, BKS và các trưởng hợp kiêm nhiệm. Thời gian áp dụng từ tháng 04/2022 cho đến khi có văn bản thay thế của HĐQT.	6/6/7

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
07	10/NQ-HĐQT	08/06/2022	Lấy ý kiến bằng văn bản về việc: - Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam để kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ và năm 2022, gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty DRI và 02 Công ty con là Công ty TNHH cao su Đắk Lắk tại Lào và Công ty TNHH Nông nghiệp CNC DRI và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022.	7/7/7
08	11/NQ-HĐQT	21/06/2022	- Bổ sung quỹ lương trực tiếp cho Daklaoruco; - Tiếp tục bảo lãnh cho Công ty TNHH nông nghiệp CNC-DRI vay 3,5 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động; - Bổ nhiệm lại các chức danh: Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng DRI; Định hướng một số nội dung liên quan đến công tác điều hành tại DRI và các công ty con;	7/7/7
09	13/NQ-HĐQT	26/7/2022	(1) Về tình hình sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022 và một số định hướng cho công tác điều hành SXKD tại DRI và các công ty con 6 tháng cuối năm: <i>1. Tại Daklaoruco:</i> - Về tổ chức bộ máy: tiếp tục tuyển dụng bổ sung công nhân khai thác, lao động gián tiếp và lực lượng bảo vệ vườn cây. Xây dựng cơ chế tuyển dụng rõ ràng minh bạch về các chính sách tiền lương, phúc lợi, chế độ quyền lợi của người lao động..., để thu hút lao động. Tuyển dụng bằng nhiều kênh, có chi phí hỗ trợ cho người/tổ chức môi giới lao động. Chú trọng việc xây dựng nhà ở cho công nhân. - Triển khai thành lập phòng/bộ phận bảo vệ tại Công ty, trang bị quần áo, công cụ hỗ trợ... cho nhân viên bảo vệ, để tăng cường công tác tuần tra bảo vệ sản phẩm mủ tại các nông trường. - Tổ chức sản xuất linh động để khai thác hết năng lực vườn cây. Chấn chỉnh kỹ thuật tay nghề khai thác của công nhân. Xem xét các phương án sử dụng lao động dịch vụ trong một số công đoạn sản xuất; tổ chức khoán khai thác mủ cao su đối với những vườn cao su chuẩn bị thanh lý. Đẩy nhanh tiến độ gắn máng chắn mưa, xử lý cây gãy đổ nhằm đảm bảo an toàn lao động. - Về tài chính: quản lý sử dụng tài chính linh hoạt trong điều kiện biến đổi tỷ giá đồng Lak, đồng USD, nhằm giảm mức thiệt hại do chênh lệch tỷ giá ở mức tốt nhất.	5/5/7

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
09	13/NQ-HĐQT	26/7/2022	- Về công tác phát triển bền vững: tiếp tục thực hiện kế hoạch Phát triển bền vững đã được HĐQT công ty chỉ đạo; Tiếp tục thực hiện các thủ tục đăng ký chứng nhận vườn cây đối với các diện tích cao su tại Nông trường 2, 3 và 4; Phối hợp Tư vấn triển khai xây dựng phương án quản lý rừng cao su bền vững; Đánh giá công tác thực hiện quan hệ cộng đồng địa phương hiện nay, xây dựng kế hoạch thực hiện công tác quan hệ cộng đồng, tập trung Nông trường 2 và 4. Hoàn thành việc cấp chứng nhận cho hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015. <i>2. Tại Công ty TNHH Nông nghiệp CNC DRI:</i> - Kiện toàn bộ máy quản lý của công ty. - Tập trung chỉ đạo hoàn thành kế hoạch sản lượng chuối, đảm bảo kinh doanh sản phẩm chuối tươi không lỗ. - Tiếp tục xử lý phá bỏ vườn chuối trồng năm 2018 để tập trung đầu tư, chăm sóc vườn sầu riêng trồng năm 2018, thực hiện cắt cành tạo tán, đảm bảo sinh trưởng, phát triển tốt, để năm 2023 đưa vào kinh doanh có hiệu quả. <i>3. Tại DRI:</i> - Tăng cường bán hàng xuất khẩu mủ cao su để đảm bảo đạt tỷ lệ xuất khẩu 65% tổng lượng hàng bán theo kế hoạch ĐHĐCĐ đã giao. - Phối hợp hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ dài hạn cho Daklaoruco như: xây dựng cơ cấu giống cao su trồng tái canh vườn cao su thanh lý; chương trình phát triển cao su bền vững; cải tạo nhà máy chế biến mủ; chuẩn bị công tác đầu tư hoặc kêu gọi đối tác đầu tư nhà máy chế biến gỗ cao su tại Daklaoruco, báo cáo tiến độ thực hiện các nội dung này vào kỳ họp HĐQT 9 tháng năm 2022. - Tăng cường kiểm tra chỉ đạo kiện toàn bộ máy quản lý và công tác sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH NNCNC DRI. (2) Thống nhất thực hiện Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua việc điều chỉnh ngành nghề đăng ký kinh doanh của DRI để thực hiện các thủ tục đăng ký Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại DRI là 50% nhằm thu hút nhà đầu tư nước ngoài. Bao gồm nội dung xin ý kiến ĐHĐCĐ bất thường về nội dung ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục nhằm xử lý các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ có liên quan đến đăng ký Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại DRI là 50%. Thời gian thực hiện Lấy ý kiến cổ đông hoàn thành trong tháng 08/2022.	7/7/7

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			Nghị quyết lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản thông qua nội dung sau: 1. Thống nhất chủ trương chuyển đổi sấy Dầu Diesel sang Sấy nhiệt Biomass cho nhà máy chế biến mù cao su của Da-klaoruco, cụ thể như sau: Phương thức thực hiện: Đơn vị cung cấp nhiệt tự đầu tư Hệ thống dây chuyền cung cấp nhiệt. Giá bán nhiệt tính 75% định mức dầu Diesel chế biến từng loại mù cao su hiện tại, tương đương với định mức sấy mù nước là: 21 lít dầu/tấn mù thành phẩm; định mức sấy mù phụ là 26 lít dầu/tấn mù thành phẩm. Giao cho Giám đốc Daklaoruco đàm phán các điều kiện cụ thể với đối tác để ký hợp đồng và tổ chức thực hiện. Thời gian thực hiện: Trong quý 4 năm 2022. 2. Thống nhất chủ trương cho Dakruco vay vốn như sau: Hạn mức cho vay tối đa: 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng chẵn). Nguồn tiền từ bán hàng, thu hồi nợ cho vay từ Daklaoruco về DRI, để cho Dakruco vay. Thời gian cho vay: 24 tháng. Lãi suất cho vay thả nổi và không thấp hơn lãi suất cho vay của Vietinbank- CN Đắk Lắk. Tài sản thế chấp: Cổ phiếu DRI do Dakruco sở hữu. Ủy quyền cho Tổng giám đốc DRI cân đối dòng tiền để giải ngân cho Dakruco theo từng thời gian, nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của DRI và Daklaoruco; thương thảo và ký kết Hợp đồng tín dụng với Dakruco và các phụ lục, nội dung phát sinh kèm theo của Hợp đồng tín dụng trên theo các quy định của pháp luật và quy định của Công ty. 3. Thống nhất chủ trương điều chỉnh Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển bền vững FSC, cụ thể như sau: - Triển khai đánh giá tiềm khả thi việc thực hiện chứng chỉ FSC-FM cho diện tích cao su tại Daklaoruco trước khi thuê tư vấn thực hiện xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và lập bản đồ GIS cho toàn bộ diện tích cây trồng do Daklaoruco quản lý. + Trường hợp thực hiện chứng chỉ FSC-FM cho diện tích rừng trồng tại Daklaoruco khả thi. Sẽ tiếp tục triển khai đầu thầu mời Đơn vị tư vấn xây dựng phương án QLRBV, đào tạo cán bộ, tư vấn thực hiện, chuyển giao phương pháp thực hiện, thực hiện đánh giá để được cấp chứng nhận FSC. Bao gồm FSC-FM cho Daklaoruco, FSC-CoC cho nhà máy chế biến mù tại Daklaoruco và mảng thương mại cho khối văn phòng DRI.	
10	15/NQ-HĐQT	29/8/2022		7/7/7

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
10	15/NQ-HĐQT	29/8/2022	+ Trường hợp thực hiện chứng chỉ FSC-FM cho diện tích rừng trồng tại Daklaoruco không khả thi DRI sẽ báo cáo HĐQT dừng việc thực hiện các bước tiếp theo. - Chi phí thực hiện đánh giá tiềm khả thi: 328.916.000 đồng. (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi tám triệu, chín trăm mười sáu nghìn đồng chẵn), nguồn kinh phí trong kế hoạch tài chính năm 2022. - Giao Tổng giám đốc DRI thực hiện thương thảo, ký kết hợp đồng với các cá nhân, tổ chức có chức năng và kinh nghiệm để triển khai. Giao Daklaoruco sắp xếp nhân sự để thực hiện cung cấp hồ sơ, tài liệu, chuẩn bị phương tiện, dụng cụ, hiện trường phục vụ đánh giá thực tế tại Daklaoruco theo yêu cầu của DRI và Đoàn chuyên gia. - Thời gian thực hiện: Trong tháng 9 và quý 4 năm 2022.	7/7/7
11	18/NQ-HĐQT	11/10/2022	1 - Về tình hình sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2022 và một số định hướng cho công tác điều hành SXKD tại DRI và các công ty con 3 tháng cuối năm: Tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2022 trong bối cảnh nền kinh tế thế giới có nhiều biến động, lạm phát tăng cao; giá cả vật tư đầu vào đều tăng, có mặt hàng tăng rất cao; điều kiện thời tiết không thuận lợi, thiếu hụt lực lượng lao động tại Daklaoruco; giá mù cao su và chuỗi tươi giảm sâu trong quý III/2022..., nên khả năng nhiều chỉ tiêu của năm 2022 sẽ khó có thể hoàn thành. Vì vậy Ban điều hành DRI cần phải chú trọng, tập trung chỉ đạo, phát động phong trào thi đua sản xuất trong thời gian 3 tháng cuối năm 2022 để có thể hoàn thành tốt các chỉ tiêu ĐHĐCĐ giao, đặc biệt trong công tác chỉ đạo sản xuất thực hiện kế hoạch sản lượng tại các Công ty con. Cụ thể như sau: <i>1. Tại Daklaoruco:</i> - Tiếp tục thực hiện các chủ trương của HĐQT đã chỉ đạo tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT, ngày 26/7/2022, về công tác kiện toàn tổ chức bộ máy, tuyển dụng, bố trí lao động gián tiếp, trực tiếp một cách có hiệu quả; tiếp tục kiện toàn Phòng Bảo vệ của Công ty, nhằm tăng cường công tác bảo vệ sản phẩm, tài sản, vật tư, thiết bị..., nhất là bảo vệ sản phẩm mù khai thác tại các nông trường; đánh giá các chính sách tiền lương, tuyển dụng đã được HĐQT chỉ đạo để có điều chỉnh đạt hiệu quả; bám sát diễn biến tình hình để triển khai các biện pháp, giải pháp, nhằm phấn đấu đạt mức sản lượng mù cao su cao nhất có thể và nâng cao chất lượng mù nước; tiếp tục triển khai các công việc thực hiện công tác phát triển cao su bền vững đối với những phần việc chưa thực hiện xong...	7/7/7

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			- Chủ động tiết giảm chi phí đối với các khoản chi phí có thể tiết giảm, nhằm đảm bảo không vượt giá thành kế hoạch tính theo USD đối với sản phẩm mủ cao su. - Triển khai một số nhiệm vụ phát triển cao su bền vững, sau khi có nhận xét của đoàn tư vấn đánh giá tiến khả thi về FSC của Daklaoruco và sự chỉ đạo của Công ty mẹ DRI. - Chủ động xây dựng kế hoạch vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất năm 2023 để sớm đề xuất HĐQT DRI xử lý, nhằm giảm thiểu thiệt hại do tình trạng lạm phát chưa có dấu hiệu giảm như hiện nay; đầu tư cải tạo hệ thống cán mủ cao su, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm. 2. Tại Công ty TNHH Nông nghiệp CNC DRI: - Tập trung thanh lý dứt điểm vườn chuối năm 2018, 2019 nhằm tập trung chăm sóc vườn sầu riêng để chuẩn bị đưa vào kinh doanh năm 2023. Thuê tư vấn kỹ thuật có chất lượng để giải quyết các vấn đề về dinh dưỡng vườn cây; tạo hình; xử lý tại mầm hoa..., nhằm đảm bảo đưa vườn vào kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất. - Chủ động triển khai việc đăng ký vùng trồng sầu riêng, hoặc phối hợp với các tổ chức đã được cấp chứng nhận vùng trồng đủ điều kiện xuất hàng sang thị trường Trung Quốc; đồng thời triển khai quy trình sản xuất để được cấp chứng chỉ VietGap hoặc GlobalGap, đảm bảo sản phẩm đủ điều kiện xuất khẩu. - Tập trung chăm sóc vườn chuối và vườn sầu riêng trồng năm 2020, đảm bảo cây trồng sinh trưởng, phát triển đạt chất lượng; thay đổi quy trình chăm sóc để tăng tỷ lệ sản phẩm xuất bán chuối siêu thị, nhằm đạt được giá bán bình quân tốt nhất có thể, giảm thiểu lỗ do kinh doanh sản phẩm chuối. - Cân đối sử dụng dòng tiền có hiệu quả, tránh tình trạng mất cân đối tài chính, làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh. 3. Tại DRI: - Khẩn trương triển khai và giám sát chặt chẽ các nội dung mà HĐQT đã chỉ đạo trước đây và tại Nghị quyết này đối với Daklaoruco và Công ty NNCNC DRI; Chủ động phối hợp xử lý các phát sinh thuộc thẩm quyền hoặc tham mưu cho HĐQT giải quyết kịp thời, nhằm đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh đạt kết quả tốt nhất có thể.	
11	18/NQ-HĐQT	11/10/2022		7/7/7

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			- Đẩy mạnh công tác xuất khẩu mủ cao su; mở rộng, tìm kiếm thêm khách hàng và thị trường mới, nhằm đạt mức cao nhất về mục tiêu tỷ lệ bán hàng xuất khẩu và xuất bán sản phẩm SVRCV. - Triển khai các nội dung về phát triển cao su bền vững đã được HĐQT chỉ đạo trước đây và những nội dung được bên tư vấn đánh giá tiến khả thi về FSC tại Daklaoruco chỉ ra; xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện để trình HĐQT cho ý kiến chỉ đạo cụ thể. - Phối hợp Daklaoruco tìm kiếm nhà đầu tư để đầu tư nhà máy chế biến gỗ hoặc liên kết đầu tư nhằm khai thác lợi thế về sản phẩm gỗ cao su. 2 – Thông qua cơ cấu bộ giống cao su trồng tái canh tại Daklaoruco: Thống nhất chọn cơ cấu bộ giống cao su trồng tái canh tại Daklaoruco như sau: 1. Về Nguyên tắc: - Cơ cấu bộ giống theo Quyết định số 4689/QĐ-BNN-TT ngày 01/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy trình kỹ thuật cây cao su, trong đó có khuyến cáo bộ giống cao su áp dụng giai đoạn 2022-2026, định hướng đến 2030; và Quyết định số 250/QĐ-HĐQTCSVN ngày 01/11/2011 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam ban hành bộ giống cao su áp dụng giai đoạn 2022-2026, định hướng đến 2030. - Chọn bộ giống cao su trồng tái canh theo định hướng “Mủ - Gỗ”. Lựa chọn giống cao su được Viện nghiên cứu cao su Việt Nam khuyến cáo, các giống có đặc tính: sản lượng mủ cao, trữ lượng gỗ cao vào cuối chu kỳ; phù hợp để chế biến các sản phẩm SVR3L, SVR CV50, SVR CV60, SVR10; thích nghi rộng với các điều kiện đất trồng và khí hậu; vỏ mặt cạo mềm và tái sinh tốt; đáp ứng kích thích mủ cao su. 2. Cơ cấu bộ giống: + Giống trồng 80% diện tích: RRIV 209, RRIV 114, RRIV 124. + Giống trồng 20% diện tích: RRIV 103, RRIV 106, RRIV 1. 3. Giao cho ban điều hành DRI triển khai cho Daklaoruco lập vườn nhân và xác định vùng trồng của từng giống cho toàn bộ diện tích trồng tái canh tại Daklaoruco.	
11	18/NQ-HĐQT	11/10/2022		7/7/7

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
11	18/NQ-HĐQT	11/10/2022	3 – Thống nhất chủ trương cho Công ty TNHH Nông nghiệp CNC DRI thanh lý vườn chuối trồng năm 2018, 2019 với tổng số lượng cây chuối phá bỏ là 50.851 cây; tổng giá trị thiệt hại đầu tư 1,635 tỷ đồng để đảm bảo vườn sầu riêng trồng xen năm 2018 sinh trưởng, phát triển để năm 2023 đưa vào kinh doanh có hiệu quả. Giá trị thiệt hại đưa vào chi phí đầu tư vườn sầu riêng 2018. Thời gian thực hiện trong tháng 10-11/2022. 4 - Thống nhất chủ trương tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Nông nghiệp CNC DRI để bổ sung nguồn vốn đầu tư sản xuất kinh doanh. Cụ thể: + Vốn điều lệ hiện tại: 26.000.000.000 đồng (Hai mươi sáu tỷ đồng). + Vốn điều lệ tăng thêm: 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng). + Vốn điều lệ sau khi phát hành: 31.000.000.000 đồng (Ba mươi một tỷ đồng). Trong đó, DRI nhận toàn bộ quyền góp vốn, tỷ lệ sở hữu là 83,87% tương đương 26 tỷ đồng; đối tác khác sở hữu 16,13% tương đương 5 tỷ đồng. + Nguồn vốn DRI đóng góp: Quỹ đầu tư phát triển của DRI. - Thời gian thực hiện: trong quý 4/2022. - Giao cho Tổng giám đốc DRI là Người đại diện vốn DRI tại Công ty TNHH Nông nghiệp CNC DRI biểu quyết các nội dung trên tại cuộc họp HĐQT công ty CNC DRI.	7/7/7

12	20 /NQ-HĐQT	30/12/2022	1. Về Định hướng kế hoạch và một số giải pháp về tổ chức sản xuất kinh doanh năm 2023: 1.1- Về các chỉ tiêu chính kế hoạch tài chính sản xuất kinh doanh 2023: Tạm giao một số chỉ tiêu chính của kế hoạch tài chính năm 2023, để Ban điều hành giao kế hoạch cho Daklaoruco và Công ty TNHH NN CNC DRI, kế hoạch chính thức sẽ quyết định tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2023. Kế hoạch tạm giao, cụ thể như sau: 1.1.1. Chỉ tiêu về định lượng: <i>1.1.1.1. Diện tích:</i> - Tổng diện tích cao su khai thác: 8.506,48 ha; - Diện tích cây điều: 497,01 ha; - Diện tích cây bạch đàn: 17,65 ha; - Diện tích cây chuối xen sầu riêng trồng 2020: 66,64 ha; - Diện tích cây sầu riêng: 131,34 ha, trong đó: + Diện tích sầu riêng trồng 2018: 69,09 ha; + Diện tích sầu riêng trồng 2020: 62,25 ha;	6/6/7
----	-------------	------------	---	-------

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
12	20 /NQ-HĐQT	30/12/2022	<i>1.1.2. Sản lượng các loại sản phẩm khai thác trong năm:</i> - Cao su : 15.000 tấn mù khô; - Điều : 201 tấn tươi; - Chuối : 1.566 tấn quả tươi. <i>1.1.3. Giá thành:</i> + Cao su : 31,043 triệu đồng/tấn (1.304 USD/tấn); + Điều : 23,73 triệu đồng/tấn (998 USD/Tấn); + Chuối : 4,882 triệu đồng/tấn. <i>1.1.4. Giá bán sản phẩm bình quân:</i> + Cao su: 34,043 triệu đồng/tấn (1.430 USD/tấn); + Điều : 23,800 triệu đồng/tấn (1.000 USD/tấn); + Chuối : 3,953 triệu đồng/tấn <i>1.1.5. Tổng Doanh thu : 529.186 triệu đồng, trong đó:</i> + Bán mù cao su thành phẩm : 510.510 triệu đồng + Bán điều tươi: 4.783 triệu đồng + Bán chuối tươi: 6.192 triệu đồng + Doanh thu tài chính : 6.000 triệu đồng + Thu nhập khác : 1.700 triệu đồng <i>1.1.6. Tổng chi phí: 463.544 triệu đồng</i> + SXKD cao su: 451.125 triệu đồng + SXKD điều : 4.771 triệu đồng + SXKD chuối: 7.648 triệu đồng <i>1.1.7. Lợi nhuận trước thuế: 65.641 triệu đồng.</i> <i>1.1.8. Tỷ lệ xuất khẩu cao su: 65% sản lượng bán hàng</i> <i>1.1.9. Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến: 5% vốn điều lệ.</i> 1.2. Chỉ tiêu đầu tư: <i>1.2.1. Đầu tư Nông nghiệp:</i> 16.207 triệu đồng, trong đó: - Tại Daklaoruco: 4.851 triệu đồng cho 298,11 ha KTCB và TM; - Tại Công ty NN CNC DRI: 11.356 triệu đồng cho 131,34 ha sầu riêng KTCB 3,5; <i>1.2.2. Đầu tư XD CB:</i> 25.271 triệu đồng, trong đó: - Đầu tư tại Daklaoruco: 24.583 triệu đồng. - Đầu tư tại Công ty TNHH NN CNC DRI: 688 triệu đồng; <i>1.2.3. Thuê tư vấn lập hồ sơ cấp chứng nhận FSC:</i> 1.900 triệu đồng. 2- Định hướng nhiệm vụ, giải pháp sản xuất kinh doanh năm 2023: 2.1- Đối với Công ty DRI: - Sớm triển khai kế hoạch sản xuất tài chính năm 2023 cho các công ty con thực hiện ngay từ đầu năm 2023	6/6/7

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
12	20 /NQ-HĐQT	30/12/2022	- Chỉ đạo Daklaoruco tiếp tục duy trì khai thác mủ cao su khi vườn cây còn đủ điều kiện khai thác; Chuẩn bị tốt các điều kiện về lao động, trang bị vật tư cho vụ cạo mủ mới như tuyển dụng, đào tạo thợ cạo, kiện toàn đội ngũ bảo vệ công ty, trang bị máng chắn mưa...; Sửa chữa trang thiết bị máy móc, đầu tư thêm trục cán cho dây chuyền chế biến mủ; Khẩn trương phối hợp với đối tác để đầu tư lò đốt Biomass trước vụ khai thác 2023; Hoàn tất đầu tư hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy chế biến mủ; Chuẩn bị giống trồng dặm cho vườn cao su năm 2022. - Chỉ đạo Daklaoruco xây dựng phương án vay vốn tái canh cao su theo lộ trình thanh lý tái canh cao su đã được ĐHĐCĐ TN 2021 thông qua. - Khẩn trương thuê tư vấn lập hồ sơ mời thầu tư vấn xây dựng phương án quản lý rừng cao su cao su bền vững đạt chuẩn FSC để lựa chọn nhà thầu thực hiện trong quý I/2023. - Tìm kiếm nhà đầu tư để đầu tư nhà máy chế biến gỗ cao su và báo cáo HĐQT để cho chủ trương thực hiện. - Tập trung chỉ đạo công tác chăm sóc vườn cây tại Công ty TNHH Nông nghiệp CNC DRI, đảm bảo cây trồng sinh trưởng phát triển tốt; Chăm sóc vườn chuối theo hướng ưu tiên bán sản phẩm cho siêu thị; Xây dựng quy trình sản xuất VietGap cho vườn sầu riêng. - Từng bước triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý từ công ty mẹ đến công ty con. - Thường xuyên giao nhiệm vụ và giám sát tổ chức thực hiện của công ty con.	6/6/7
			2.2- Đối với Daklaoruco: - Triển khai kế hoạch sản xuất năm 2023, tổ chức khai thác mủ cao su trong tháng 1/2023 ở mức tốt nhất. - Chuẩn bị tốt các điều kiện để vào vụ khai thác mới như tuyển dụng, đào tạo lao động khai thác mủ, lao động bảo vệ, lao động gián tiếp; Trang bị vật tư, bảo hộ lao động, chú trọng thiết kế bản cạo, công tác gắn máng chắn mưa trước vụ cạo mới; Sửa chữa bổ sung máy móc thiết bị vận chuyển, chế biến, đầu tư thêm trục cán cho dây chuyền chế biến mủ; Phối hợp với đối tác đầu tư hệ thống lò đốt Biomass trước vụ cạo mới năm 2023; Hoàn chỉnh hệ thống xử lý nước thải; Chuẩn bị giống cao su trồng dặm cho vườn cao su trồng năm 2022. - Giao kế hoạch sản xuất cho từng nông trường và trả lương bộ phận gián tiếp theo kết quả; điều động thay thế cán bộ đối với những giám đốc đơn vị không hoàn thành kế hoạch.	

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
12	20 /NQ-HĐQT	30/12/2022	- Thực hiện biện pháp khắc phục các tồn tại về tiêu chuẩn của nhãn hiệu cao su Việt Nam để duy trì nhãn hiệu trong các năm tiếp theo. - Xây dựng kế hoạch để thực hiện các chỉ tiêu FSC, trước mắt tập trung vào các nhiệm vụ Daklaoruco có khả năng tự thực hiện như hoàn chỉnh hồ sơ đất đai, ranh giới khu bảo tồn Đồng Huê Sáo, quản lý lao động và công tác bảo hộ, chăm sóc sức khỏe người lao động; Hoàn tất việc cấp chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14.001: 2015; Xử lý môi trường trên vườn cây; Công tác quan hệ, đối thoại với cộng đồng...; khi có tư vấn xây dựng các tiêu chí FSC, bản đồ GIS... thì phân công phối hợp thực hiện có hiệu quả. 2.3- Đối với Công ty TNHH Nông nghiệp CNC DRI: - Tập trung chăm sóc vườn sầu riêng trồng năm 2018 để đảm bảo đủ điều kiện đưa vào hoạt động kinh doanh trong năm 2024. - Tổ chức trồng dặm vườn sầu riêng trồng năm 2020 hoàn chỉnh, tập trung chăm sóc để đảm bảo vườn cây phát triển tốt và đồng đều. - Xây dựng và hoàn thiện quy trình VietGap để cấp chứng nhận VietGap cho vườn sầu riêng. - Chăm sóc vườn chuối theo hướng ưu tiên sản phẩm cung cấp cho siêu thị. - Tổ chức thực hiện việc quản lý tài chính công ty chặt chẽ, tiết kiệm.	6/6/7
			2. Về công thức bán hàng mủ cao su: Tiếp tục duy trì công thức bán hàng năm 2022 theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 30/12/2021 cho đến khi vào vụ khai thác mủ năm 2023. 3. Thống nhất quyết toán 95% quỹ tiền lương gián tiếp năm 2022 của DRI và Daklaoruco. Quyết toán 90% quỹ tiền lương gián tiếp của Công ty TNHH NN CNC DRI. 4. Thống nhất chủ trương cho DRI ký lại hợp đồng vay vốn với Daklaoruco như sau: - Số tiền vay: 3.657.795,55 USD - Thời gian vay: Từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2025. (kỳ hạn 3 năm) - Lãi suất: 0% - Có thể trả nợ trước hạn sau khi hai bên thỏa thuận. - Giao cho Tổng giám đốc DRI và Giám đốc Daklaoruco thực hiện.	

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
12	20 /NQ-HĐQT	30/12/2022	5. Thông qua chủ trương thỏa thuận về công tác nhân sự như sau: - Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng tại Daklaoruco theo nguyện vọng cá nhân của bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kế toán trưởng Daklaoruco, đồng thời tiếp nhận và bố trí công tác đối với bà Nguyễn Thị Thu Hà tại Công ty DRI. - Bổ nhiệm bà Bùi Thị Thanh, hiện là Phó kế toán trưởng – Phó phòng TCKT Daklaoruco giữ chức vụ Kế toán trưởng – Trưởng phòng tài chính kế toán Daklaoruco. - Thời gian thực hiện: đầu tháng 1/2023. - Giao cho Tổng giám đốc DRI có văn bản chỉ đạo Daklaoruco thực hiện miễn nhiệm, bổ nhiệm chức danh quản lý trên theo quy định của Điều lệ công ty TNHH cao su Đắk Lắk. 6. Thống nhất chủ trương chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của DRI tại Công ty TNHH Nông nghiệp CNC DRI: - Thuê tư vấn thẩm định giá trị doanh nghiệp đối với Công ty TNHH NN CNC DRI và xây dựng phương án bán phần vốn của DRI tại Công ty CNC DRI theo quy định của pháp luật. - Người đại diện phần vốn của DRI tại Công ty TNHH Nông nghiệp CNC DRI báo cáo để HĐQT phê duyệt giá sàn và phương án bán phần vốn của DRI trước khi tổ chức thực hiện.	6/6/7

BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Công việc	Cổ phần	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thạc Hoành	Trưởng ban	Chuyên trách	20.000	0,026%
2	Phan Thanh Tàn	Thành viên	Chuyên trách	0	0%
3	Nguyễn Văn Thảo	TV. (Miễn nhiệm 19/4/2022)	Chuyên trách	0	0%
4	Trần Văn tính	TV. (Bổ nhiệm 19/4/2022)	Kiểm nhiệm	0	0%

BAN KIỂM SOÁT

Các buổi họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Công việc	Số buổi họp	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thạc Hoành	Trưởng ban	Chuyên trách	4/4	100%
2	Phan Thanh Tàn	Thành viên	Chuyên trách	4/4	100%
3	Nguyễn Văn Thảo (Miễn nhiệm 19/4/2022)	Thành viên	Chuyên trách	1/1/4	100%
4	Trần Văn Tính (Bổ nhiệm 19/4/2022)	Thành viên	Kiểm nhiệm	3/3/4	100%

Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát đã tuân thủ theo Điều lệ của Công ty, và các quy định của Pháp luật trong việc thực hiện công tác kiểm soát tại công ty. cụ thể:
- Kiểm soát công tác quản lý chỉ đạo điều hành của HĐQT, để thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu ĐHĐCĐ, ban hành các chủ trương chỉ đạo SXKD thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT về SXKD cao su và về triển khai đầu tư dự án chuỗi.
- Kiểm soát quá trình điều hành của Ban TGD công ty công ty con trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao và thực hiện nghị quyết của HĐQT Công ty.
- Kiểm soát công tác tài chính, công tác quản trị chi phí, tiến độ thực hiện kế hoạch tài chính, Kiểm tra kiểm soát công tác kế toán.
- Kiểm soát công tác mua hàng bán hàng, mua sắm TSCĐ, sửa chữa lớn thực hiện tại Công ty con tại Lào.
- Soát xét các các rủi ro chính sách thuế và các quy định pháp luật liên quan đến công tác kế toán Lào kiến nghị từng bước hoàn thiện cơ sở pháp lý và bộ máy để áp dụng phương pháp khấu trừ thuế giá trị gia tăng.
- Giám sát nợ vay, sử dụng vốn vay vay và an toàn tài chính.
- Làm việc với kiểm toán độc lập về các nội dung liên quan đến quyết toán tài chính 06 tháng và kết thúc năm.
- Thẩm định số liệu các báo cáo của HĐQT, Tổng giám đốc, báo cáo tài chính của kiểm toán độc lập trước khi trình ĐHĐCĐ.



LƯƠNG THƯỞNG THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Thành viên	Chức vụ	Thù lao	Thưởng	Lương + Khác	Tổng thu nhập
1	Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	81.590.828	37.666.636	-	119.257.464
2	Bùi Quang Ninh	Phó Chủ tịch HĐQT	70.712.051	37.666.636	-	108.378.687
3	Trần Lê	Thành viên HĐQT độc lập (Bổ nhiệm ngày 19/04/2022)	38.980.215	-	-	38.980.215
4	Tạ Quang Tòng	Thành viên HĐQT độc lập (Bổ nhiệm ngày 19/04/2022)	38.980.215	-	-	38.980.215
5	Lê Thanh Cẩn	Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc	-	37.666.636	395.641.558	433.308.194
6	Nguyễn Trần Giang	Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng Giám đốc	54.393.885	37.666.636	-	92.060.521
7	Nguyễn Kim Hoa	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 19/04/2022)	15.413.671	37.666.636	-	53.080.307
8	Nguyễn Minh	Thành viên HĐQT	54.393.885	37.666.636	-	92.060.521
9	Nguyễn Thị Hải	Thư ký HĐQT (Miễn nhiệm ngày 19/04/2022)	6.552.989	37.666.636	-	44.219.625
10	Nguyễn Thị Hải	Người Quản trị (Bổ nhiệm ngày 19/04/2022)	20.643.953	-	349.055.688	369.699.642
11	Bùi Thị Tuyết Nhung	Thư ký HĐQT (Bổ nhiệm ngày 19/04/2022)	19.490.107	-	233.438.900	252.929.007
12	Nguyễn Thạc Hoành	Trưởng BKS	70.712.051	37.666.636	-	108.378.687
13	Phan Thanh Tàn	Thành viên BKS	43.515.108	37.666.636	-	81.181.744
14	Trần Văn Tính	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 19/04/2022)	19.490.107	-	233.438.900	252.929.007
15	Nguyễn Văn Thảo	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 19/04/2022)	12.330.936	37.666.636	-	49.997.572
16	Lê Thanh Cường	Kế toán trưởng	-	37.666.636	305.430.753	343.097.389

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nội dung đào tạo	Thời gian tham gia
1	Ông Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT, TV.HĐQT không điều hành	Chương trình đào tạo quản trị công ty cho các Công ty đại chúng do Trung tâm nghiên cứu khoa học và đào tạo chứng khoán của UB-CKNN tổ chức	20-21/09/2018
2	Ông Bùi Quang Ninh	Phó CT.HĐQT, TV.HĐQT		5-6/10/2017
3	Ông Lê Thanh Cẩn	TV. HĐQT điều hành/TGĐ		
4	Bà Nguyễn Kim Hoa	TV.HĐQT		
5	Bà Nguyễn Thị Hải	TV. HĐQT điều hành/Phó TGĐ/ Thư ký Cty		
6	Ông Nguyễn Trần Giang	TV.HĐQT		Chưa học
7	Ông Nguyễn Minh	TV.HĐQT		Chưa học
8	Ông Trần Lê	TV.HĐQT độc lập		Chưa học
9	Ông Tạ Quang Tòng	TV.HĐQT độc lập		Chưa học
10	Ông Nguyễn Thạc Hoành.	Trưởng ban KS		Lớp quản trị: 5-6/10/2017.
11	Ông Phan Thanh Tàn	TV.BKS		Lớp Kế toán chuyên nghiệp: 6-12/2019
12	Ông Nguyễn Văn Thảo	TV.BKS		Lớp Kế toán chuyên nghiệp: 6-12/2019
13	Ông Lê Thanh Cường	KTT		Lớp quản trị: 5-6/10/2017

CÁC GIAO DỊCH

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông ội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng....)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
01	Nguyễn Thị Hải	PTGĐ/Người phụ trách QTCT	244.000	0,33%	180.000	0,25%	Bán



STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số Nghị quyết Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
01	Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk (Dakruco)	Công ty nắm 66,67% vốn điều lệ của DRI	6000175829	30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân an, TP.Buôn Ma Thuột, DakLak	29/8/2022	NQ HĐQT số 15 ngày 29/8/2022	Thống nhất chủ trương cho Dakruco vay vốn như sau: Hạn mức cho vay tối đa: 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng chẵn). Nguồn tiền từ bán hàng, thu hồi nợ cho vay từ Daklaoruco về DRI, để cho Dakruco vay. Thời gian cho vay: 24 tháng. Lãi suất cho vay thả nổi và không thấp hơn lãi suất cho vay của Vietinbank- CN Đắk Lắk. Tài sản thế chấp: Cổ phiếu DRI do Dakruco sở hữu. Ủy quyền cho Tổng giám đốc DRI cân đối dòng tiền để giải ngân cho Dakruco theo từng thời gian, nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của DRI và Daklaoruco; thương thảo và ký kết Hợp đồng tín dụng với Dakruco và các phụ lục, nội dung phát sinh kèm theo của Hợp đồng tín dụng trên theo các quy định của pháp luật và quy định của Công ty.	
02	Công ty TNHH Nông nghiệp CNC-DRI	Công ty con do DRI nắm 83,87% vốn điều lệ	6001605111	59 Cao Thắng, P. Tân an, TP.Buôn Ma Thuột, DakLak	11/10/2022	NQ HĐQT số 18 ngày 11/10/2022	Thống nhất chủ trương tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Nông nghiệp CNC DRI để bổ sung nguồn vốn đầu tư sản xuất kinh doanh. Cụ thể: + Vốn điều lệ hiện tại: 26.000.000.000 đồng (Hai mươi sáu tỷ đồng). + Vốn điều lệ tăng thêm: 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng). + Vốn điều lệ sau khi phát hành: 31.000.000.000 đồng (Ba mươi một tỷ đồng). Trong đó, DRI nhận toàn bộ quyền góp vốn, tỷ lệ sở hữu là 83,87% tương đương 26 tỷ đồng; đối tác khác sở hữu 16,13% tương đương 5 tỷ đồng. + Nguồn vốn DRI đóng góp: Quỹ đầu tư phát triển của DRI. Thời gian thực hiện: trong quý 4/2022.	
03	Công ty TNHH cao su Đắk Lắk (Daklaoruco)	Công ty con do DRI nắm 100% vốn điều lệ	Giấy đăng ký tô nhượng sửa đổi lần 4 số 016-16/ KĐ/ĐT4 ngày 30/03/2016 của Bộ Kế hoạch đầu tư nước CHDCND Lào cấp cho Daklaoruco	Bản Tha luống, Pakse, tỉnh Champasak, Lào	30/12/2022	NQ HĐQT số 20 ngày 30/12/2022	Thống nhất chủ trương cho DRI ký lại hợp đồng vay vốn với Daklaoruco như sau: - Số tiền vay: 3.657.795,55 USD - Thời gian vay: Từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2025. (kỳ hạn 3 năm) - Lãi suất: 0% - Có thể trả nợ trước hạn sau khi hai bên thỏa thuận. - Giao cho Tổng giám đốc DRI và Giám đốc Daklaoruco thực hiện.	

07 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Báo cáo của Hội đồng quản trị
- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính kiểm toán
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (công ty mẹ), Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI (công ty con) và Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk (công ty con) (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

1. Thông tin chung

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk ("Công ty mẹ") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001271719, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 29 tháng 4 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk	487.500.000.000	66,60
Cổ đông khác	244.500.000.000	33,40
Cộng	732.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Điện thoại : (84-0262) 3867676
Fax : (84-0262) 3865303
E-mail : dri@dri.com.vn
Mã số thuế : 6001271719

Cổ phiếu của Công ty mẹ được giao dịch trên sàn giao dịch trên thị trường UPCoM với mã chứng khoán là DRI và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 23 tháng 5 năm 2017.

Hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: trồng cây cao su; hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; khai thác và thu gom than bùn, sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; bán buôn cà phê; trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; hoạt động tư vấn quản lý; buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng khác; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép; khai thác đá, cát sỏi, đất sét; hoạt động môi giới nông nghiệp, tư vấn bán hàng.

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk	bán Thà Luông, huyện Păkse, tỉnh Champasak, Lào	111/UBH ngày 6 tháng 12 năm 2004	100%
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI	59 Cao Thắng, P. Tân An, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Số 6001605111 ngày 01 tháng 3 năm 2018	83,87%

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty mẹ trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Việt Tượng	Chủ tịch	16 tháng 9 năm 2015
Ông Bùi Quang Ninh	Phó Chủ tịch	24 tháng 10 năm 2012

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Thanh Cẩn	Thành viên	15 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Minh	Thành viên	15 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Trần Giang	Thành viên	05 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Lê	Thành viên	19 tháng 4 năm 2022
Ông Tạ Quang Tông	Thành viên	19 tháng 4 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thạc Hoành	Trưởng ban	24 tháng 10 năm 2012
Ông Phan Thanh Tân	Thành viên	26 tháng 9 năm 2013
Ông Trần Văn Tính	Thành viên	19 tháng 4 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Thanh Cẩn	Tổng Giám đốc	16 tháng 9 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Hải	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 5 năm 2013

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty mẹ trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Việt Tượng – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tập đoàn.

6. Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng quản trị phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. Công bố báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng quản trị công bố Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,


NGUYỄN VIỆT TƯỢNG
Chủ tịch HĐQT
Đắk Lắk, ngày 28 tháng 02 năm 2023



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Số: 171/2023/BCKTHN-HCM.00895



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị Và Ban Tổng Giám Đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2023, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị độc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.


TRANG ĐẶC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2023-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2023


NGUYỄN THỊ THANH MINH
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2023-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 59 Cao Thắng - Phường Tân An - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		165.145.646.170	194.451.374.830
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	66.551.192.559	81.095.154.177
Tiền	111		66.551.192.559	76.095.154.177
Các khoản tương đương tiền	112		-	5.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	5.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.483.113.125	25.142.453.822
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	14.189.522.943	22.102.524.047
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	2.572.089.225	1.196.269.678
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	1.721.500.957	1.778.583.397
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	65.076.700
Hàng tồn kho	140		72.345.766.882	82.728.496.616
Hàng tồn kho	141	5.6	72.345.766.882	82.728.496.616
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.765.573.604	5.485.270.215
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.294.951.593	5.414.648.204
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	470.622.011	70.622.011
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 59 Cao Thắng - Phường Tân An - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		600.714.921.017	832.462.128.797
Các khoản phải thu dài hạn	210		60.000.000.000	30.000.000.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.7	60.000.000.000	30.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		489.516.169.317	758.080.746.703
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	484.104.470.961	752.617.448.850
Nguyên giá	222		834.883.728.061	1.183.572.351.576
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(350.779.257.100)	(430.954.902.726)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	5.411.698.356	5.463.297.853
Nguyên giá	228		5.957.570.740	6.096.267.238
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(545.872.384)	(632.969.385)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		34.676.483.549	24.961.170.729
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	34.676.483.549	24.961.170.729
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.000.000.000	3.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.000.000.000	3.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		13.522.268.151	16.420.211.365
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	13.522.268.151	16.420.211.365
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		765.860.567.187	1.026.913.503.627

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 59 Cao Thắng - Phường Tân An - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		194.690.245.995	315.610.558.099
Nợ ngắn hạn	310		109.203.292.570	173.477.214.992
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	1.023.465.748	3.029.375.228
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	5.056.271.580
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	9.674.377.089	15.538.056.797
Phải trả người lao động	314	5.14	34.114.203.636	27.937.690.715
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	354.860.934	1.337.754.737
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	1.080.167.407	1.058.927.246
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	56.217.463.141	114.492.908.820
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.18	6.738.754.615	5.026.229.869
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		85.486.953.425	142.133.343.107
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	85.486.953.425	142.133.343.107
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 59 Cao Thắng - Phường Tân An - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		571.170.321.192	711.302.945.528
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	571.170.321.192	711.302.945.528
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		732.000.000.000	732.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		732.000.000.000	732.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	5.19	(297.193.049.690)	(114.693.662.642)
Quỹ đầu tư phát triển	418	5.19	38.731.219.629	26.038.219.629
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.19	92.949.653.848	62.837.312.665
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		12.174.020.665	739.077.059
LNST chưa phân phối năm nay	421b		80.775.633.183	62.098.235.606
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.682.497.405	5.121.075.876
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		765.860.567.187	1.026.913.503.627



ĐỖ THỊ NINH
Người lập biểu



LÊ THANH CƯỜNG
Kế toán trưởng



NGUYỄN VIỆT TƯỢNG
Chủ tịch HĐQT

Đắk Lắk, ngày 28 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
Địa chỉ: Số 59 Cao Thắng - Phường Tân An - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	496.834.551.980	585.739.312.595
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		18.594.170	88.868.610
Doanh thu thuần	10	6.1	496.815.957.810	585.650.443.985
Giá vốn hàng bán	11	6.2	293.484.692.778	355.200.410.114
Lợi nhuận gộp	20		203.331.265.032	230.450.033.871
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	31.232.095.759	18.556.661.066
Chi phí tài chính	22	6.4	70.516.190.571	70.605.802.849
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.041.128.694	20.442.873.608
Phần lãi/ (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	34.903.518.947	34.405.069.521
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	22.717.256.899	19.244.673.995
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		106.426.394.374	124.751.148.572
Thu nhập khác	31	6.7	147.233.002	2.683.364.454
Chi phí khác	32	6.8	978.611.050	11.134.425.347
Lợi nhuận khác	40		(831.378.048)	(8.451.060.893)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		105.595.016.326	116.300.087.679
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		25.228.278.569	32.209.192.244
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		80.366.737.757	84.090.895.435
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		80.775.633.183	84.058.235.606
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(408.895.426)	32.659.829
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	1.103	1.030



ĐỖ THỊ NINH
Người lập biểu



LÊ THANH CƯỜNG
Kế toán trưởng



NGUYỄN VIỆT TƯỢNG
Chủ tịch HĐQT

Đắk Lắk, ngày 28 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh - Phường Tân An - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	105.595.016.326	116.300.087.679
Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	42.173.199.811	74.930.566.281
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	21.137.259.823	20.683.846.875
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.595.625.905)	8.671.964.548
Chi phí lãi vay	06	10.041.128.694	20.442.873.608
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	174.350.978.749	241.029.338.991
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	10.106.365.458	21.242.854.464
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	10.382.729.734	(11.875.075.826)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	7.598.251.176	14.622.034.926
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	2.897.943.214	4.288.125.894
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(10.034.646.780)	(20.440.524.142)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(27.319.842.337)	(23.169.067.491)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(4.169.045.730)	(3.824.144.465)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	163.812.733.484	221.873.542.351
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(22.686.857.434)	(1.561.525.352)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	53.241.049	666.555.405
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(35.000.000.000)	(30.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.484.012.709	757.485.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(53.149.603.676)	(30.137.484.947)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

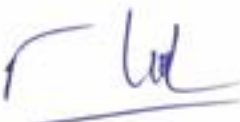
Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh - Phường Tân An - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	60.665.337.580	185.823.187.031
Tiền trả nợ gốc vay	34	(156.421.095.267)	(287.482.588.189)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(29.259.696.214)	(41.606.110.128)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(125.015.453.901)	(143.265.511.286)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ			
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	81.095.154.177	32.171.593.506
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(191.637.525)	453.014.553
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	66.551.192.559	81.095.154.177



ĐỖ THỊ NINH
Người lập biểu



LÊ THANH CƯỜNG
Kế toán trưởng



NGUYỄN VIỆT TƯỢNG
Chủ tịch HĐQT

Đắk Lắk, ngày 28 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (Công ty mẹ) là công ty cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty mẹ được giao dịch trên sàn giao dịch trên thị trường UPCoM với mã chứng khoán là DRI và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 23 tháng 5 năm 2017.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn (gồm công ty mẹ và công ty con) kinh doanh trong lĩnh vực trồng cây công nghiệp – chế biến.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Đầu tư phát triển dự án trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến các sản phẩm mủ cao su, gỗ cao su, điều và chuỗi để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

1.5. Cấu trúc của Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 2 công ty con là:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH cao su Đắk Lắk	Bản Tha Luông, huyện Păkse, tỉnh Champasak, Lào	100%	100%
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI	59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	80,77%	83,87%

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tập đoàn được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính, thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tập đoàn áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC. Các thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chỉ phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4.3. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong kỳ, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc ngoại tệ lần lượt được quy đổi ra VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán do Ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ và công ty con thường xuyên có giao dịch công bố vào ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.5. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.6. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được xác định theo nguyên tắc sau: Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài – Công ty con để tổng hợp vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, tỷ giá sử dụng như sau:

- Đối với tài sản và nợ phải trả (cả khoản mục tiền tệ và phi tiền tệ) của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá cuối kỳ;
- Các khoản mục về doanh thu, thu nhập khác và chi phí của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch. Trường hợp tỷ giá trung bình xấp xỉ tỷ giá thực tế thì tỷ giá trung bình được sử dụng để chuyển đổi các khoản mục doanh thu, thu nhập khác và chi phí của cơ sở ở nước ngoài.
- Tất cả các khoản chênh lệch hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài để tổng hợp vào báo cáo tài chính hợp nhất được phân loại như là vốn chủ sở hữu cho đến khi thanh lý khoản đầu tư thuần đó.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2021: 0,5180 LAK/VND
 31/12/2022: 0,7513 LAK/VND

4.7. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm
Máy móc và thiết bị	05 – 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 – 08 năm
Vườn cây lâu năm	Theo sản lượng khai thác

4.10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn nhận chuyển nhượng hợp pháp, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Giấy chứng nhận ISO

Giấy chứng nhận ISO bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hệ thống và được cấp Giấy chứng nhận ISO. Chi phí này được khấu hao trong 10 năm.

4.11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

4.12. Các khoản nợ phải trả và Chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.17. Thuế hoạt động

Một khoản thuế được xem là thuế hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Chi phí thuế hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

4.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.20. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuế mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk	Công ty mẹ
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt	14.006.515.307	8.828.630.747
Tiền gửi ngân hàng	52.544.677.252	67.266.523.430
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	5.000.000.000
	66.551.192.559	81.095.154.177

5.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022 Giá trị VND	Dự phòng VND	01/01/2022 Giá trị VND	Dự phòng VND
Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	-	-	-
	5.000.000.000	-	-	-

Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Tân Lập Bắc Đắk Lắk. Hợp đồng tiền gửi ngân hàng số: 01/2022/HĐTGCS/NHNoTL ngày 27/06/2022, số tiền gửi 5.000.000.000 VND thời hạn gửi 12 tháng, lãi suất tiền gửi 5,1%/năm, ngày gửi tiền 27/06/2022 ngày đến hạn 27/06/2023.

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải thu các khách hàng khác		
Corrie Maccoll Europe B.V	4.659.927.552	1.684.660.320
Ukko Corporation	1.881.484.480	14.072.148.875
Công ty TNHH chuỗi Gia Huy Phát	169.453.800	237.312.597
Công ty TNHH An Khải Nguyên	2.892.248.151	-
NC Group Pte. Ltd	1.348.712.960	-
Weber and Schaer GMBH Co.Kg	3.237.696.000	3.296.470.464
R1 International	-	2.527.780.955
Century Ply Salavan Co., Ltd	-	215.143.436
Các khách hàng khác	-	69.007.400
	14.189.522.943	22.102.524.047

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Trả trước cho người bán khác		
Công ty TNHH Ánh Bình Minh	975.509.118	-
Xây dựng cơ bản Trần Ngọc Trinh	474.652.735	-
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải BMC Sài Gòn	507.888.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu I Lin	-	77.220.077
Công ty TNHH Xây lắp điện SCE	-	106.177.606
Công ty TNHH MTV Cơ khí BK	-	40.887.438
Công ty TNHH gốm sứ Champa	323.439.372	291.737.452
Vũ Thị Minh	100.000.000	300.000.000
Công ty CP Chứng khoán MB	50.000.000	50.000.000
Các nhà cung cấp khác	140.600.000	330.247.105
	2.572.089.225	1.196.269.678

5.5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022 Giá trị VND	Dự phòng VND	01/01/2022 Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Lãi tiền vay	1.373.972.602	-	721.232.877	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Lãi dự thu của các hợp đồng tiền gửi	128.287.425	-	53.699.000	-
Tạm ứng của nhân viên	156.009.147	-	266.473.260	-
Chi phí vận chuyển	-	-	697.900.000	-
Bảo hiểm xã hội	17.535.345	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	45.696.438	-	39.278.260	-
	1.721.500.957	-	1.778.583.397	-

5.6. Hàng tồn kho

	31/12/2022 Giá gốc VND	Dự phòng VND	01/01/2022 Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	16.648.897.706	-	17.726.082.598	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.194.636.489	-	16.727.533.826	-
Thành phẩm	48.502.232.687	-	48.274.880.192	-
	72.345.766.882	-	82.728.496.616	-

5.7. Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải thu bên liên quan		
Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (*)	60.000.000.000	30.000.000.000
	60.000.000.000	30.000.000.000

(*) Khoản cho Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk vay bao gồm:

- Hợp đồng số 01/2021/HĐVV ngày 20 tháng 9 năm 2021, với các nội dung cơ bản: số tiền vay 30.000.000.000 VND, lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 24 tháng. Tài sản đảm bảo nợ vay là 6.000.000 cổ phiếu DRI do Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk phát hành thuộc sở hữu Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk, đang lưu ký tại Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam.
- Hợp đồng số 01/2022/HĐVV ngày 05 tháng 9 năm 2022, với các nội dung cơ bản: số tiền vay tối đa 40.000.000.000 VND, giải ngân thành 2 đợt, lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 24 tháng. Tài sản đảm bảo nợ vay là 5.000.000 cổ phiếu DRI do Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk phát hành thuộc sở hữu Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk, đang lưu ký tại Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam.

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Vườn cây lâu năm VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2022	165.256.532.853	59.169.323.936	30.478.759.945	161.427.956	928.506.306.886	1.183.572.351.576
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.720.885.737	2.899.717.781	3.566.232.529	94.635.964	1.690.072.603	12.971.544.614
Thanh lý	(1.332.466.215)	-	(472.199.420)	(32.210.835)	(93.171.026)	(1.930.047.496)
Chênh lệch tỷ giá (*)	(44.914.684.618)	(18.373.756.521)	(8.076.769.899)	(37.315.565)	(288.327.594.030)	(359.730.120.633)
Tại ngày 31/12/2022	123.730.267.757	43.695.285.196	25.496.023.155	186.537.520	641.775.614.433	834.883.728.061
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2022	89.851.989.540	46.854.335.297	24.093.128.383	157.611.992	269.997.837.514	430.954.902.726
Khấu hao trong năm	7.464.361.544	3.283.877.279	1.926.543.362	1.773.572	29.465.849.032	42.142.404.789
Thanh lý	(826.192.707)	-	(372.807.548)	(32.210.835)	(29.880.403)	(1.261.091.493)
Chênh lệch tỷ giá (*)	(26.568.659.045)	(13.731.407.010)	(6.868.127.332)	(30.411.602)	(73.858.353.933)	(121.056.958.922)
Tại ngày 31/12/2022	69.921.499.332	36.406.805.566	18.778.736.865	96.763.127	225.576.452.210	350.779.257.100
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2022	75.404.543.313	12.314.988.639	6.385.631.562	3.815.964	658.508.469.372	752.617.448.850
Tại ngày 31/12/2022	53.808.768.425	7.288.479.630	6.717.286.290	89.774.393	416.200.162.223	484.104.470.961

Trong đó, Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 31/12/2022	19.961.896.052	25.741.544.339	12.808.354.754	50.641.555	-	58.562.436.700
---------------------	----------------	----------------	----------------	------------	---	----------------

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 31/12/2022 lần lượt là 620.741.307.587 VND và 409.750.293.230 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng Việt Lào và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lào.

(*) Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài.

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Giấy chứng nhận ISO VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2022	5.649.620.520	446.646.718	6.096.267.238
Chênh lệch tỷ giá (*)	-	(138.696.498)	(138.696.498)
Tại ngày 31/12/2022	5.649.620.520	307.950.220	5.957.570.740

	Quyền sử dụng đất VND	Giấy chứng nhận ISO VND	Cộng VND
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2022	253.319.675	379.649.710	632.969.385
Khấu hao trong năm	-	30.795.022	30.795.022
Chênh lệch tỷ giá (*)	-	(117.892.023)	(117.892.023)
Tại ngày 31/12/2022	253.319.675	292.552.709	545.872.384
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2021	5.396.300.845	66.997.008	5.463.297.853
Tại ngày 31/12/2021	5.396.300.845	15.397.511	5.411.698.356

(*) Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài.

5.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí đầu tư vườn sầu riêng	24.301.546.129	13.921.514.030
Vườn cây cao su	10.006.593.592	9.854.414.719
Công trình khác	368.343.828	1.185.241.980
	34.676.483.549	24.961.170.729

5.11. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công cụ dụng cụ của Trụ sở Công ty mẹ	366.407.038	370.380.218
Tiền thuê đất dự án trồng chuối	2.833.466.356	2.741.345.612
Văn phòng Công ty tại Lào	-	56.926.865
Nông trường 1	1.747.464.817	1.945.705.386
Nông trường 2	2.302.356.082	3.016.229.519
Nông trường 3	3.791.122.270	6.217.878.720
Nông trường 4	1.481.313.615	1.787.428.633
Xi nghiệp chế biến mủ	1.000.137.973	284.316.412
	13.522.268.151	16.420.211.365

5.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022 Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	01/01/2022 Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Công ty TNHH MTV XNK Sompasong Syvilay Charein	96.530.946	96.530.946	-	-
Công ty TNHH SX TM DV 999	156.000.000	156.000.000	30.000.000	30.000.000
Công ty TNHH Paphanphanith	55.164.888	55.164.888	-	-
Xăng dầu Petrovietnam oil Lao Co.Ltd	404.546.786	404.546.786	1.772.397.685	1.772.397.685
Lê Văn Yên - XDCB	92.615.067	92.615.067	-	-
Công ty TNHH Phong Kiều	105.600.000	105.600.000	-	-
Hộ kinh doanh Việt Trung	87.343.061	87.343.061	107.743.061	107.743.061
Công ty TNHH SX-TM-DV H&K	-	-	101.456.659	101.456.659

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Hộ kinh doanh Tiến Phong	-	-	100.500.000	100.500.000
Công ty CP Thương mại in Nông nghiệp	-	-	124.614.942	124.614.942
Công ty TNHH MTV Houay Hee	-	-	391.818.533	391.818.533
Hộ kinh doanh Cẩm Châu- Hậu Giang	-	-	100.500.000	100.500.000
Các nhà cung cấp khác	25.665.000	25.665.000	300.344.348	300.344.348
	1.023.465.748	1.023.465.748	3.029.375.228	3.029.375.228

5.13. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	01/01/2022		Số phát sinh trong năm		31/12/2022	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	6.440.177	(6.440.177)	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	16.248.755.805	(16.248.755.805)	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	121.710.635	(121.710.635)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.961.445.554	70.622.011	20.735.058.685	(27.319.842.337)	8.776.661.902	470.622.011
Thuế thu nhập cá nhân	572.675.979	-	5.056.201.244	(4.735.097.300)	893.779.923	-
Tiền thuế đất	-	-	1.770.179.275	(1.770.179.275)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	259.118.001	(259.118.001)	3.935.264	-
	15.538.056.797	70.622.011	44.197.463.822	(50.461.143.530)	9.674.377.089	470.622.011

Thuế giá trị gia tăng

- Công ty mẹ nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.
- Công ty con chưa đăng ký, kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Toàn bộ thuế thuế giá trị gia tăng đầu vào được ghi nhận hết vào giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc chi phí phát sinh trong kỳ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng đầu ra cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Công ty mẹ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.
- Đối với Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk, theo Biên bản thỏa thuận ngày 19 tháng 11 năm 2004 về Dự án phát triển cây cao su ở 4 tỉnh nam Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Công ty con được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp sau 02 năm cạo mủ, sau đó phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%. Các loại cây công nghiệp khác phải nộp thuế theo quy định kể từ ngày có sản phẩm.

Tiền thuế đất

Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk phải nộp tiền thuế đất với giá là 6USD/ha/năm. Công ty con được miễn tiền thuế đất trong 07 năm đầu phát triển dự án kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất với các bộ phận có liên quan của Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Năm 2012 là năm đầu tiên Công ty con có nghĩa vụ nộp tiền thuế đất.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

5.14. Phải trả người lao động

Là tiền lương tháng 12 còn phải trả cho người lao động

5.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân		
Trích trước chi phí triển khai dự án ở các Nông trường	44.030.347	1.206.835.803
Chi phí lãi vay phải trả	32.702.648	26.220.734
Chi phí vận chuyển và chi phí xuất hàng	60.615.555	-
Các chi phí tiện ích khác	217.512.384	104.698.200
	354.860.934	1.337.754.737

5.16. Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân		
Kinh phí công đoàn	10.156.500	28.573.420
Bảo hiểm xã hội	32.021.829	73.229.017
Phải trả hộ tiền lãi vay vốn chỉ thun	64.842.198	64.842.198
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	536.231.973	515.928.187
Các khoản thiết kế xây dựng cơ bản	162.698.652	134.459.732
Chi phí sơ chế chuối	-	18.457.915
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	274.216.255	223.436.777
	1.080.167.407	1.058.927.246

5.17. Vay và nợ thuê tài chính

5.17.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng Việt Lào (i)	15.033.519.233	15.033.519.233	25.680.516.514	25.680.516.514
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lào (ii)	-	-	32.871.773.787	32.871.773.787
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tân Lập Bắc Đắk Lắk (iii)	3.043.473.333	3.043.473.333	3.198.719.171	3.198.719.171
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk (iv)	6.645.171.481	6.645.171.481	5.443.254.807	5.443.254.807
Vay dài hạn đến hạn trả	31.495.299.094	31.495.299.094	47.298.644.541	47.298.644.541
	56.217.463.141	56.217.463.141	114.492.908.820	114.492.908.820

- (i) Ngày 28/01/2022 Công ty ký kết hợp đồng tín dụng hạn mức số 12/HĐ-LVB/2022, hạn mức tín dụng 50.000.000.000 LAK để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo mức lãi suất áp dụng của LaoVietBank trong từng thời kỳ, thể hiện trong bản kê rút vốn từng lần cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 603 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 05 tháng 8 năm 2010 và tài sản gắn liền trên đất, Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 291 và 293 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 31 tháng 3 năm 2009 cùng với tài sản gắn liền trên đất, Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy phép cấp quyền sử dụng đất Nhà nước số 03/2009 do Cơ quan quản lý đất đai tỉnh Champasak cấp ngày 24/08/2009 và một số tài sản là máy móc thiết bị chế biến mủ theo Biên bản định giá số 93/BBĐG-LVB.CPS ngày 22 tháng 5 năm 2018. Cụ thể như sau:
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 50-2014/LVB.CPS ngày 22/05/2014
Phụ lục 01.50: 113ha
Phụ lục 02.50: 372ha
(Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 291 và 293 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 31 tháng 3 năm 2009 cùng với tài sản gắn liền trên đất)
Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 51-2014/LVB.CPS ngày 22/05/2014
(Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 603 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 05 tháng 8 năm 2010 và tài sản gắn liền trên đất)
 - Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 52-2014/LVB.CPS ngày 22/05/2014
(một số tài sản là máy móc thiết bị chế biến mủ theo Biên bản định giá số 93/BBĐG-LVB.CPS ngày 22 tháng 5 năm 2018)
 - Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 42-2014/LVB.CPS ngày 05/05/2015
(Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy phép cấp quyền sử dụng đất Nhà nước số 03/2009 do Cơ quan quản lý đất đai tỉnh Champasak cấp ngày 24/08/2009).
- (ii) Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk ký kết hợp đồng vay với hạn mức 40 tỷ LAK tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Lào theo hợp đồng tín dụng số 111/2021/HĐCVHM/CPS ngày 27 tháng 10 năm 2021 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất ban đầu 9% /năm đối với khoản nợ bằng LAK và 6%/năm đối với khoản nợ bằng USD (lãi suất sẽ điều chỉnh định kỳ theo thông báo của Ngân hàng). Thời hạn vay 7 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là quyền thuê, quyền khai thác trên toàn bộ diện tích và tài sản trên đất tại Nông trường 2 (bao gồm toàn bộ vườn cây cao su, cà phê, hệ thống hạ tầng và các công trình liên quan diện tích 2.104,64 ha), một phần diện tích nông trường 4 (1.878 ha) một phần nông trường 1 (2.192 ha) và một phần nông trường 3 (966 ha).
- (iii) Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố Giấy tờ có giá/thẻ tiết kiệm, kiêm biên bản định giá số 5220LAV202200... ngày 30/09/2022, hạn mức tín dụng: 3.300.000.000 đồng, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ, lãi suất vay: 7%/năm. Mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động, tài sản thế chấp: Sổ tiết kiệm số 01/2020/HĐTGCS/NHNToTL số tiền 5 tỷ đồng thuộc sở hữu của Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk. Thông qua chủ trương vay vốn tại ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tân Lập Bắc Đắk Lắk, Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao DRI ban hành Nghị quyết số 02/NQ-HĐVT ngày 24 tháng 6 năm 2022 với các nội dung cơ bản sau: Tổng hạn mức vay là: 3.500.000.000 đồng, mục đích vay: vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay: từ tháng 06/2022 đến 31/08/2023, biện pháp bảo đảm: bảo lãnh Hợp đồng tiền gửi số 01/2022/HĐTGCS/NHNToTL số tiền 5 tỷ đồng thuộc sở hữu của Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk. Đối tác góp vốn là Công ty TNHH XNK và PTNN công nghệ cao Bình Dương tiếp tục sử dụng phần vốn góp của mình để bảo lãnh cho khoản vay trong trường hợp Công ty không có khả năng trả nợ.
- (iv) Hợp đồng cho vay hạn mức số 21.38.0012/2020-HĐCVHM/NHCT502-CNCĐRI ngày 15/06/2022; hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 VND; thời hạn vay 9 tháng; lãi suất vay: 6,5%/năm; mục đích sử dụng bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động trồng, sản xuất, kinh doanh chuối; tài sản thế chấp: Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 20.38.0012/2020HĐBĐ/NHCT502 ngày 08/06/2020 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp

quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 20.38.0056/HĐTC-VBSĐBS01/NHCT502-CNCĐRI ngày 10/11/2020.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

	Vay ngắn hạn VND	Nợ dài hạn đến hạn trả VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	67.194.264.279	47.298.644.541	114.492.908.820
Số tiền vay phát sinh	60.665.337.580	-	60.665.337.580
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	31.495.299.092	31.495.299.092
Lỗ chênh lệch tỷ giá	220.503.689	4.628.222.677	4.848.726.366
Số tiền vay đã trả	(85.175.791.458)	(37.239.293.981)	(122.415.085.439)
Chênh lệch tỷ giá (*)	(18.182.150.043)	(14.687.573.235)	(32.869.723.278)
Tại ngày 31/12/2022	24.722.164.047	31.495.299.094	56.217.463.141

(*) Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài.

5.17.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
		VND		VND
Vay dài hạn ngân hàng				
Ngân hàng Việt Lào (i)	-	-	3.006.983.986	3.006.983.986
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lào (ii)	85.486.953.425	85.486.953.425	139.126.359.121	139.126.359.121
	85.486.953.425	85.486.953.425	142.133.343.107	142.133.343.107

- (i) Ngày 30/7/2019 Công ty ký kết hợp đồng tín dụng số 46/HĐ-LVB/2019, hạn mức tín dụng 729.186 USD với mục đích xây dựng cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước lý nước thải nhà máy chế biến mủ cao su Daklaoruco. Thời gian rút vốn 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, thời gian cho vay 5 năm, kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian trả nợ là 5 năm. Lãi suất kể từ ngày giải ngân là 10,5%/năm đối với kỳ đầu tiên, sáu các kỳ tiếp theo áp dụng bằng lãi suất thả nổi, lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tại Điều 9 của hợp đồng 46/HĐ-LVB/2019. Ngoài ra, một số khoản thế chấp bổ sung như sau:
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 50-2014/LVB.CPS ngày 22/05/2014
Phụ lục 01.50: 113ha
Phụ lục 02.50: 372ha
(Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 291 và 293 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 31 tháng 3 năm 2009 cùng với tài sản gắn liền trên đất)
 - Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 51-2014/LVB.CPS ngày 22/05/2014
(Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 603 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 05 tháng 8 năm 2010 và tài sản gắn liền trên đất)
 - Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 52-2014/LVB.CPS ngày 22/05/2014
(một số tài sản là máy móc thiết bị chế biến mủ theo Biên bản định giá số 93/BBĐG-LVB.CPS ngày 22 tháng 5 năm 2018)
 - Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 42-2014/LVB.CPS ngày 05/05/2015
(Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy phép cấp quyền sử dụng đất Nhà nước số 03/2009 do Cơ quan quản lý đất đai tỉnh Champasak cấp ngày 24/08/2009)..

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(ii) Ngày 29 tháng 3 năm 2014, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lào hợp đồng vay dài hạn số 06/HĐTD/2014/KHDN với tổng giá trị 160.000.000.000 LAK, lãi suất 6,5%/năm (vay USD) và 11%/năm (vay LAK) để "trả nợ Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk đã đầu tư vào dự án phát triển cao su, cà phê, điều của Công ty TNHH cao su Đắk Lắk tại các tỉnh Nam Lào", thời hạn vay 11 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là quyền thuê, quyền khai thác trên toàn bộ diện tích và tài sản trên đất tại Nông trường 2 (bao gồm toàn bộ vườn cây cao su, cà phê, hệ thống hạ tầng và các công trình liên quan diện tích 2.123,64 ha), một phần diện tích nông trường 4 (1.878 ha) một phần nông trường 1 (2.192 ha) và một phần nông trường 3 (966 ha).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

	VND
Tại ngày 01/01/2022	142.133.343.107
Số tiền vay phát sinh	-
Chênh lệch tỷ giá	52.991.361.335
Số tiền vay đã trả	(34.006.009.828)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(31.495.299.092)
Chênh lệch tỷ giá (*)	(44.136.442.097)
Tại ngày 31/12/2022	85.486.953.425

(*) Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài.

5.17.3 Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

5.18. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tại ngày đầu năm	5.026.229.869	8.087.378.327
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	8.690.292.000	2.357.884.776
Chi quỹ	(4.169.045.730)	(3.824.144.465)
Tăng/giảm khác	1.500.000	(494.878.405)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài	(2.810.221.524)	(1.100.010.364)
Tại ngày cuối năm	6.738.754.615	5.026.229.869

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.19. Vốn chủ sở hữu

5.19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	732.000.000.000	(15.363.018.605)	25.703.057.182	23.343.264.836	765.683.303.413
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	84.058.235.606	84.058.235.606
Phân phối các quỹ	-	-	-	(2.357.884.776)	(2.357.884.776)
Lương của Hội đồng quản trị không chuyên trách	-	-	-	(482.303.001)	(482.303.001)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(19.764.000.000)	(19.764.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2021 theo Nghị quyết của HĐQT ngày 31/08/2021	-	-	-	(21.960.000.000)	(21.960.000.000)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con ở nước ngoài	-	(99.330.644.037)	335.162.447	-	(98.995.481.590)
Tại ngày 31/12/2021	732.000.000.000	(114.693.662.642)	26.038.219.629	62.837.312.665	706.181.869.652
Tại ngày 01/01/2022	732.000.000.000	(114.693.662.642)	26.038.219.629	62.837.312.665	706.181.869.652
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	80.775.633.183	80.775.633.183
Phân phối các quỹ	-	-	12.693.000.000	(21.383.292.000)	(8.690.292.000)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(29.280.000.000)	(29.280.000.000)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con ở nước ngoài	-	(182.499.387.048)	-	-	(182.499.387.048)
Tại ngày 31/12/2022	732.000.000.000	(297.193.049.690)	38.731.219.629	92.949.653.848	566.487.823.787

5.19.2 Chi tiết vốn góp của cổ đông

Cổ đông	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk	487.500.000.000	66,60	487.500.000.000	66,60
Các cổ đông khác	244.500.000.000	33,40	244.500.000.000	33,40
	732.000.000.000	100,00	732.000.000.000	100,00

5.19.3 Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	73.200.000	73.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	73.200.000	73.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	73.200.000	73.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	73.200.000	73.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	73.200.000	73.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

5.19.4 Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 08/NQ-CT ngày 19 tháng 4 năm 2022 như sau:

	VND
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.627.333.000
• Chia cổ tức (7% vốn điều lệ)	51.240.000.000
Trong đó, cổ tức đã tạm ứng trong năm 2021 (3%)	21.960.000.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu thành phẩm mủ cao su	492.865.892.380	569.249.358.295
Doanh thu bán chuỗi	3.968.659.600	16.489.954.300
	496.834.551.980	585.739.312.595

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn thành phẩm mủ cao su	287.724.126.638	341.130.004.344
Giá vốn chuỗi	5.760.566.140	14.070.405.770
	293.484.692.778	355.200.410.114

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	361.163.767	523.294.000
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	55.432.309	5.566.343
Lãi tiền cho vay	4.594.744.783	721.232.877
Cổ tức, lợi nhuận được chia	200.000.000	228.624.657
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	26.020.754.900	17.077.943.189
	31.232.095.759	18.556.661.066

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí lãi vay	10.041.128.694	20.442.873.608
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	38.702.982.193	29.206.983.231
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	21.137.259.823	20.683.846.875
Chi phí tài chính khác	634.819.862	272.099.135
	70.516.190.571	70.605.802.849

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí cho nhân viên	2.588.588.614	2.034.157.183
Chi phí vật liệu, bao bì	3.097.106.782	4.586.723.677
Chi phí đóng pallet	3.761.056.800	3.223.598.400
Chi phí vận chuyển hàng bán	22.251.726.828	21.720.497.702
Chi phí khấu hao tài sản cố định	349.430.072	337.803.450
Chi phí dịch vụ mua ngoài	304.736.948	110.136.219
Các chi phí khác	2.550.872.903	2.392.152.890
	34.903.518.947	34.405.069.521

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí cho nhân viên	13.666.897.310	10.598.040.197
Chi phí vật liệu quản lý	-	7.910.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	835.693.887	564.671.361
Chi phí khấu hao tài sản cố định	791.959.955	932.130.993
Thuế, phí và lệ phí	24.047.664	13.982.598
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.908.578.364	1.135.113.041
Chi phí bảo hiểm vườn cây	2.184.296.817	2.995.568.515
Các chi phí khác	2.305.782.902	2.997.257.290
	22.717.256.899	19.244.673.995

6.7. Thu nhập khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	95.161.266	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	160.000.000
Tiền bồi thường	-	2.429.002.651
Khác	52.071.736	94.361.803
	147.233.002	2.683.364.454

6.8. Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	615.714.953	10.532.859.726
Thuế bị phạt, bị truy thu	80.306.314	537.718.405
Các khoản khác	282.589.783	63.847.216
	978.611.050	11.134.425.347

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	58.402.012.701	73.019.222.752
Chi phí nhân công	136.962.248.351	159.477.856.779
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.173.199.811	74.930.566.281
Chi phí dịch vụ mua ngoài	93.504.641.468	93.161.505.746
Chi phí khác	13.922.798.388	16.062.290.027
	344.964.900.719	416.651.441.584

6.10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	80.775.633.183	84.058.235.606
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(8.690.292.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	80.775.633.183	75.367.943.606
Cổ phiếu phổ thông công ty mẹ đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)(*)	73.200.000	73.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	1.103	1.030

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	73.200.000	73.200.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	73.200.000	73.200.000

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

7.1 Tiền thu từ đi vay

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	60.665.337.580	185.823.187.031
	60.665.337.580	185.823.187.031

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	156.421.095.267	287.482.588.189
	156.421.095.267	287.482.588.189

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Tập đoàn với bên liên quan như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk		
Chia cổ tức	19.500.000.000	13.162.500.000
Tạm ứng cổ tức	-	14.625.000.000
Cho vay	30.000.000.000	30.000.000.000

Số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk		
Phải thu tiền cho vay	60.000.000.000	30.000.000.000
Phải thu lãi tiền cho vay	1.373.972.602	721.232.877

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan năm 2022 như sau:

		Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Hội đồng quản trị			
Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	81.590.828	78.635.870
Bùi Quang Ninh	Phó Chủ tịch HĐQT	70.712.051	68.151.087
Trần Lê	Thành viên (**)	38.980.215	-
Tạ Quang Tông	Thành viên (**)	38.980.215	-
Nguyễn Trần Giang	Thành viên	54.393.885	52.423.913
Nguyễn Kim Hoa	Thành viên (*)	15.413.671	52.423.913
Nguyễn Minh	Thành viên	54.393.885	52.423.913
Nguyễn Thị Hải	Thư ký (*)	6.552.989	26.211.957
Nguyễn Thị Hải	Quản trị Công ty (**)	20.643.953	-
Bùi Thị Tuyết Nhung	Thư ký (**)	19.490.107	-
Ban điều hành			
Lê Thanh Cần	Tổng Giám đốc	395.641.558	341.527.605
Nguyễn Thị Hải	Phó Tổng Giám đốc	349.055.688	300.657.039
Lê Thanh Cường	Kế toán trưởng	305.430.753	262.135.356
Ban kiểm soát			
Nguyễn Thạc Hoành	Trưởng Ban kiểm soát	70.712.051	68.151.087
Phan Thanh Tân	Thành viên	43.515.108	41.939.130
Nguyễn Văn Thảo	Thành viên (*)	12.330.936	41.939.130
Trần Văn Tính	Thành viên (**)	19.490.107	-
		1.597.328.000	1.386.620.000

(*) Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 15/04/2022

(**) Từ ngày 15/04/2022 đến ngày 30/06/2022

8.2 Công cụ tài chính

Tập đoàn có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, đầu tư khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Tập đoàn.

Tập đoàn chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Hội đồng quản trị xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Tập đoàn có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Tập đoàn. Tập đoàn quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Tập đoàn lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản. Tỷ giá hối đoái giữa đồng LAK và VND ít biến động.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2022			
Các khoản vay và nợ	56.217.463.141	85.486.953.425	141.704.416.566
Phải trả người bán	1.023.465.748	-	1.023.465.748
Chi phí phải trả	354.860.934	-	354.860.934
Phải trả khác	1.037.989.078	-	1.037.989.078
	58.633.778.901	85.486.953.425	144.120.732.326
Ngày 01 tháng 01 năm 2022			
Các khoản vay và nợ	114.492.908.820	142.133.343.107	256.626.251.927
Phải trả người bán	3.029.375.228	-	3.029.375.228
Chi phí phải trả	1.337.754.737	-	1.337.754.737
Phải trả khác	957.124.809	-	957.124.809
	119.817.163.594	142.133.343.107	261.950.506.701

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã cầm cố tài sản cố định hữu hình và tài sản đang đầu tư xây dựng cơ bản dở dang của mình vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.7 và 5.8).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 Tập đoàn đã nhận 11.000.000 cổ phiếu DRI do Công CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk phát hành thuộc sở hữu Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk, đang lưu ký tại Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam để đảm bảo cho khoản cho vay 60.000.000.000 VND. (Thuyết minh số 5.6)

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.551.192.559	81.095.154.177	66.551.192.559	81.095.154.177
Các khoản đầu tư	8.000.000.000	3.000.000.000	8.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu khách hàng	14.189.522.943	22.102.524.047	14.189.522.943	22.102.524.047
Các khoản cho vay	60.000.000.000	30.000.000.000	60.000.000.000	30.000.000.000
Các khoản phải thu khác	1.565.491.810	1.512.110.137	1.565.491.810	1.512.110.137
	150.306.207.312	137.709.788.361	150.306.207.312	137.709.788.361
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	141.704.416.566	256.626.251.927	141.704.416.566	256.626.251.927
Phải trả người bán	1.023.465.748	3.029.375.228	1.023.465.748	3.029.375.228
Chi phí phải trả	354.860.934	1.337.754.737	354.860.934	1.337.754.737
Phải trả khác	1.037.989.078	957.124.809	1.037.989.078	957.124.809
	144.120.732.326	261.950.506.701	144.120.732.326	261.950.506.701

8.3 Thông tin về bộ phận

Theo lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn hoạt động trong 02 lĩnh vực kinh doanh:

1. Trồng cây cao su, chế biến mủ cao su tại tỉnh Champasak của Lào.
2. Trồng chuối và bán chuối tươi tại tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

Chi tiết doanh thu bán hàng ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu mủ cao su	492.865.892.380	569.249.358.295
Doanh thu bán chuối	3.968.659.600	16.489.954.300
	496.834.551.980	585.739.312.595

Theo khu vực địa lý

Đối với thành phẩm cao su, Tập đoàn có xuất khẩu trực tiếp nhà máy tại Lào và một phần xuất khẩu tại Việt Nam, doanh thu bán hàng theo từng khu vực của từng loại sản phẩm như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Cao su		
Xuất khẩu từ Việt Nam	350.995.712.742	407.764.820.793
Xuất khẩu từ nhà máy (Lào)	141.870.179.638	161.484.537.502
Chuối		
Bán tại Việt Nam	3.968.659.600	16.489.954.300
Cộng	496.834.551.980	585.739.312.595

8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.


ĐỖ THỊ NINH
Người lập


LÊ THANH CƯỜNG
Kế toán trưởng


NGUYỄN VIỆT TƯỢNG
Chủ tịch HĐQT
Đắk Lắk, ngày 28 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

DRI

Ngày 27 tháng 03 năm 2023
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ


NGUYỄN VIỆT TƯỢNG